

Số 153

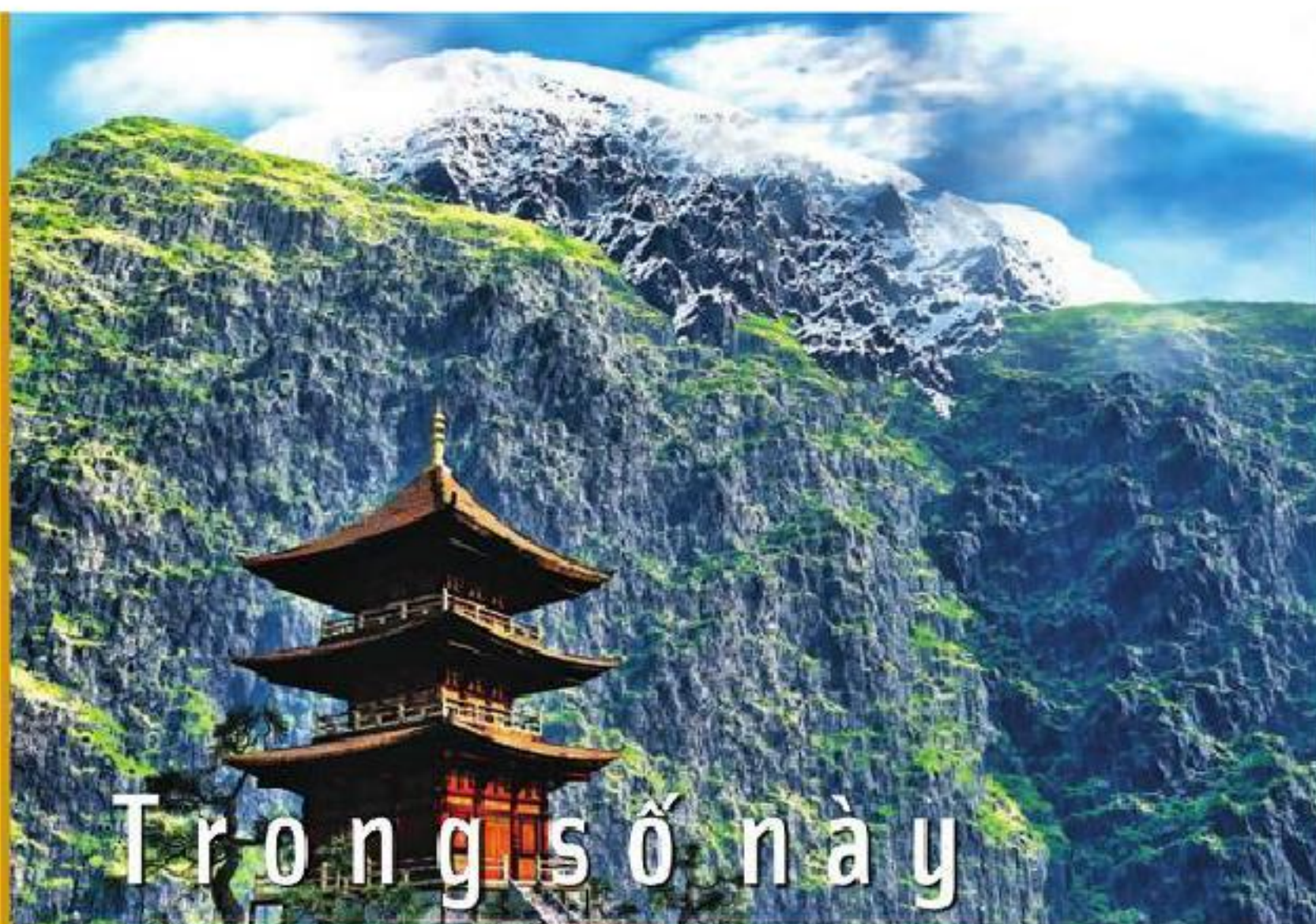
VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

*Thập thướng
lời kinh* Th. 100

Màu mực nào
cho tương lai?

Thể và dụng
của tâm Th. 15



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Màu mực nào cho tương lai? (Nguyễn Cẩn)	3
Sương mai	6
Tưởng niệm Bồ-tát Thích Quảng Đức	7
Góp ý tu chỉnh Hiến chương (Không Tuệ)	8
Hoàng pháp và hướng dẫn Phật tử (Hải Trùng)	10
Nói năng như Chánh pháp (Vĩnh Trùng)	12
Thể và dụng của tâm (Nguyễn Thế Đăng)	15
Đường thi: Thể nào là thơ Thiền (Vũ Thế Ngọc)	18
Tháp thoảng lời kinh 4: Luân hồi sanh tử (Đỗ Hồng Ngọc)	20
Trên con dốc Phương Liên (Nguyễn Đông Nhật)	22
Mặc cảm tội lỗi (Ajahn Brahm - Trần Ngọc Bảo trích dịch)	24
Vô Biên Trang Nghiêm Bồ-tát với đời mạt pháp (Vĩnh Hạnh Thái Chí Bình)	27
Khó nói (Hoàng Tá Thích)	30
Hoàng pháp đến vùng sâu vùng xa (Thích Giác Toàn)	32
Nó, còi cọc và tiếng chuông chùa (Lê Văn Đồng)	35
Bạn (Lê Hải Đăng)	36
Bàn Thiền Nam Bộ (Trần Phông Diểu)	38
Thư gửi bố (Thiện Thông Hiếu)	40
Phong linh (Mẫu Đơn)	42
Tiếng trống chùa của ông Sáu Chiếm (Thành Nam)	44
Cảm ơn con đã đến (Phùng Hà)	46
Về Lý Sơn thăm chùa Đục (Lê Xuân Thọ)	47
Vịnh Xuân Đài, nét đẹp quyến rũ (Thục Quyên)	49
Thơ	51
Tấm Phái Quy-y (truyện ngắn của Hải Trinh)	53
Châu Phi, một mảnh đất mới cho việc hoằng pháp (Hoang Phong)	56
Chùa Thiếu Lâm và văn hóa Trung Hoa (My Vũ)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	61

Bìa 1: Học kinh. Ảnh: Văn Thức.



Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Mùa Phật đản năm 2012 Tây lịch vừa diễn ra với rất nhiều hoạt động trang nghiêm được tổ chức trên toàn thế giới, thể hiện niềm tin Phật của đông đảo Phật tử trên hành tinh này khi loài người bước vào năm thứ 2556 của kỷ nguyên Phật lịch. Trong bối cảnh nhân loại vẫn đang phải đối phó với nhiều khủng hoảng và căng thẳng toàn cầu, việc ngày Đản sinh của Đức Phật được kỷ niệm trang trọng ở khắp mọi nơi cho thấy giáo pháp của Đức Phật đã nhuần thấm lòng người, đem lại cho nhân loại một niềm hy vọng tươi mới về việc cùng nhau hành trì giáo pháp cao thượng để cùng xây dựng một cuộc sống an lạc và hạnh phúc cho số đông.

Hòa cùng niềm hy vọng ấy, Văn Hóa Phật Giáo đã xuất bản một số báo đặc biệt kỷ niệm Phật đản (số 152) với số lượng in cao hơn bình thường trên 30% và đã được quý độc giả sốt sắng ủng hộ, chỉ trong một tuần đã phát hành hết, một mặt xác chứng rằng những cố gắng cải tiến liên tục của tạp chí trong thời gian qua đã được tưởng thưởng, mặt khác, nhắc nhở tòa soạn tiếp tục duy trì mọi nỗ lực để đáp ứng đúng nhu cầu của độc giả cả về nội dung lẫn hình thức trên tinh thần gìn giữ đúng chủ trương của tạp chí.

Tiếp theo lời cung thỉnh về việc góp ý tu chỉnh Hiến chương GHPGVN được nêu ra trên số báo Phật đản, tòa soạn đã tiếp nhận nhiều ý kiến. Trong số báo này, chúng tôi xin chọn đăng hai bài, một bài của tác giả Không Tuệ, một bài của tác giả Hải Trừng, là những bài viết nêu lên được những đề nghị tích cực trên tinh thần xây dựng, phù hợp với hướng dẫn của Giáo hội. Cũng có nhiều thư khác liên quan đến việc tu chỉnh Hiến chương đã được gửi về tòa soạn nhưng có những trường hợp hoặc ý kiến không rõ ràng, hoặc đề nghị không dứt khoát, hoặc hình thức trình bày thiếu sự nhã nhặn cần có của việc góp ý, chúng tôi không thể chọn đăng. Trong số tới, chúng tôi sẽ đưa thêm ý kiến về vấn đề này nếu có. Xin cung thỉnh quý tôn túc và chư vị nhân sĩ quan tâm đến việc tu chỉnh Hiến chương của Giáo hội tiếp tục có những ý kiến xác đáng chuyển về cho VHPG. Chúng tôi sẽ có một bài tổng kết những ý kiến đã được VHPG đăng tải như một sự góp ý chính thức với Ban Tu chỉnh Hiến chương GHPGVN trước thêm Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc sẽ được tổ chức vào cuối năm nay.

Sau cùng, xin kính chúc quý độc giả luôn luôn giữ được niềm an lạc tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo

Màn mực nào cho tương lai?

NGUYỄN CÁN

Tuổi trẻ chọn con đường nào?

Tại hội trại "Thanh niên liêm chính vì sự phát triển bền vững" vừa diễn ra tại Hà Nội do Tổ chức Hướng tới sự Minh Bạch (TCHTSMB) phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục Thanh Thiếu Niên tổ chức, đoạn phim video ngắn có tựa đề *Gạch tham ô Xây Ngục tù – Mực liêm chính Vẽ tương lai* của nhóm bạn trẻ là sinh viên Trường Đại học Ngoại thương đã được nhiều người chú ý. Đoạn phim mô tả con đường vào đời của hai người bạn: một người không cưỡng được những cám dỗ của cuộc sống đã chọn con đường vinh thân bằng luồn cúi, tham nhũng, tha hóa... để đạt mục đích, còn người kia đi lên bằng nỗ lực và tài năng bản thân. Kết cục là kẻ tha hóa sa chân vào vòng lao lý còn người kia nhìn thấy chân trời mờ ra đầy ánh sáng. Đó là một cái kết có hậu cần thiết cho một tác phẩm dự thi. Còn thì sẽ có người nói, thực tế không hẳn như vậy: biết đâu kẻ luồn cúi, thoái hóa kia hôm nay lại đang chễm chệ, ngênh ngang ở một địa vị cao nào đó và nhìn anh bạn vào đời bằng tài năng phải vật vờ mưu sinh mà cười mỉa...

Dù sao thì nội dung của đoạn phim cũng đã cho thấy, nói chung, sự trung thực luôn được khẳng định là sự lựa chọn của con người, nhất là của giới trẻ. Thông điệp của Hội trại là "Hãy tiến tới thành công trên đôi chân liêm chính", hay "Một tờ báo phẳng không chấp nhận một ngòi bút cong". Dù có thành công hay không trong xã hội hôm nay thì "liêm chính" vẫn là những giá trị cao đẹp ngàn đời mà con người luôn hướng tới. Đó cũng chính là khát khao của tuổi trẻ.

Thế nên người ta không quá ngạc nhiên khi kết quả thăm dò trên 1.022 thanh niên trong độ tuổi 15-30 ở 11 tỉnh thành Việt Nam được công bố tháng 8-2011 của TCHTSMB cho biết: 83-86% thanh niên cho rằng thiếu liêm chính gây tổn hại nghiêm trọng cho thế hệ của họ, cho tương lai kinh tế đất nước. Song đáng buồn thay khi vẫn có đến 38% bạn trẻ cho biết họ có thể vi phạm các nguyên tắc liêm chính để đạt được những lợi ích cá nhân. Tâm thế có thể thỏa hiệp ấy đáng để chúng ta suy nghĩ!

Chúng ta đi tìm sự liêm chính ở đâu?

Chữ liêm chính trong tiếng Anh là integrity, có nguồn gốc ở một tính từ Latin là integer, mang ý nghĩa toàn thể, trọn vẹn; trong toán học còn là nói về số nguyên, số trọn vẹn.

Liêm chính mang nội hàm chân thật, thật thà, nhất quán trong tính cách. Thế nên sự liêm chính ở một con

người được đánh giá hay nhìn nhận theo cách mà người đó ứng xử, hành động có phù hợp với những giá trị đạo đức, niềm tin hay nguyên tắc mà họ đề cao hay không.

Hẳn không thể gọi là liêm chính trước những gì chúng ta đang trải nghiệm, chứng kiến về một nền hành chính công, khi mà ai cũng phải "chạy" từ thuở chưa sinh ra như việc bố mẹ phải chạy nhà thương để sinh ra được một đứa con, rồi con lớn lên thì lại chạy trường, chạy lớp; khi phụ huynh phải chi tiền cho cán bộ quản lý giáo dục nhằm sắp xếp cho con em mình một chỗ ngồi trong một ngôi trường "điểm" nào đó, khi thanh niên vào đời thì phải chạy việc làm, tính chuyện làm ăn thì phải chạy giấy phép... nguy hiểm hơn nữa là chạy chức, chạy quyền... chạy dự án. Và nói chuyện "chạy" dự án thì ta mới thấm thía mọi hệ lụy của chữ "chạy" khi thấy bao nhiêu công trình xây dựng nham nhở, dở dang, chất lượng "lôm côm" vẫn cứ được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Hãy thử nghe nhận định về những công trình hàng chục nghìn tỷ mà chúng ta đang sử dụng:

Đường cao tốc TP.HCM - Trung Lương là một tuyến đường có vốn đầu tư lớn (10.000 tỷ đồng) được thiết kế theo đúng chuẩn nhưng chất lượng công trình lại có vấn đề ngay khi bắt đầu khai thác. Bằng chứng là chỉ một thời gian ngắn sau khi đưa vào sử dụng thì mặt đường đã liên tục xuất hiện ổ gà, ổ voi. Hàng ngàn sự cố, tai nạn do nổ vỏ, hỏng máy, xe cùng chiều đâm nhau, xe lao xuống ruộng hay lao vào dải phân cách liên tục xảy ra. Tình hình nghiêm trọng đến mức tháng 10-2011, Ban An toàn giao thông tỉnh Long An phải đi khảo sát, đếm số ổ gà, ổ voi để có căn cứ kiến nghị Tổng Công ty Cửu Long khắc phục khẩn cấp. Kết quả đếm sơ sơ đoạn qua địa bàn tỉnh Long An có khoảng... 500 cái "ổ" các loại. Đó là chưa kể vô số ổ gà trên đường dẫn dài 22km ở hai đầu TP.HCM và Tiền Giang. Dù vậy, đến thời điểm cuối tháng 4-2012 công việc khắc phục tình trạng nham nhở trên mặt đường vẫn chưa xong.

Có cả những công trình chưa làm xong đã hỏng như dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc cũng ngốn của dân hơn 10.000 tỷ (sau này đổi tên là đại lộ Thăng Long, Hà Nội) còn một số hạng mục chưa hoàn thành và được thông xe khai thác tạm vào tháng 10-2010 nhân dịp kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội. Đến khoảng tháng 4-2011, tình trạng lún nứt mặt đường đã xuất hiện nhiều đoạn... và đến nay (tháng 5-2012) cũng chưa khắc phục xong.

Tình trạng dự án vừa hoàn thành đã hư hỏng không chỉ xảy ra ở những công trình do ngành giao thông làm chủ đầu tư mà xảy ra trầm trọng hơn ở những ngành khác nữa, nhất là ở những tập đoàn nhà nước. Ai cũng biết Vinashin đã ném hàng chục nghìn tỷ đồng vào những dự án “khả nghi” nhiều hơn khả thi, Vinalines mua đến 73 tàu cũ trong 3 năm 2007-2010 trên 23 nghìn tỷ, trong đó 17 tàu cũ trên 15 năm, có cái còn trên 30 năm (?) mà giá trị cái nào cũng vài nghìn tỷ, kết quả là thua lỗ triển miên đến mức có tàu lỗ bằng giá vốn (tàu Global), Petro Việt Nam sử dụng sai hay đầu tư không đúng 18 nghìn tỷ... EVN lỗ chục nghìn tỷ... Trong đó ngoài việc thiếu kinh nghiệm đàm phán, làm ăn, *bao nhiêu phần trăm tổn thất do thiếu liêm chính?* Và còn nhiều nhiều nữa...

Tình trạng thiếu liêm chính còn gây tổn hại lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe toàn dân như là tình trạng thiếu liêm chính trong kinh doanh, gây nên tình trạng hàng giả, hàng nhái, như phân bón giả, dùng hóa chất bừa bãi nên chúng ta phải ăn thịt heo siêu nạc, mì “formol”, cá ướp urê, rau quả tẩm thuốc bảo quản Trung Quốc cực độc... Tình trạng ô nhiễm môi trường do sản xuất bất chấp môi sinh... Điển hình như vụ Công ty Vedan xả nước bẩn ra sông Thị Vải, và nhiều công ty khác nữa...

Thử định lượng mức độ thiếu liêm chính

Người ta đã nhầm tính tham nhũng làm thiệt hại hơn 1% GDP mỗi năm nhưng con số ấy liệu đã chính xác chưa? Một số tổ chức đã thử tính toán thông qua khảo sát, phỏng vấn, tiếp cận người dân với sự hỗ trợ của Mật trện Tổ quốc và các đoàn thể khác...

Trong năm 2011, người ta đã đo lường Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI - The Provincial Governance and Public Administration Performance Index), được công bố vào ngày 3-5-2012 tại Hà Nội. Ông Jairo Acuna Alfaro, cố vấn chính sách của UNDP nhận định *“Chỉ số PAPI năm 2011 lần đầu tiên cung cấp bằng chứng định lượng chi phí tham nhũng và chi phí không chính thức ở Việt Nam. Tham nhũng làm tổn thương người nghèo, nhưng hiếm khi có bằng chứng cụ thể. Số liệu PAPI đã cung cấp các bằng chứng này”*. Ví dụ, trung bình chi phí phi chính thức cho y tế (tức tiền hối lộ cho chăm sóc y tế công) vào khoảng 1,3 triệu đồng cho mỗi đợt điều trị; cho học thêm hay sự thiên vị của giáo viên là 5,2 triệu đồng mỗi năm học. Để lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người dân phải hối lộ trung bình 1 triệu đồng. Những khoản trên tổng cộng đã là 7,4 triệu đồng, thật sự là gánh nặng vì nó cao hơn lương tháng của một công chức rất nhiều.

Ngoài ra, có những bằng chứng cho thấy ở cấp quốc gia, cần xem xét những biện pháp làm rõ giữa cái gọi là “tặng quà”, biếu xén hàm ơn với các chi phí không chính thức và hối lộ bằng số tiền lớn. Chính phủ đã có các quy định về quà tặng cho quan chức và công chức, nhưng trên thực tế, hối lộ và chi phí không chính thức đã mang tính hệ thống.

Một điểm tương đồng nữa là so với các thủ tục hành chính khác, thủ tục để lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phức tạp, quan liêu và kém minh bạch nhất. Nhìn chung, có sự bất mãn của người dân đối với thủ tục này.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy tham nhũng là vấn đề nổi cộm ở các ngành và lĩnh vực mà PAPI thực hiện việc đo lường. Cụ thể, về việc đưa hối lộ trong khu vực công, kết quả khảo sát cho thấy, khi được hỏi về một số hành vi tham nhũng cụ thể trong khu vực công, nhiều người cho rằng có tình trạng nhận hối lộ trong dịch vụ y tế công (31%), xin việc vào làm trong khu vực nhà nước (29%), xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (21%), để giáo viên quan tâm hơn tới học sinh ở trường (17%) và trong xin cấp giấy phép xây dựng (16%). Ngoài ra, 13% người dân cho rằng cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng.

Đây là những phát hiện được tổng hợp ở cấp quốc gia. Những phát hiện này không thay đổi nhiều khi lấy kết quả khảo sát ở 5 thành phố trực thuộc trung ương để phân tích so sánh với 57 tỉnh còn lại. Điều này phần nào phản ánh mức độ phổ biến của tham nhũng và hối lộ ở khắp các tỉnh, thành phố.

Thiệt hại là vô kể

Nhưng cái mất mát đo lường được ấy không thể so sánh nổi với sự đánh mất lòng tin nơi người dân vào sự công bằng, vào tính chính trực của người lãnh đạo! Trước những thất thoát vì thiếu liêm chính, những hành vi vung tay quá trán hay vung tay cho vào túi mình của những người có chức có quyền, chúng ta hiểu vì sao khi nói tới tương lai đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh phải nhấn mạnh, như một yêu cầu cần thiết mà có thể nói giờ đây đã trở thành một lời tiên đoán nghiệt ngã: *“Một hột gạo, một đồng tiền là mồ hôi, nước mắt của đồng bào. Vì vậy, ta phải ra sức tiết kiệm. Hoang phí là một tội ác. Có tiết kiệm, không hoang phí xa xỉ thì mới giữ được liêm khiết, trong sạch. Nếu hoang phí xa xỉ, thì ắt phải tìm cách xoay tiền, do đó mà sinh ra hủ bại, những lạm, giả dối. Thậm chí làm chợ đen chợ đỏ, thụt két, buôn lậu. Có cần mới kiệm. Có cần, kiệm mới liêm. Có cần, kiệm, liêm mới chính”*.

Sự liêm chính quan trọng như thế nào? Vị tướng hàng đầu của lịch sử nước Mỹ là tướng Dwight D. Eisenhower đã kết luận:

Để làm lãnh đạo, người ta phải có người đi theo mình. Để có người đi theo mình, họ phải có lòng vững tin nơi bạn. Do đó phẩm chất cao nhất của một người lãnh đạo là người ta không phải thắc mắc gì về sự liêm chính của người ấy. Thiếu mất sự liêm chính ấy, không thể có sự thành công thật, dấu trong bất cứ lãnh vực gì, trong một trận đấu bóng, trong quân đội hoặc trong văn phòng. Nếu những người chung quanh khám phá anh ta là con người giả dối... người ấy sẽ thất bại.

Màu mực nào cho tương lai?

Gần đây, khi tiếp xúc cử tri quận Ba Đình, vị lãnh đạo đương nhiệm Đảng Cộng sản Việt Nam là Tổng Bí thư



Nguyễn Phú Trọng có nói: “Trong cơ chế thị trường, điều kiện hội nhập như hiện nay thì tham nhũng có phạm vi rộng, tính chất nghiêm trọng, có dây có nhóm... Biện pháp thì đúng rồi, bắt mạch đúng, cắt thuốc cũng đúng rồi, chỉ lo là có làm được không, có chịu uống thuốc không...” (báo Tuổi Trẻ ngày 5 tháng 4, 2012).

Làm được hay không khi lãnh đạo nhà nước đã đưa ra quy định thật nghiêm ngặt về việc trấn áp các hành động thiếu công bằng, thiếu trung thực nhằm chống lại các tệ nạn tham ô, tham nhũng của các tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan công quyền nhưng hình như vẫn thiếu cơ chế giám sát, thực thi “thượng tôn pháp luật”? Có ai dám dùng những hình phạt thật nặng đối với những hành vi vi phạm pháp luật của các cán bộ nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước trong những hành động bất chính, thiếu nghiêm minh. *Vẫn dường như không có ai chịu trách nhiệm chính về những thất thoát thiệt hại đã xảy ra.* Chúng ta yêu cầu các cơ quan tư pháp phải thật nghiêm minh trong xét xử và xử phạt tất cả, không phân biệt trong hay ngoài Đảng, nhà nước hay tư nhân... Đồng thời phải thông tin đến dân tất cả chủ trương, vì theo đánh giá của UNDP thì người dân ít được thông tin về kế hoạch sử dụng đất nhất là những kế hoạch sử dụng đất có tác động tiêu cực đến cuộc sống của họ; giá bồi thường có khoảng cách rất xa so với giá thị trường; và người dân không biết tìm bản kế hoạch sử dụng đất và các thông tin liên quan ở đâu. Nhiều thông tin lẽ ra phải được phổ biến công khai nhưng chính quyền địa phương vẫn kìm giữ cẩn trọng. Ví dụ, có 80% người dân được hỏi không biết kế hoạch sử dụng đất ở địa phương, chỉ dưới 50% người dân biết được danh sách hộ nghèo, và chỉ một phần ba người dân được hỏi nghĩ rằng ngân sách

xã phải được công khai. Phải khẩn trương tiến hành cuộc cải cách tư tưởng, để cao sự liêm chính trong xã hội, văn hóa, giáo dục; phải thực hiện được tiêu chí học thật bằng thật; cán bộ phải nêu gương sáng về sinh hoạt cá nhân, không hoang phí xa xỉ từ xe cộ đến trụ sở làm việc, gương mẫu trong gia đình, chòm xóm... công sở.

Trong chương trình “China’s got talent”, một em bé Mông Cổ phát biểu: “Em ước gì có thể sản xuất ra một loại mực mà khi đổ nó xuống, cả Trái đất này thành những đồng cỏ xanh”. Tương tự như vậy, chúng ta ước có một loại mực tẩm gọi lại cho toàn dân ta, nhất là những bậc quan trên, để tẩm hồn họ lại trong veo, rực rỡ màu liêm chính, sáng lên tinh thần khẩu hiệu “vì nhân dân phục vụ” vốn đang hoen ỉm bấy lâu! Màu của tương lai do chính chúng ta vẽ lên phải mang sắc màu liêm chính thì mới xua tan được bóng tối của những viên gạch tham ô vẩy quanh đây lâu...

Theo quan điểm Phật giáo, thiếu liêm chính là một biểu hiện của lòng tham, một trong ba độc, nguồn gốc của mọi khổ đau, vừa đem lại khổ đau cho người khác mà cũng là nguồn gốc khổ đau của chính mình. Để giảm thiểu khổ đau cho nhân dân, xin ai đó hãy thực hành liêm chính, xin mọi người hãy tìm mọi cách xóa bỏ tình trạng bất liêm.

Đợi chờ hay nguyện cầu!

Ghi chú:

* Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) là một dự án nghiên cứu được phối hợp thực hiện giữa CECODES (Trung tâm nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, và UNDP Việt Nam, có mục đích đo lường và đánh giá hiệu quả về quản trị và hành chính công cấp tỉnh dựa vào cảm nhận và trải nghiệm của người dân. ■

**Có lỗi mà biết là trái, đổi ác làm lành
thì mỗi ngày lỗi hết dần đi, sau đó thế
nào cũng đắc đạo.**

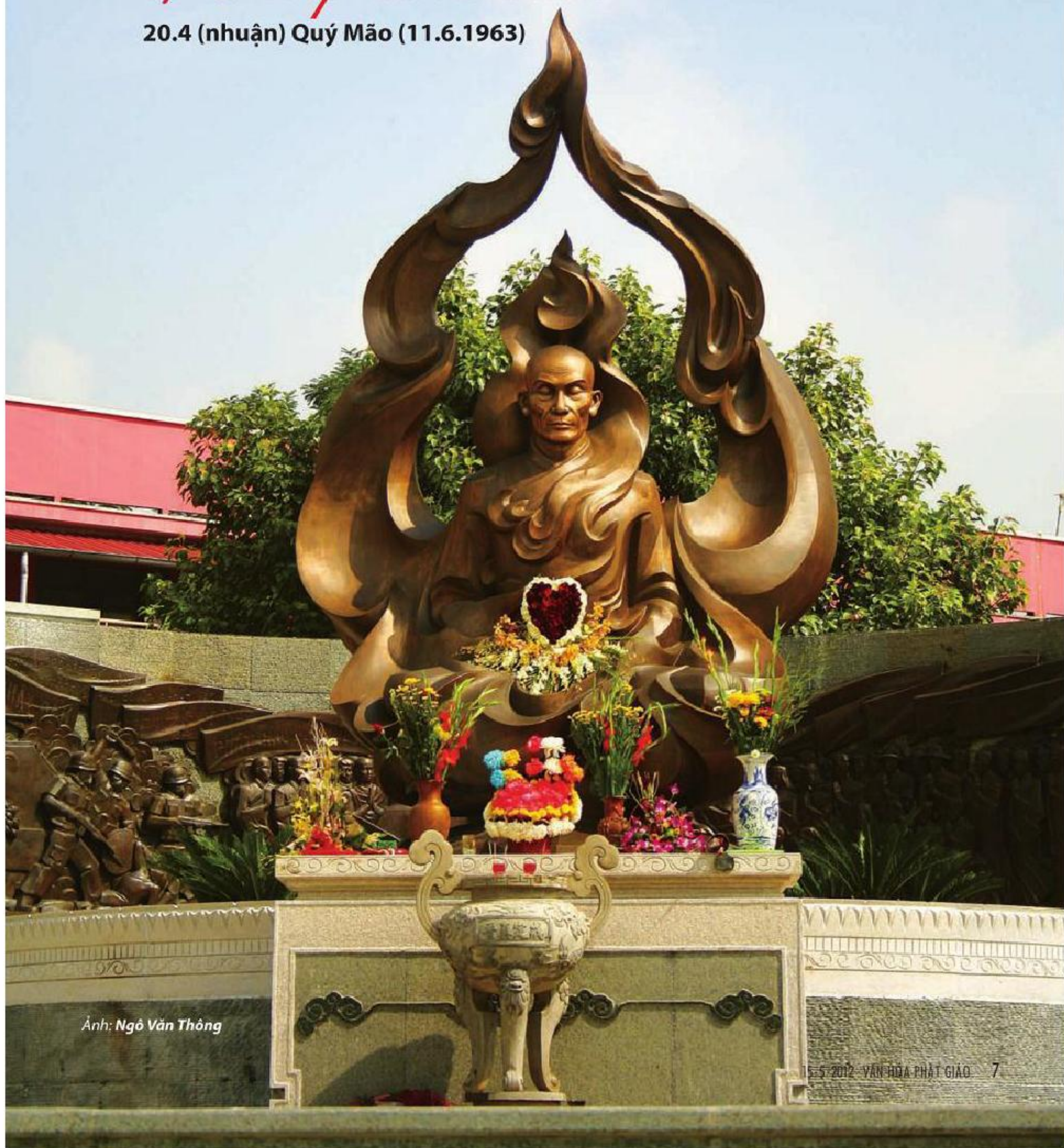
Kinh 42 chương, 4



Thành kính tưởng niệm
BỒ-TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC

vị Pháp thiếu thân

20.4 (nhuận) Quý Mão (11.6.1963)



Ảnh: Ngô Văn Thông



Góp ý tu chỉnh Hiến chương

KHÔNG TUỆ

Ngay từ khi ra đời vào năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có một bản Hiến chương dùng đặt để nền tảng cho mọi hoạt động của mình. Trong quá trình hoạt động suốt 30 năm qua, bản Hiến chương đó đã từng được tu chỉnh vào các kỳ Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc năm 1987, năm 1992, năm 1997, và năm 2007. Tuy nhiên, chưa bao giờ những vấn đề cơ bản đối với việc quản lý và điều hành Giáo hội được bàn đến. Trong khi đó, sau 6 nhiệm kỳ hoạt động, GHPGVN đã phát triển nhiều so với những ngày đầu thành lập. Từ

28 Ban Trị sự Phật giáo Tỉnh, Thành hội và 6 ban ngành Trung ương có hoạt động khi kết thúc nhiệm kỳ đầu tiên, đến nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang quản lý 58 đơn vị Tỉnh, Thành hội Phật giáo, 6 Hội Phật tử Việt Nam tại các nước châu Âu, và một số khá lớn các Ban Đại diện Phật giáo cấp thành phố trực thuộc tỉnh, cấp thị xã, quận, huyện... cùng với một Viện Nghiên cứu Phật học, 9 ban ngành Trung ương, chưa kể Ban Truyền thông đã có quyết định thành lập nhưng chưa được đưa vào Hiến chương. Con số Phật tử có đăng ký mà Giáo hội kiểm tra được đã lên trên 45 triệu. Với tầm mức hoạt

động ngày càng rộng rãi hơn, việc tiếp tục duy trì các hình thức quản lý điều hành như ban đầu của GHPGVN căn cứ vào Hiến chương hiện hành là một trong những nguyên nhân khiến nhiều năm qua GHPGVN chỉ phát triển về Lượng mà ít phát triển về Chất.

Quả thật, khi tìm hiểu kỹ Hiến chương và quan sát thực tế hoạt động của bộ máy lãnh đạo GHPGVN, người ta không khó để thấy rằng cơ cấu tổ chức của Giáo hội thiếu hợp lý, không bảo đảm được tính độc lập của cơ quan có nhiệm vụ giám sát, là Hội đồng Chứng minh (HĐCM), đối với cơ quan quản lý điều hành, là Hội đồng Trị sự (HĐTS). Ngay trong nhiệm kỳ đầu tiên, 9 vị Hòa thượng gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch thường trực và Phó Chủ tịch cùng nhiều vị khác nữa thuộc HĐTS đều là thành viên của HĐCM. Mặt khác, tuy các Hội đồng đều có nhiệm kỳ là 5 năm, nhưng Hiến chương không quy định số nhiệm kỳ tối đa cho các chức danh thuộc Ban Thường trực HĐTS. Điều thiếu sót ấy dẫn đến việc khi một vị tôn túc đã được suy cử vào Ban Thường trực HĐTS thì xem như vị ấy tại vị suốt đời! Thực tế cho thấy nhiều vị tham gia Ban Thường trực HĐTS nhiều nhiệm kỳ liên tục, chỉ đổi chức danh từ vị trí này sang vị trí khác. Không những thế, với thời gian tại vị lâu dài, một số bậc tôn túc thuộc Ban Thường trực HĐTS không chỉ tham gia vào HĐCM mà thôi, lại còn được cung thỉnh tham gia Ban Thường trực HĐCM; điều này đã xảy ra từ nhiệm kỳ thứ ba trở đi và khuynh hướng ấy ngày càng nặng nề hơn. Đành rằng chỉ Ban Thường trực HĐCM mới có nhiệm vụ giám sát hoạt động của HĐTS, nhưng sự có mặt của các vị chức sắc thuộc HĐTS trong HĐCM cũng đủ tác động đến cơ cấu của Ban Thường trực HĐCM, hướng chỉ các thành viên HĐTS còn tham gia Ban Thường trực HĐCM nữa thì tác dụng giám sát của HĐCM chắc chắn trở nên vô hiệu. Một thực tế khác cho thấy sự lỏng lẻo của Hiến chương thể hiện ở tình trạng có quá nhiều vị tôn túc kiêm nhiệm một lúc hai đến ba chức danh ngay trong HĐTS. Thông thường là trường hợp các vị Chủ tịch hay Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức vụ thuộc các ngành chuyên môn của Giáo hội như Trưởng ban, Viện trưởng... Cũng có trường hợp có vị Trưởng một ban này lại kiêm Phó một ban khác và có những vị là Phó của nhiều Ban; đó là chưa kể nhiều vị tuy đã tham gia Ban Thường trực HĐTS nhưng vẫn giữ những vai trò then chốt trong các Ban Trị sự thuộc Tỉnh, Thành hội. Đây đó đã có dư luận về những vị tôn túc sở hữu tấm danh thiếp in kín hai mặt chưa ghi đủ những chức vụ Giáo hội mà vị ấy đang đảm nhiệm! Dựa trên những thăm dò về hiệu năng công tác của những vị tôn túc kiêm nhiệm quá nhiều chức vụ, người ta được biết nhiều vị không hề có hoạt động nào liên quan đến các chức danh mà họ kiêm nhiệm. Điều đó cũng chẳng có gì là lạ. Ai cũng chỉ có thể đảm nhận một số công việc nhất định phù hợp với năng khiếu và sở trường của mình. Và tuy công việc của Giáo hội không có tính

cách chuyên biệt như của hoạt động sản xuất hay kinh doanh, mỗi công việc cũng đòi hỏi một mức độ chuyên nghiệp nhất định, mỗi công việc cũng yêu cầu một sự tận tâm nhất định. Khi một người ôm đồm quá nhiều việc khác nhau thì không thể nào có đủ mọi năng lực để hoàn tất hết công việc, và vì thế dần dần trở nên giải đãi. Nhiều ban ngành chuyên môn của Giáo hội về thực chất chỉ có một hay hai vị có mặt để theo dõi sinh hoạt Phật sự ở các địa phương rồi viết báo cáo chứ chẳng thấy có hoạt động gì.

Để Hiến chương của GHPGVN thực sự có tác dụng nâng cao hiệu năng quản lý điều hành mọi hoạt động của Giáo hội, việc tu chỉnh Hiến chương cần phải nhằm thẳng đến thực trạng vừa nêu, từ đó đưa ra những quy định nhằm tăng cường tính độc lập của hai Hội đồng, nhằm cắt đứt tình trạng trì trệ đã xảy ra do quyền lực tập trung vào một số cá nhân trong một thời gian quá dài, và nhằm nâng cao năng lực làm việc của những vị được suy cử vào những chức vụ của Giáo hội. Trên tinh thần đó, những đề nghị sau đây cần được quý vị tôn túc nghiên cứu và đưa vào Hiến chương:

1. Ấn định dứt khoát, các vị tôn túc đã được suy cử vào Hội đồng Chứng minh sẽ không tham gia Hội đồng Trị sự; các vị đã tham gia Hội đồng Trị sự không thể có mặt trong Hội đồng Chứng minh.

2. Ấn định số nhiệm kỳ tối đa của Chủ tịch HĐTS là hai hay ba nhiệm kỳ.

3. Ấn định số nhiệm kỳ tối đa của Tổng Thư ký và Trưởng các Ban Viện thuộc HĐTS là hai hay ba nhiệm kỳ.

4. Ấn định dứt khoát, các vị chức sắc thuộc Ban Thường trực HĐTS không kiêm nhiệm bất kỳ một chức danh nào khác, trừ trường hợp bất đắc dĩ, các vị Trưởng ban chuyên môn phải kiêm nhiệm Trưởng ban Trị sự Tỉnh, Thành hội thuộc địa phương gốc của mình.

5. Về Hội đồng Chứng minh, Hiến chương nên ấn định một số lượng hạn chế các vị thành viên, chừng 50 tới 60 vị, được cung thỉnh trong số các bậc trưởng lão Hòa thượng có nhiều tuổi đạo, còn minh mẫn, có đức hạnh nghiêm cần và trí tuệ cao vời.

6. Khi đã đặt vấn đề không kiêm nhiệm thì có thể thấy rằng trong cơ cấu lãnh đạo của Ban Thường trực HĐTS, chín vị Phó Chủ tịch bên cạnh ba vị Phó Chủ tịch Thường trực đôi khi là quá nhiều, cần giảm bớt số lượng các vị Phó Chủ tịch không thường trực.

Trong một môi trường hoạt động ngày càng đòi hỏi sự chuyên sâu ở từng lãnh vực, chư tôn đức hoặc các vị cư sĩ thực đức tham gia vào việc quản lý và điều hành Giáo hội cũng cần chuyên tâm vào những lãnh vực sở trường nhất của mình mới có thể đem lại thành công trong việc phát triển Giáo hội, mới có thể phát huy hiệu quả tích cực trong phạm vi đóng góp của mình.

Mong sao những đề nghị nêu trên được Giáo hội xét đến trong quá trình tổ chức và cơ cấu nhân sự cho cơ quan lãnh đạo cao nhất của Giáo hội. ■



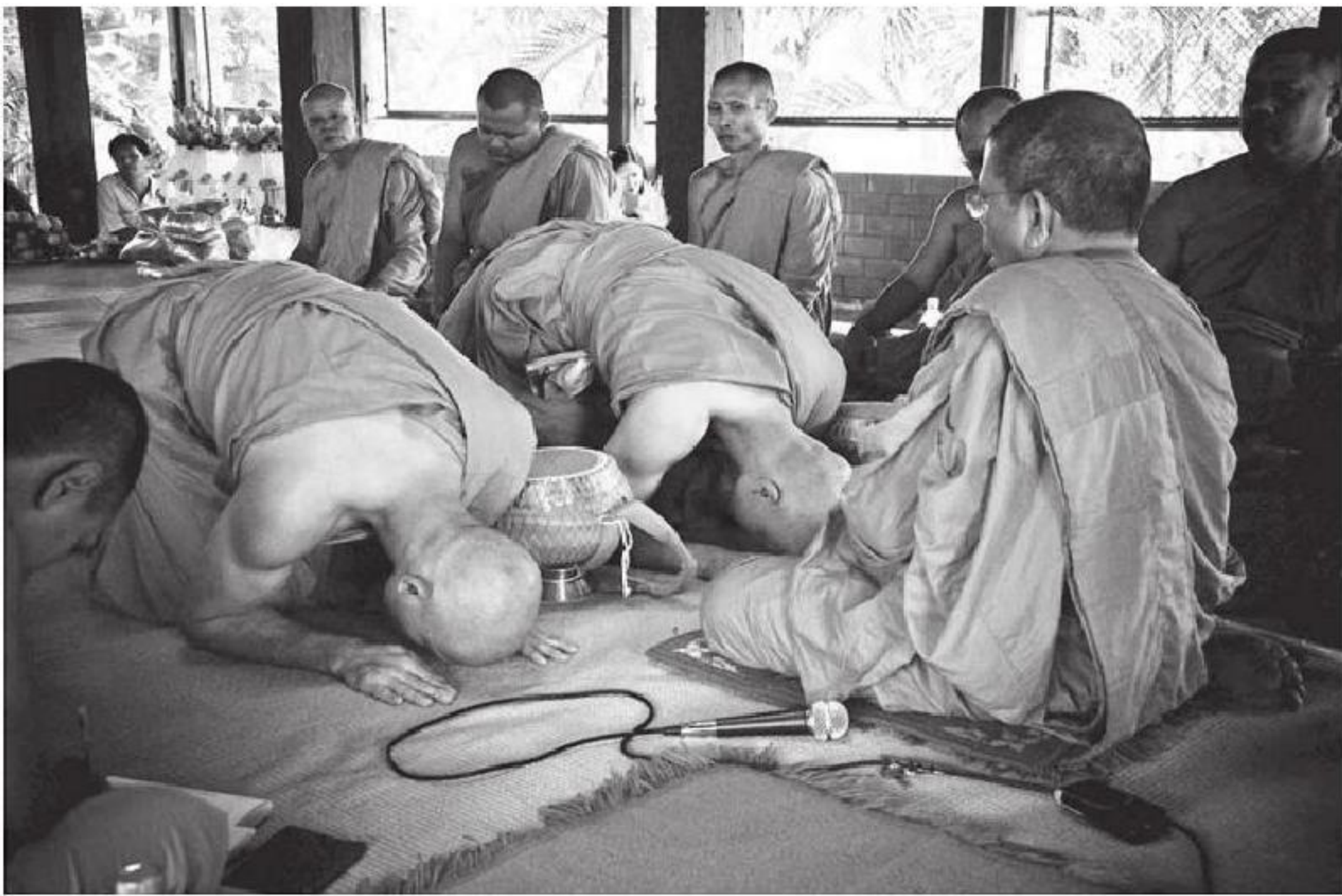
Hoằng pháp và Hướng dẫn Phật tử

HẢI TRƯNG

Hoằng pháp là nói tắt các nhóm từ hoằng bá Phật pháp hay hoằng truyền Chánh pháp, đều có nghĩa là làm lưu truyền rộng rãi trong nhân gian giáo pháp chân chính của Đức Phật. Hoằng pháp là một trong hai nhiệm vụ căn bản của mọi người con Phật, xuất gia cũng như tại gia: đó là tu tập để tự độ và hoằng pháp để độ tha. Có thể thấy việc hoằng pháp bao trùm tất cả mọi công việc liên quan đến đạo Phật của một người Phật tử: xây chùa, dựng tháp, tô tượng, đúc chuông... là hoằng pháp; đi chùa lễ Phật, tham gia hộ niệm, tham dự các nghi lễ... là hoằng pháp; sáng tác những chế phẩm nghệ thuật ca ngợi bậc giải thoát, ca ngợi giáo pháp của Phật... là hoằng pháp; viết sách, làm báo... để phổ biến giáo lý của Đức Phật là hoằng pháp; nghiên

cứu sâu lời Phật dạy, quảng diễn đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn giúp cho người tu tập cả tại gia và xuất gia sớm đạt đến sự giác ngộ tối thượng dựa trên việc thực hành đúng những lời dạy của Đức Phật là hoằng pháp; đứng lên bực thuyết giảng và giải thích giáo nghĩa và giáo lý của Đức Phật cho thính chúng là hoằng pháp; và tu tập cho có kết quả cũng là hoằng pháp.

Công cuộc hoằng pháp là công cuộc rộng lớn bao gồm toàn thể những công việc mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần thực hiện, có đối tượng là tất cả mọi chúng sinh, chú trọng nhất đến con người kể cả xuất gia và thế tục, có phạm vi bao trùm mọi lãnh vực từ việc thuyết giảng đến việc duy trì giới luật, từ việc nghiên cứu Phật học và những biện pháp quảng bá Phật học đến việc áp dụng những nghiên cứu ấy, từ việc xây dựng và quản lý chùa



chiến tự viện đến việc đào tạo xây dựng và giáo dục cả tổ chức lẫn con người... Trong phạm vi rộng rãi của công cuộc hoằng pháp đó, một bộ phận công việc quan trọng của Giáo hội Phật giáo được giao cho Ban Hoằng pháp, là một ngành chuyên môn có liên quan đến tất cả những ban ngành khác, mà trọng tâm hoạt động của Ban Hoằng pháp trùng hợp nhiều nhất với vai trò của Ban Hướng dẫn Phật tử, một Ban có nhiệm vụ giải thích giáo pháp của Đức Phật để hướng dẫn hàng cư sĩ Phật tử tu tập; những công việc thực chất là hoạt động hoằng pháp. Tuy nhiên, trong Ban Hướng dẫn Phật tử hiện có Phân ban Gia đình Phật tử, là một bộ phận chuyên trách về đoàn thể Gia đình Phật tử, một hình thức sinh hoạt thanh thiếu niên có truyền thống từ thời chấn hưng Phật giáo.

Về thực tiễn lịch sử, mọi người đều biết Phật giáo Việt Nam trong thập niên 30 của thế kỷ trước đã thực hiện công cuộc chấn hưng Phật giáo có hiệu quả. Cùng với công cuộc đó, đã xuất hiện đoàn thể Gia đình Phật tử Việt Nam sinh hoạt khắp Bắc Trung Nam. Gia đình Phật tử Việt Nam đã đóng vai trò một đoàn thể tích cực giáo dục thanh thiếu niên hướng Phật, thật sự đem lại những lợi ích lớn cho xã hội; rất nhiều vị tôn túc lãnh đạo Giáo hội các cấp ngày nay từng xuất thân từ Gia đình Phật tử Việt Nam hoặc đã có thời phụ trách giáo lý cho các đoàn thể ấy. Trong lúc thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, việc phục hồi sinh hoạt cho đoàn thể Gia đình Phật tử Việt Nam gặp trở ngại nên chư vị tôn túc thời bấy giờ đã tạm thời tùy nghi đặt một Ban Hướng dẫn Phật tử rồi phiên chế một Phân ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử với mục đích tạo điều kiện cho đoàn thể này có tư cách hoạt động.

Cho đến nay, đoàn thể Gia đình Phật tử trong nước đã thực sự trở thành một hình thức hoạt động đầy sức

sống, có truyền thống tổ chức, có chương trình sinh hoạt được xây dựng chi tiết mang tính sư phạm cao, đang từng bước phục hồi sinh khí của thời kỳ tích cực giáo dục thanh thiếu niên hướng Phật, quy tụ một số lượng đoàn viên đông đảo với hơn 72.000 người trên cả nước mà một số rất lớn là những em nhỏ trong độ tuổi từ 6 đến 16 đang rất cần có được sự hướng dẫn về một lối sống hiền thiện trước môi trường xã hội ngày càng băng hoại về mặt đạo đức. Mặt khác, hình thức Gia đình Phật tử hiện nay cũng đang phát triển mạnh mẽ trong những cộng đồng người Việt sinh sống trên khắp thế giới. Là một hình thức sinh hoạt ra đời trong lòng Phật giáo Việt Nam, Gia đình Phật tử hải ngoại cần được quy tụ về một mối để chấp nhận sự lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Những điều đó cho thấy đoàn thể Gia đình Phật tử xứng đáng có được tiếng nói trong Hội đồng Trị sự GHPGVN.

Chính vì thế, đề nghị Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc năm nay xét đổi tên Ban Hướng dẫn Phật tử thành Ban Gia đình Phật tử, thể hiện đúng thực chất hoạt động của Ban này; vì nhiệm vụ hướng dẫn cư sĩ Phật tử thực ra vẫn là trọng tâm hoạt động của Ban Hoằng pháp.

Thiết nghĩ, một mặt, việc tập trung hoạt động hướng dẫn cư sĩ Phật tử vào nhiệm vụ của Ban Hoằng pháp vừa tạo thêm sức mạnh cho Ban Hoằng pháp vừa tăng cường tính hữu hiệu của hoạt động hoằng pháp; mặt khác, việc đổi tên Ban Hướng dẫn Phật tử thành Ban Gia đình Phật tử sẽ mở rộng điều kiện hoạt động của đoàn thể Gia đình Phật tử Việt Nam để đoàn thể này đóng góp thêm nữa vào việc giáo dục thanh thiếu niên, một nhu cầu hết sức cấp thiết trong giai đoạn hiện nay; đồng thời có điều kiện thu hút các nhóm Gia đình Phật tử hải ngoại hướng về Giáo hội trong nước. ■



Nói năng như Chánh pháp

VĨNH TRƯNG

Khách thập phương viếng thăm cảnh chùa đôi khi bắt gặp câu “Nói năng như Chánh pháp” được thể hiện đầu đó trong khung cảnh trang nghiêm thanh nhã của chốn thiền môn. Đó là câu nói khá quen thuộc của nhà Phật, cốt yếu khuyên nhắc những người con Phật, đặc biệt là người xuất gia, cần phải lưu tâm gìn giữ và vận dụng lời nói của mình sao cho phù hợp với Chánh pháp hay thể hiện lời nói đúng như lời Phật dạy. Nghĩa là những lời nói ra phải bảo đảm mang lại lợi ích cho mình và lợi lạc cho người khác.

Trong phương pháp giáo dục của Ngài, Đức Phật quan tâm huấn luyện các học trò mình rất kỹ, cốt yếu

tập cho họ có được một nền tảng đạo đức trong sáng, thể hiện trong đời sống cá nhân cũng như trong quan hệ ứng xử với mọi người. Cụ thể là việc rèn luyện thân, miệng, ý trở nên đoan chánh ngay thẳng, không rơi vào khiếm khuyết hư hỏng. Tất cả mọi hành vi thiện hay ác, tốt hay xấu của con người đều xuất phát từ ba cửa ngõ là thân, miệng, ý. Do đó, nếu một người mà thân, miệng, ý không được uốn nắn cho ngay thẳng thì mọi hành vi của người ấy sẽ rơi vào khiếm khuyết xấu ác, đưa đến hại mình hại người. Trái lại, người nào có thân tu tập, có lời tu tập, có tâm tu tập thì mọi hành động của người ấy sẽ trở nên hiền thiện tốt đẹp, đưa đến lợi mình lợi người. Vậy thế nào là lời nói đưa đến lợi

mình lợi người hay “nói năng như Chánh pháp”?

Trước hết, người con Phật phải biết giữ gìn lời ăn tiếng nói của mình, không để cho miệng lưỡi rơi vào những lời nói sai trái xấu ác gây tổn hại cho tự thân và phước hại đến người khác như nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm vô ích. Thay vào đó, vị ấy chỉ nên nói những điều chân thật, đúng đắn; những điều đưa đến đoàn kết, hòa hợp; những điều tao nhã, hiền hòa; những điều có ý nghĩa, lợi lạc. Đức Phật nhắc nhở các học trò mình:

“Vị Thánh đệ tử từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo; nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không phản lại đời. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đến nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoả mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Vị ấy từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa nói lời độc ác, vị ấy nói những lời nhẹ nhàng, thuận tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, vị ấy nói những lời như vậy. Vị ấy từ bỏ nói lời phù phiếm, tránh xa nói lời phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi”.

Như vậy, nói năng như Chánh pháp hay thể hiện lời nói đúng như lời Phật dạy trước hết là tập dứt bỏ nói dối, chỉ chuyên tâm nói đúng sự thật; dứt bỏ nói lời gây chia rẽ người này người khác, chỉ nói những lời đưa đến hòa hợp; dứt bỏ nói những lời thô ác, chỉ nói những lời nhẹ nhàng hiền hòa; dứt bỏ nói những điều phù phiếm vô ích, chỉ nói những điều có ý nghĩa, khiến tâm tư được tịnh lạc. Theo lời Phật, người nào thể hiện lời nói của mình theo cách trên tức là có khẩu hành thanh tịnh, biết nghĩ đến lợi ích của mình và lợi lạc cho người khác¹.

Một phương diện quan trọng khác liên quan đến việc thể hiện lời nói phù hợp với Chánh pháp hay đúng với tinh thần lời Phật dạy, đó là người Phật tử cần phải cân nhắc lời nói của mình, xem điều mình nói ra có đúng thời hay không, có chân thật hay không, có nhu nhuyến hay không, có lợi ích hay không và có từ tâm hay không. Nếu lời nói ra hội đủ năm đức tính trên thì được xem là “nói năng như Chánh pháp” hay thực tập “khẩu hành thanh tịnh” đưa đến tự lợi và lợi tha. Nói cách khác, Đức Phật khuyên chúng ta nên nói đúng thời, nói lời chân thật, nói lời nhu thuận, nói lời có lợi ích và nói với lòng từ bi thương quý mọi người. Ngài nhắc nhở các đệ tử:

“Chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ mà các Thầy có thể dùng khi nói với các người khác: đúng thời hay phi

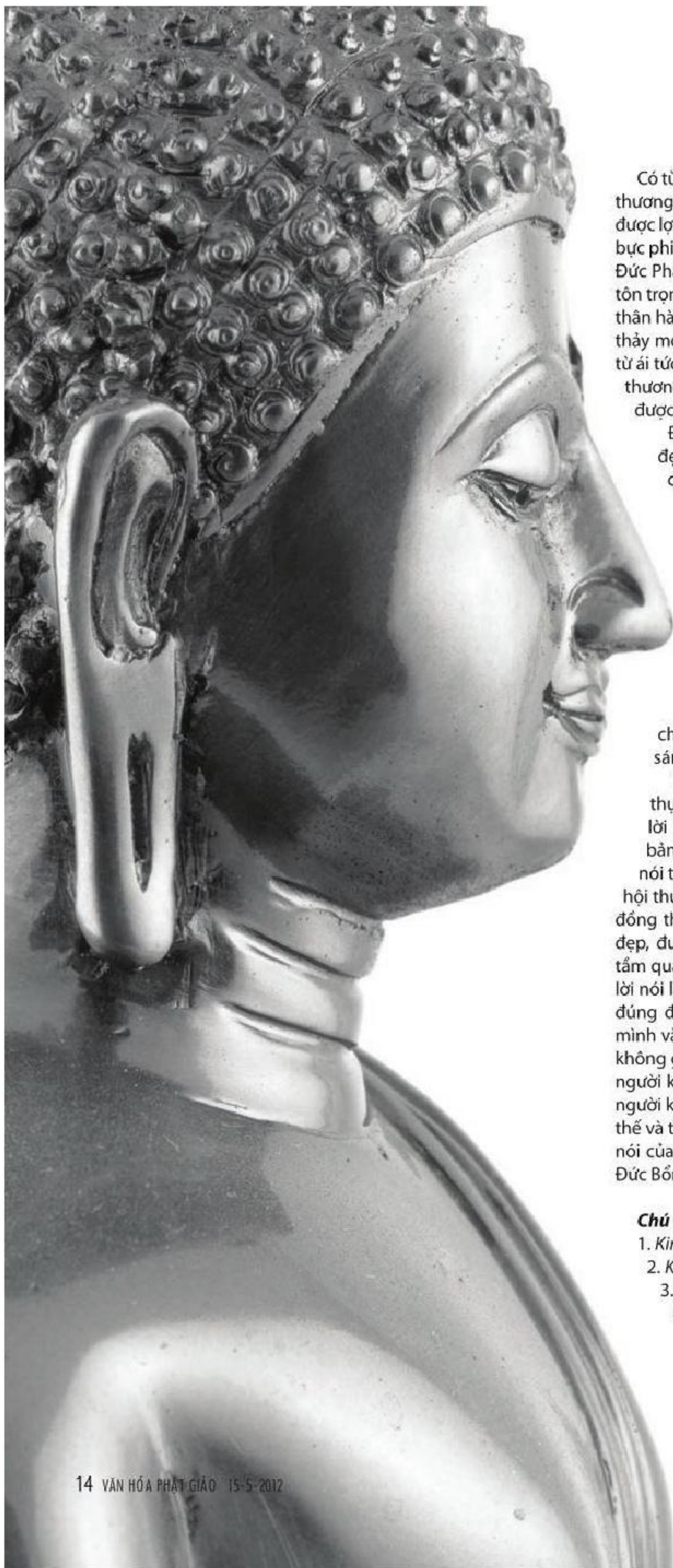
thời, chơn thực hay không chơn thực, nhu nhuyến hay thô bạo, có lợi ích hay không lợi ích, với từ tâm hay với sân tâm. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Thầy có thể nói đúng thời hay phi thời. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Thầy có thể nói lời chơn thực hay nói lời không chơn thực. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Thầy có thể nói lời nhu nhuyến hay nói lời thô bạo. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Thầy có thể nói lời lợi ích hay nói lời không lợi ích. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Thầy có thể nói với từ tâm hay với sân tâm. Chư Tỷ-kheo, ở tại đây, các Thầy cần phải học tập như sau: “Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân”. Chư Tỷ-kheo, như vậy các Thầy cần phải học tập”².

Đúng thời tức là lời nói ra phải đúng lúc, hợp thời, đúng đối tượng, khiến cho người nghe có thể tiếp thu lời nói một cách có hiệu quả. Một người đang ăn hay đang mải mê làm công việc mà nói cho người ta nghe về điều gì đó thì không đúng lúc và lời nói sẽ không có hiệu quả. Hãy để cho người ta rảnh tay đã rồi mới nói thì lời nói mới có tác dụng tốt đẹp. Tương tự, một người đang học cấp một mà nói những vấn đề thuộc trình độ cấp ba thì cũng không đúng lúc và lời nói cũng không có hiệu quả.

Chân thật tức là lời nói ra phải chân chánh đúng đắn, xuất phát từ tâm chân trực, thẳng thắn, không thiên vị, không vụ lợi. Kinh Phật gọi là “nói như hoa”, nghĩa là lời nói đúng sự thật, thấy thì nói có thấy, không thấy thì nói không thấy; biết thì nói có biết, không biết thì nói không biết; nghe thì nói có nghe, không nghe thì nói không nghe³...

Nhu nhuyến tức là lời nói ra phải nhẹ nhàng, từ tốn, hiền hòa, thuận tai, dễ nghe, khiến người khác hoan hỷ, hài lòng, phát khởi lòng tin hướng về thiện pháp. Kinh Phật gọi là “nói như mật” hay nói lời từ tốn, tức là “lời nói không hại, khiến tai ưa nghe, khả ái, đi thẳng đến tâm, lễ độ, được nhiều người ưa thích, được nhiều người thích ý”⁴, hay “mật đối mặt với ai, không nói lời mất lòng; chỉ nói từ từ, không có vội vàng”⁵.

Có lợi ích nghĩa là lời nói ra phải bảo đảm đưa đến lợi lạc cho người nghe, khiến cho người nghe phát khởi tín tâm, tăng trưởng điều lành, giảm thiểu điều ác, tăng trưởng giới đức, tâm đức, tuệ đức, giải thoát và giải thoát tri kiến đức. Để làm được điều này, người con Phật phải biết tránh đề cập các vấn đề thuộc lãnh vực dục vọng thế gian, chỉ tập trung thảo luận hay làm sáng tỏ những vấn đề liên quan đến Phật pháp, khiến cho người nghe tăng trưởng tín tâm mà chuyên tâm thực hành lời Phật dạy⁶.



Có từ tâm nghĩa là lời nói ra phải xuất phát từ động cơ thương quý người khác, mong muốn cho người nghe được lợi ích an lạc, không phải vì ghét bỏ hay do sân hận bức phiền mà “trút lên đầu người ta” những lời báng bổ. Đức Phật khuyên các học trò mình nuôi dưỡng thái độ tôn trọng và thương quý người khác bằng cách thực thi thân hành từ ái, khẩu hành từ ái, ý hành từ ái đối với hết thảy mọi người, cả trước mặt lẫn sau lưng⁷. Khẩu hành từ ái tức là những lời nói ra có từ tâm, xuất phát từ lòng thương quý người khác, mong muốn cho người khác được tiến bộ lợi lạc trong thiện pháp.

Để hỗ trợ cho việc thực thi lời nói có hiệu quả tốt đẹp, nghĩa là đúng thời, chân thật, nhu nhuyến, có lợi ích và có từ tâm, Đức Phật khuyên mỗi người chúng ta cần phải biết nuôi dưỡng tâm ý trong sáng, không biến nhiễm, có lòng lân mẫn đối với người khác, có nội tâm an tịnh, không hận, không sân, tuyệt không nói lời ác. Bởi mỗi lời nói hay việc làm là hiện thân của ý tưởng hay hệ quả sự vận hành của tâm thức. Vì vậy, nếu một người có tâm ý trong sạch, an tịnh, không cấu uế, không giận dữ bức phiền, có lòng thương quý người khác thì tự nhiên sẽ có lời nói chân chánh, hiền thiện, lợi mình lợi người. Tâm trong sáng hiền thiện thì lời nói trong sạch hiền hòa.

Nhìn chung, “nói năng như Chánh pháp” hay thực thi lời nói phù hợp với Chánh pháp, đúng như lời Phật dạy, là một pháp môn tu tập hết sức căn bản và quan trọng của người con Phật. Tu tập lời nói thuộc về phạm trù đạo đức, giúp cho cá nhân cơ hội thực tập và hoàn thiện nhân cách của chính mình, đồng thời khiến cho cuộc sống trở nên hiền thiện tốt đẹp, đưa đến hạnh phúc an lạc cho nhiều người. Do tầm quan trọng của nó trong cuộc sống, đạo Phật xem lời nói là một phương tiện hữu hiệu, cần được sử dụng đúng đắn và thích đáng để thiết lập hạnh phúc cho mình và tạo an lạc cho người khác. Nói như thế nào để không gây tổn hại cho mình và không phương hại đến người khác, để mang lại lợi ích cho mình và lợi lạc cho người khác. Người con Phật luôn tự dặn lòng mình như thế và tìm thấy các chỉ dẫn căn bản cho việc thực thi lời nói của mình thông qua những lời dạy hiền thiện của Đức Bổn sư.

Chú thích:

1. Kinh Những người ở Veludvāra, Tương Ưng Bộ.
2. Kinh Ví dụ cái chừa, Trung Bộ.
3. Kinh Nói như hoa, Tăng Chi Bộ.
4. Kinh Nói như hoa, Tăng Chi Bộ.
5. Kinh Vô tránh phân biệt, Trung Bộ.
6. Kinh Những đề tài câu chuyện, Tăng Chi Bộ.
7. Tiểu kinh Tùy phiền não, kinh Kosambiya, Trung Bộ. ■

Thể và dụng của tâm

NGUYỄN THẾ DẰNG

Tất cả chúng ta đều đang sống với tâm và bằng tâm. Tùy theo chất lượng của tâm mà chúng ta có đời sống như thế nào. Nếu tâm nặng nề, hạn hẹp, nhiễm ô thì cuộc đời chúng ta hẳn ở những cấp độ thấp, nhiều khổ đau; tâm nhẹ nhàng, rộng lớn, trong sáng thì cuộc đời chúng ta ở những cấp độ cao, nhiều hạnh phúc. Thế nên chúng ta phải hiểu biết, kinh nghiệm tâm ở những chiều cao rộng nhất của nó. Đó chính là mục đích thật sự của đời người.

Thể của tâm

Luận Đại Thừa Khởi Tín của ngài Mã Minh nói:

“Thể của tâm là tất cả niệm, nghĩa là vốn vô niệm. Nó như hư không, không chỗ nào mà chẳng bao trùm khắp. Pháp giới Một Tướng này tức là Pháp thân bình đẳng của Như Lai, Pháp thân này còn gọi là Bản giác.

Một niệm tương ứng (với thể của tâm), biết rõ được tâm vô minh sơ khởi, tâm không còn tướng sơ khởi của vô minh. Vì xa lìa vọng niệm vi tế nên thấy được bản tánh của tâm. Chúng được tâm vốn thường trụ gọi là Cứu cánh giác.

Bởi thế trong Khế kinh nói rằng: ‘Nếu có chúng sanh quán vô niệm thì chúng sanh đó đã hướng đến trí Phật.’

Thể của tâm, hay bản tánh của tâm, vốn là vô niệm, nghĩa là không có tư tưởng phân biệt, chia cắt, không có vọng tưởng. Vì vô niệm, nó là thanh tịnh, các tư tưởng không thể đạt đến và phá hư bản tánh của tâm. Trong nghĩa đó, nó không thể bị nhiễm ô bởi những tư

tưởng. Nó còn được gọi là Pháp thân, Bản giác, Chân Như, Phật tánh...

“Tâm này từ xưa đến nay, tự tánh vốn thanh tịnh. Chân tâm thì không có phân biệt. Nhưng bởi có vô minh nên có tâm nhiễm ô. Tuy có tâm nhiễm ô, nhưng bản tánh của tâm vẫn thường hằng bất biến. Bởi thế chỉ Đức Phật mới thấu rõ nghĩa này. Bản tánh của tâm thường vô niệm nên gọi là bất biến”.

Tóm lại, thể của tâm hay bản tánh của tâm là tánh Không. Nói theo sự lập tông của Lục tổ Huệ Năng, nó là Vô niệm, Vô tướng, và Vô trụ.

Nhưng nó không phải là một cái không có gì cả, một cái hư không vô tri; *Luận Khởi Tín* ví nó như tấm gương sáng và có đủ tất cả công đức:

“Lại nữa, tự thể và tự tướng của tâm Chân Như, ở nơi tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật, từ xưa đến nay chưa hề tăng giảm, chẳng phải trước kia thì sanh, về sau thì diệt. Nó rốt ráo thường hằng như vậy. Từ xưa nay, tánh Chân Như vốn tự sẵn đủ tất cả công đức. Như là:

1. Đại trí huệ quang minh
2. Chiếu soi khắp pháp giới
3. Chân thật rõ biết
4. Tự tánh của tâm vốn thanh tịnh
5. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh
6. Tự tại trong mát không biến đổi.”

Thể của tâm, hay bản tánh của tâm, vốn vô niệm, các tư tưởng không thể làm nhiễm ô, biến chất nó được. Như vậy thể của tâm vốn là giải thoát. Cái vốn giải thoát đó có sẵn

và đầy đủ nơi mỗi chúng ta. Hiện giờ chúng ta đang có nó, đây là Nền Tảng cho mọi sự thực hành của chúng ta.

Tất cả các pháp tu, dù đó là Chỉ, Quán, Chỉ Quán song tu, mọi hạnh cho đến niệm Phật, trì chú, quán tưởng Bốn tôn... đều y cứ vào Nền Tảng này. Đó là Đại thừa.

Dụng của tâm

Dụng của tâm là những tư tưởng, những xúc cảm đang khởi lên của chúng ta. Dụng của tâm là mọi biểu lộ của tâm thành tư tưởng, xúc cảm... có thể cảm nghiệm được. Chỉ tiếc rằng những tư tưởng, xúc cảm ấy đều bị nhiễm ô, đều bị "cái ta và cái của ta" pha trộn đủ thứ màu sắc thương ghét, đều bị vô minh làm hôn ám, méo mó, đông cứng, tê liệt. Chính những cái làm cho nhiễm ô, méo mó này khiến chúng ta khổ đau và lạc lõng trong sanh tử. Thật ra, cái trói buộc chúng ta chính là những tư tưởng và xúc cảm bị méo mó của chúng ta. Sanh tử chính là những tư tưởng và xúc cảm bị méo mó của chúng ta, chứ bản thân sanh tử thì không hề có.

Thế nên chúng ta phải chuyển hóa chúng, tịnh hóa chúng khỏi bị nhiễm ô, đưa chúng trở lại thật thể và thật dụng của chúng. Nói theo hệ thống Duy thức, sự chuyển hóa ấy là: A-lại-da thức chuyển thành (hay chuyển trở về, chuyển lại) Đại viên cảnh trí, Mạt-na thức chấp ngã chuyển thành Bình đẳng tánh trí, ý thức phân biệt chuyển thành Diệu quan sát trí, và năm thức giác quan chuyển thành Thành sở tác trí. Đây là sự chuyển giả về chân, chuyển vọng về thật... của Đại thừa. Nền tảng và kết quả của sự chuyển hóa này y cứ trên sự thật là thể và dụng chỉ là một, như sóng và nước đại dương là một, như bóng trong gương và gương là một.

Ai cũng có dụng của tâm, phạm cũng như thánh. Nhưng không biết (vô minh) thì những dụng của tâm ấy sẽ đưa chúng ta vào sanh tử khổ đau. Còn tịnh hóa được nhiễm ô, thấu rõ được, thì những dụng của tâm ấy đưa chúng ta trở lại thật tướng của sanh tử là Niết-bàn an lạc.

Về thật dụng của tâm, *Luận Khởi Tín* nói:

"Thể và tướng (hay dụng) của tánh giác này đồng như hư không, giống như tấm gương sáng sạch.

Gương này có nghĩa Như Thật Bất Không, tất cả cảnh giới thế gian đều hiện trong đó, chẳng ra chẳng vào, không mất không hoại. Đó là Nhất Tâm thường trụ, trong đó tất cả các pháp chính là thật tánh vậy".

"Tất cả cảnh giới, từ xưa đến nay, vốn là Nhất Tâm, lia tất cả mọi tướng niệm. Chỉ vì chúng sanh mê vọng thấy ra cảnh giới, cho nên tâm có phân biệt, chia cắt. Vì vọng khởi các tướng niệm, chẳng tương xứng với pháp tánh, nên mê mờ chẳng thể thấu hiểu rõ ràng.

Chư Phật Như Lai đã lia mọi cái thấy, mọi tướng, nên tâm không chỗ nào không hiện diện. Tâm chân thật ấy là tánh của tất cả các pháp. Tự thể chiếu soi rõ suốt tất cả các pháp hư vọng, có đại trí dụng vô lượng phương tiện, tùy chúng sanh hợp với chỗ hiểu nào đều có thể khai thị mọi nghĩa của Pháp, cho nên được gọi là Nhất thiết chủng trí".

Cũng một thể và dụng của Nhất Tâm, nhưng chúng sanh thì biết một cách sai lầm, sử dụng một cách sai lầm, mà càng lúc càng lạc xa khỏi thật tánh của tất cả các pháp chính là Nhất Tâm ấy.

"Thế nên, tất cả chúng sanh không được gọi là Giác, bởi vì từ xưa đến giờ niệm niệm tương tục, chưa từng lia niệm, đó gọi là vô minh tử vô thủy.

Nếu được vô niệm thì biết tướng sanh trụ di diệt của tâm (của các niệm) đồng với vô niệm. Thật ra bản giác vô niệm này không khác với thủy giác. Chỉ do bốn tướng sanh trụ di diệt cùng lúc nương nhau mà có, đều không tự lập (đều vô tự tánh). Tâm (vô niệm hay hữu niệm) xưa nay vốn bình đẳng, đồng một tánh Giác".

Niệm sanh trụ di diệt đều duyên sanh vô tự tánh, thấy được sự vô tự tánh của tất cả các niệm thì ngay đó niệm vốn là giải thoát.

Nói cách khác, niệm sanh trụ di diệt đồng với vô niệm, niệm đồng với vô niệm, thì niệm vốn là giải thoát.

"Tất cả các pháp đều từ tâm mà khởi, từ vọng tâm mà sanh. Thế nên tất cả phân biệt là phân biệt trong tâm và của tâm. Nhưng tâm thì không thể thấy, không có hình tướng gì để có thể đắc. Phải biết tất cả cảnh giới của thế gian đều do vọng tâm vô minh của chúng sanh mà tồn tại. Thế nên tất cả pháp, như bóng trong gương, không có thật thể để đắc, chỉ là tâm hư vọng. Tâm sanh thì mọi thứ pháp sanh, tâm diệt thì mọi thứ pháp diệt".

Tất cả tướng và tướng là do phân biệt mà sanh, sự vọng sanh này là của tâm và ở trong tâm. Nhưng tâm "không có tướng gì để đắc," nên tất cả tướng và tướng cũng không thể có tướng gì để đắc. Tâm vô tự tánh, vô tướng nên tất cả các tướng và tướng, dù chân hay dù vọng, là vô tự tánh và vô tướng, nghĩa là chúng vốn là giải thoát.

Tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt. Nhưng tâm vốn là vô sanh, nên các tướng và tướng cũng là vô sanh. Thể của tâm vốn là giải thoát, thế nên dụng của tâm cũng vốn là giải thoát.

Như vậy, những pháp môn của Phật giáo, dù chỉ, quán, chỉ quán song tu hay các Ba-la-mật, các hạnh, các thực hành khác... đều nhằm mục đích thấy được thật thể và thật dụng của tâm, hay dùng một thuật ngữ khác, thấy cho được thật tánh và thật tướng của tâm. Chính cái thấy này đưa chúng ta đến giải thoát và giác ngộ.

Về vấn đề này, Guru Padmasambhava, trong bối cảnh của Đại Toàn Thiện (Dzogchen), thừa cao nhất trong hệ thống Mật giáo của ngài, đã nói như sau:

Quả thật, bản tánh của tâm thì trống không và không có bất kỳ nền tảng nào cả.

Tự tâm con thì không chất thể như bầu trời trống không.

Chỉ để cho những tư tưởng ở trong thật tướng của chúng,

Không cố gắng sửa sang chỉnh trị chúng, thế là đủ.

Bởi vì sự sanh khởi của những tư tưởng và sự được giải thoát của chúng xảy ra đồng thời.

Những hình tướng trống không trong chính chúng, trở nên tự giải thoát:

Tịnh quang và tánh Không bất khả phân là Pháp thân.
Bản thân những hình tướng thì không có lầm lỗi, nhưng
do bởi sự bám níu của con vào chúng, mà có những lầm lỗi.
Nhưng nếu con biết rằng những tư tưởng bám lấy sự vật
ấy là tâm, bấy giờ chúng sẽ được giải thoát bởi tự chúng
Mọi sự xuất hiện chỉ là một biểu lộ của tâm.
Quả thật tất cả những hình tướng xuất hiện được giải
thoát vào thực tánh của chúng.

Giống như những đám mây trong bầu trời là tự phát
sinh và tự giải thoát.

Giống như những làn sóng và nước đại dương không
phải là hai.

Bất cứ tư tưởng nào sanh khởi đều được giải thoát vào
trong trạng thái vô niệm tự nhiên của tâm.

(Self-liberation through seeing with Naked Awareness,
Tự giải thoát qua sự thấy với tánh Giác trần trụi, của
Padmasambhava, Vajranatha dịch, Snow Lion 2000).

Chính vì sự bám giữ của chúng ta vào các hình tướng,
không để cho chúng theo như bản chất của chúng là tự
giải thoát vào trong thật tánh của chúng, mà có ra sanh
tử đối với chúng ta. Chính vì không để cho những tư
tưởng y như chúng là, như những làn sóng vốn là nước
và có sanh có diệt cũng chỉ là nước. Thậm chí sự sanh
khởi của chúng và sự diệt, sự được giải thoát của chúng
xảy ra đồng thời. Chính vì không để cho những đám
mây tư tưởng tự giải thoát, tự tan biến trong bầu trời
của tâm, mà cứ cố gắng sửa chữa chỉnh trị hay phá tan
chúng mà những đám mây vốn vô tự tánh trở thành có
thực, từ đó sanh tử trở thành có thực.

Một cách cụ thể, nếu chúng ta luôn luôn an trụ
trong bầu trời của tâm, những đám mây tư tưởng sẽ tự
chúng giải thoát, sẽ tự tan biến vào trong bản chất của
chính chúng là bầu trời.

Vì không tin, không trực tiếp thể nghiệm, cho nên
không thấy thể của tâm vốn là vô niệm, như bầu trời
trong sáng mà không một đám mây tư tưởng nào làm
nhiễm ô được, che lấp được, nên chúng ta không sống
được Bản giác hay Pháp thân vốn thường trụ tại đây và
bây giờ của chúng ta. Vì không tin cho nên không thấy
dụng của tâm là những tư tưởng mà "sự sanh trụ diệt
của chúng đồng với vô niệm", nghĩa là vốn tự giải thoát,
như những đám mây tự sanh tự diệt trong bầu trời, thế
nên chúng ta không sống được cái dụng thanh tịnh của
tâm: "tâm định hay không định, có tướng hay không có
tướng, xưa nay vốn bình đẳng, đồng một tánh giác."

Thể của tâm là tánh Không, dụng của tâm là sắc thọ
tướng hành thức. Trong thật tướng, dụng và thể là một,
"sắc tức thị Không", "thức tức là Trí". Nếu không có dụng
của tâm là sắc, nếu không có sắc thì không có gì để học
hiểu Không và Không có thể hiển bày với chúng ta. Nếu
không có dụng của tâm là thức thì không có gì để tìm
thấy Không, hay Trí. Nếu không có bóng (trong gương)
thì không có gì để gương tự hiển bày. Nếu không có
sóng thì cũng khó có thể thấy nước của đại dương.

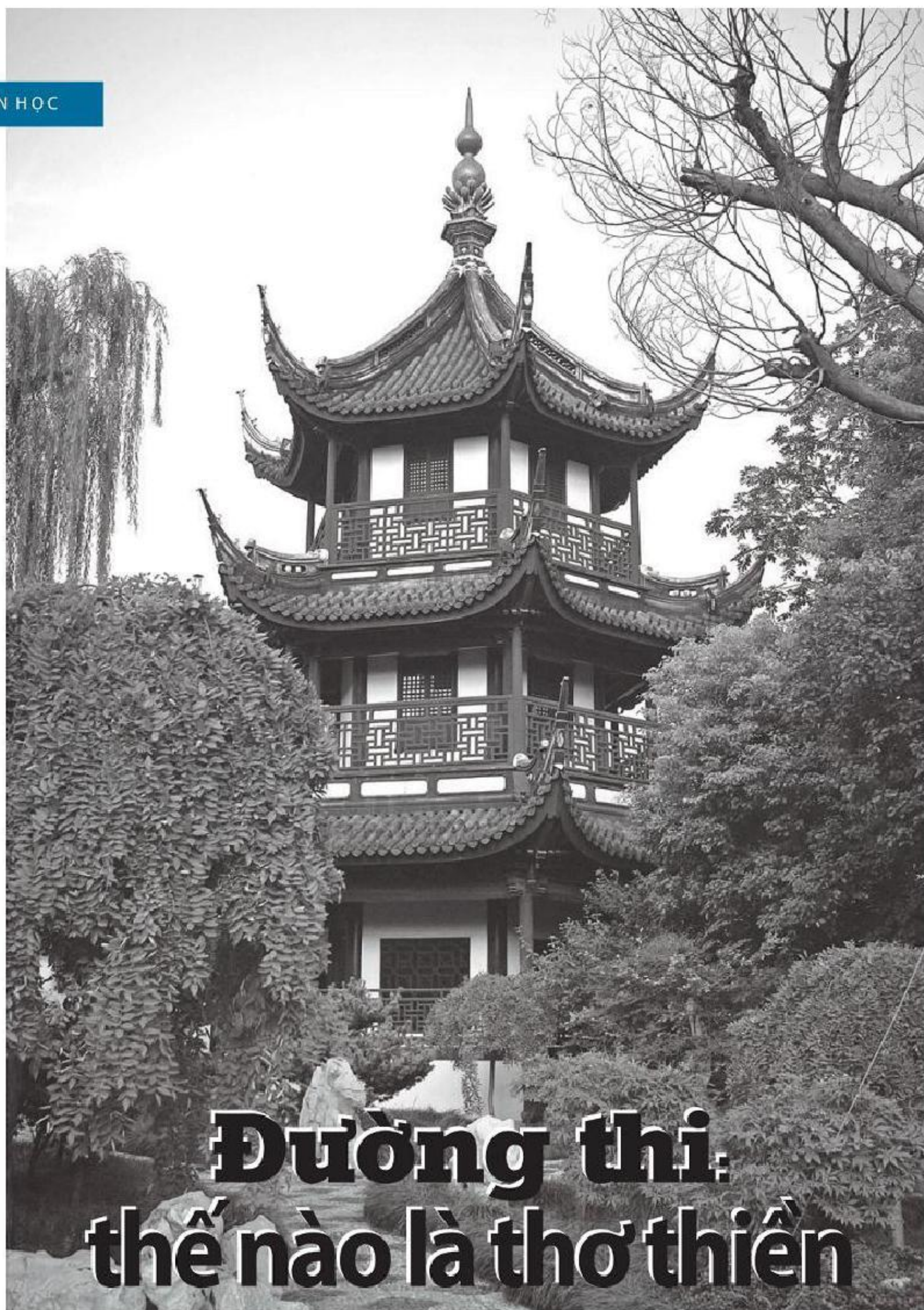
Cái đầu tiên của số phận con người là kinh nghiệm
sanh tử và cũng chính sanh tử là cái trói buộc con
người làm con người luân hồi liên tục không dứt.
Nhưng cũng chính nhờ sanh tử mà con người có thể
nhìn thấy thật tánh của sanh tử là Niết-bàn, và do đó
có tự do giải thoát.

Người theo Đại thừa không vội vã bỏ cái dụng của
tâm, không vội vàng bỏ chạy khi thấy con rắn, mà thực
ra chỉ là sợi dây thừng. Người ấy thực hành để dần
dần nhìn ra thể của dụng, thật tánh và thật tướng của
dụng, và do đó sử dụng cái dụng này đúng đắn hơn, rõ
biết thật tướng của dụng, để từ đó mà có tự giác, giác
tha. Khi ấy dụng của tâm chính là cái mà Đại thừa gọi là
"phương tiện thiện xảo."

Chúng ta trở lại với Thiền tông Việt Nam mà cốt lõi
của nó là rõ tâm: "cốt chỉ rõ tâm" (Trần Thái Tông, *Phổ
khuyến phát Bồ-đề tâm*).

Về thể và dụng của tâm, chúng ta trích đoạn đầu trong
bài *Phật Tâm ca* của Huệ Trung thượng sĩ:

Phật! Phật! Phật! Không thể thấy!
Tâm! Tâm! Tâm! Không thể thuyết!
Nếu tâm sanh, đó tức Phật sanh
Nếu Phật diệt, đó tức tâm diệt
Diệt tâm còn Phật làm sao có
Diệt Phật còn tâm bao giờ xong
Muốn biết tâm Phật, tâm diệt sanh
Hãy chờ mai sau Di Lặc quyết
Xưa không tâm
Nay không Phật
Phàm thánh trời người như ánh chớp
Thể tâm không thị cũng không phi
Tánh Phật chẳng hư cũng chẳng thực
Bỗng nhiên khởi
Bỗng nhiên dừng
Qua lại xưa nay giả vòng vo
Đầu chỉ thừa tổ tông mai một
Lại khiến yêu ma loạn trong nhà.
Muốn cầu tâm
Chớ ngoài tìm
Bản thể như nhiên tự không tịch
Niết-bàn sanh tử buộc ràng suông
Phiền não Bồ-đề không đối địch
Tâm tức Phật
Phật tức tâm
Diệu chỉ linh minh suốt cổ kim
Xuân đến tự là hoa cười mỉm
Thu về đâu chẳng nước thu trong
Bỏ vọng tâm
Giữ chân tánh
Như người bỏ gương mà tìm bóng
Nào hay bóng hiện ở trong gương
Chẳng biết vọng từ trong chân hiện
Vọng đến không thực cũng không hư
Gương nhận không tà cũng không chánh... ■



Đường thi: thế nào là thơ thiền

VŨ THÊ NGỌC

1. Thế nào là thơ thiền?

Về mặt lịch sử, Phật giáo có nhiều tương quan với ngôn ngữ thi ca. Khi còn tại thế, Đức Phật luôn luôn khuyến khích các đệ tử dùng các ngôn ngữ địa phương

để diễn dịch, truyền đạt giáo pháp của Ngài. Các bản kinh còn lại cũng hay dùng các thể văn vần, với lý do duy nhất để dễ đọc dễ nhớ. Nhiều thế kỷ sau khi Đức Phật nhập diệt, người ta vẫn chỉ lưu truyền lời Phật

(kinh) bằng cách truyền khẩu. Nên có thể nói ngay từ nguyên thủy Phật giáo đã dùng thơ làm phương tiện giáo hóa. Cho đến Thiền tông sau này, dù chủ trương “trực chỉ nhân tâm kiến tính thành Phật”, đồng đặc tuyên bố “bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền” coi thường ngôn ngữ kể cả kinh điển, thì sùng sững trong văn học Thiền tông vẫn là các bài thơ trong các ngữ lục danh tiếng của các tổ Thiền tông.

Thi ca thường được coi là có thể diễn tả được những gì không thể diễn tả bằng văn xuôi. Như cách nói “một bài thơ nói được nhiều hơn tổng số ngôn từ trong bài thơ đó”, thơ có khả năng chuyển chở phần nào kinh nghiệm “bất khả tư nghị” không thể nghĩ bàn. Đó là kinh nghiệm thiền định mà ngôn ngữ bình thường của thế giới nhị nguyên không những bất lực mà còn làm người ta hoang mang hiểu lầm, như các thiền giả thường nhấn mạnh. Cho nên trong thiền học thơ cũng thường được dùng như một phương tiện thiện xảo, một “công án trong công án” để hướng dẫn người học đi vào thực nghiệm cái kinh nghiệm “bất khả tư nghị, bất khả ngôn thuyết” - Dù biết rằng “chín mươi chín phần trăm chính xác của thơ cũng không bằng ngôn ngữ của im lặng”.

2. Gần đây đã có những người dễ dãi sưu tập các bài thi kệ (thơ!) của các tăng sĩ (thiền?) và gọi đó là “thơ thiền”. Thật sự chưa nói đến các bài thơ dịch quá khiên cưỡng, tự thân đại đa số các bài thơ được sưu tập đó cũng chỉ là những bài văn vần dạy đạo hay các bài kệ diễn tả kinh nghiệm thiền của các tác giả. Các thiền sư không có mục đích làm văn chương. Cũng như có cả một ‘phong trào thời thượng’ của một số người làm tập tành làm thơ thường hay mang những Phật ngữ, thiền từ vào thơ và nghĩ đó là thơ thiền. Thật ra đó cũng chỉ là trò chơi ráp chữ mua vui. Các thiền sư thật sự chưa bao giờ thích dùng ngôn ngữ để diễn giải về chân lý siêu việt “bờ bên kia”. Dù đôi khi các ngài chỉ bắt đặc dĩ phải dùng loại ngôn ngữ thi ca để làm phương tiện gợi tả, ‘viên đá dẫn đường’. Nên đâu đó, trong các ngữ lục của các thiền sư thường có lẫn ít nhiều câu thơ. Các câu thơ hay các bài thơ đó được các ngài thuận miệng nói ra, thuận tay chép lại theo thủ thuật nhà thiền “nhất hồi niệm xuất nhất hồi tâm” chẳng bao giờ chú thích xuất xứ. Và các ngữ lục của các thiền sư thường chỉ do hậu bối nhớ lại và ghi chép, nên vẫn thường có thể lẫn các câu thơ của nhiều thi nhân khác. Các thiền sư chỉ tức thời mượn câu thơ vẫn có vẫn có điều dễ nhớ dễ nghe để trình bày một vấn đề uyên áo ‘bất khả tư nghị, bất khả ngôn thuyết’. Các “thi phẩm” này hoàn toàn không có mục đích thi ca trừ trường hợp các tu sĩ cũng là thi sĩ – Đây lại là vấn đề khác. Đó là trường hợp của 116 thi nhân và cũng là tăng sĩ trong *Toàn Đường Thi* và các tu sĩ làm thơ khác đời sau.

Đối với các thiền sư, dù có những bài thơ là những

bài thật sự có giá trị thi ca thì cũng chỉ là tình cờ. Chúng ta nên nhớ các “bài thơ” này vẫn chỉ có mục đích mượn bè qua sông, một phương tiện “tải đạo.” Thiền sư Lai Quả từng nói rõ: “Người xưa việc lớn đã sáng tỏ, là người trước đã tỏ ngộ sau đó mới quan sát căn cơ mà lập giáo, dùng văn để tiếp người trí thức, dùng thơ để tiếp người học rộng hiểu sâu. Chỉ lấy thơ văn làm phương tiện đưa người nhập đạo, tất cả không ngoài lòng từ bi làm lợi ích cho thế gian, chứ chẳng phải như bọn người phù phiếm ưa thích ý vị thi văn”.

Vì vậy đối với các thiền sư dù có làm thơ thì mục đích của những bài thơ đó cũng không khác các câu nói mộc mạc tùy tiện như “ba cân mè”, “cây tùng trước sân”, “uống trà đi”,... hay có khi sỗ sàng như “càn thi quyết”, “phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ”... chỉ với mục đích tải đạo. Đó cũng là trường hợp các tu sĩ dùng các bài kệ bài vè để truyền giáo vào đại đa số quần chúng, như các “ông đạo” ở miền Nam Việt Nam trước đây. Các ngài không bao giờ nhắm mục đích ‘làm văn chương’.

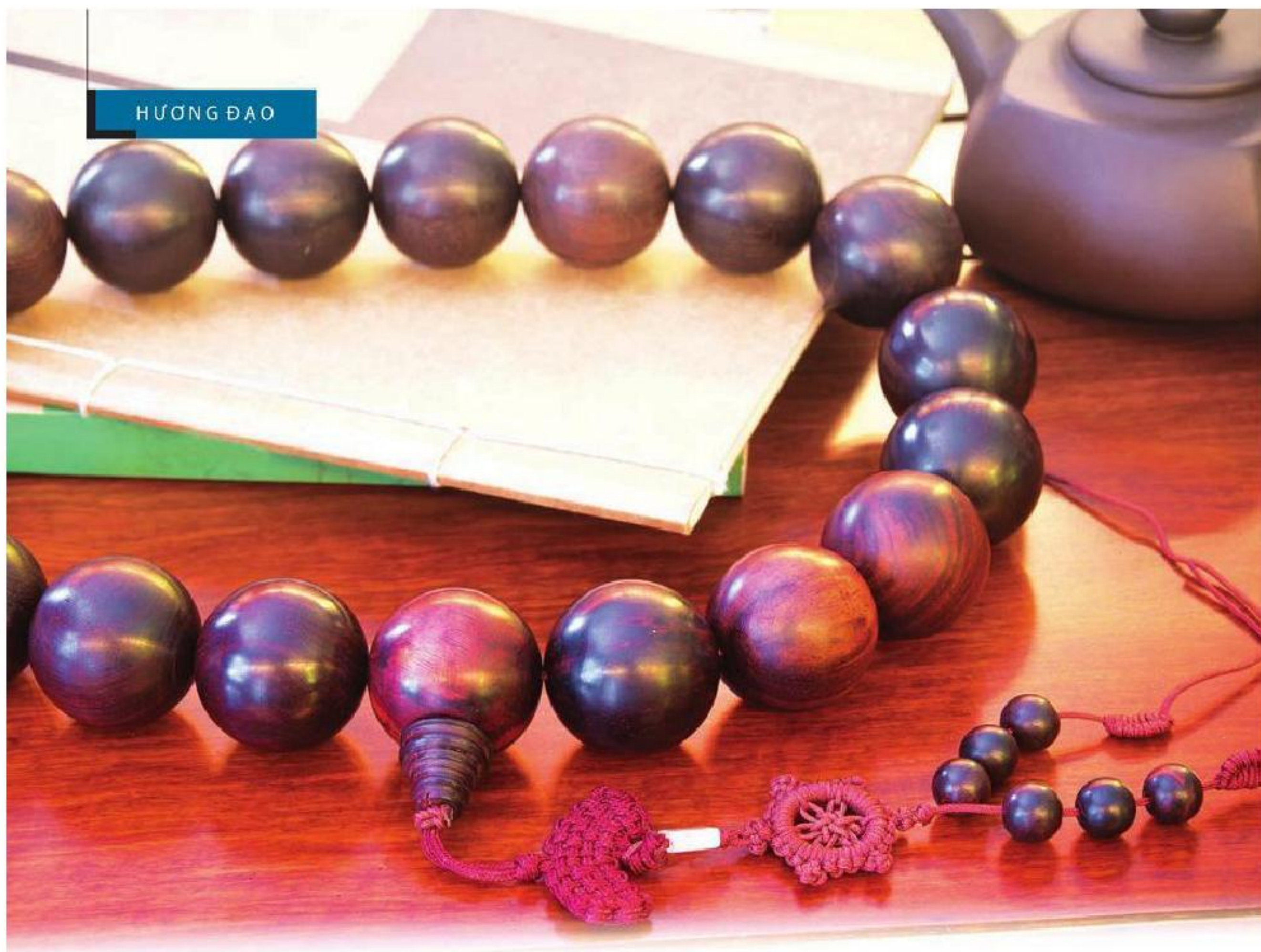
3. Tuy nhiên trong bình diện phổ thông người ta vẫn có thể gọi là “thơ thiền” theo ý nghĩa dung tục: Đó là những bài thơ thoáng gợi một nhân sinh quan thiền học nhất định nào đó hay diễn tả một trạng thái xuất thần *phảng phất* một kinh nghiệm thực chứng của giáo lý vô ngã của kinh nghiệm thiền quán.

Nói là ‘phảng phất’ ít nhiều nhân sinh quan thiền học’ mà không nói ‘mang nội dung thiền học’.

Nhưng vấn đề cơ bản của bất cứ bài “thơ thiền” nào thì cũng phải là một bài thơ – một bài thơ hay. Một thi sĩ có thể không phải là thiền giả nhưng vẫn có thể có những bài thơ những câu thơ “rất thiền,” và một vị thiền sư có thể có những bài thi bài kệ dạy đạo rất sâu sắc nhưng không có nghĩa đó là những bài “thơ thiền” nếu từ cơ bản nó không phải là bài *thơ hay*.

Đó chính là một tiêu chuẩn để được chọn lựa vào tuyển tập *Toàn Đường Thi*, *Đường Thi Tam Bách Thủ*, *Thiền Gia Thi* hay các thi tuyển tương tự.

4. Thường thức thơ, làm thơ là một hoạt động trí tuệ thanh cao. “Thơ thiền” lại là một hoạt động cao nhã hơn nữa. Nhưng nên nhớ trò chơi lao tâm chọn chữ theo lời cũng là một chương ngại của người tu thiền. Thiền sư Hiệu Nhiên (730-799) là một thi nhân lỗi lạc đời Đường với bảy thi tập còn ghi trong *Toàn Đường Thi* và cũng là một nhà phê bình thi ca nổi tiếng với quyển *Thi Thức*. Tuy nhiên đến cuối đời ông không làm thơ nữa vì tự nhận thấy nỗi đam mê này cũng là một chương ngại của thiền nhân. Đúng như các thiền sư xưa nhận định, người tu thiền tâm còn mãi miết buông thả theo cảnh huyễn lấy thi thơ làm nghiệp, phung phí thời giờ đuổi theo vấn đề chỉ là tạo ra nghiệp xấu của thi tăng. Đó là những kinh nghiệm mà thiền nhân chân chính tự hiểu. ■



Thấp thoáng lời kinh 4

Luân hồi sanh tử

ĐỖ HỒNG NGỌC

Luân hồi hình như luôn đi với sanh tử. Luân hồi sanh tử. Nghe cứ rờn rợn. Có cách nào “giải thoát” không? Có đó. Đi tu! Đi tu để giải thoát luân hồi sanh tử. Nghe nói vậy. Làm như tu thì không còn sanh tử nữa, không còn luân hồi nữa, tu thì sống đời đời kiếp kiếp vậy! Nhưng... không còn sanh tử, không còn luân hồi nữa, sống đời đời kiếp kiếp thì... chán chết! Không luân hồi sanh tử nữa thì mọi thứ khựng lại. Trái đất chẳng buồn quay. Chẳng còn xuân hạ thu đông. Chẳng sáng trưa chiều tối. Chẳng vô thường. Chẳng đổi thay. Chán chết! Cho nên *luân* cứ phải *hồi*, *sanh* cứ phải *tử*. Và bởi vì sanh cứ phải tử nên tử cứ phải sanh. Phải luẩn quẩn loanh quanh vậy mới công bằng, mới phải điệu. Ba cõi sáu đường phải thành thang

rộng mở cho chúng sanh lũ lượt vào ra!

Nhưng, chỉ có ba cõi sáu đường thôi ư? Chỉ có “Thiên, nhân, A-tu-la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục”... thôi ư? Chắc còn nhiều thứ “cao tốc” nữa. Vô số vô lượng vô biên nẻo đường cho phù hợp với vô số vô lượng vô biên chúng sanh chứ? Nhưng chỉ tượng trưng vậy là đủ cho các thứ bệnh “tham, sân, si, nghi, kiến, mạn”... của cõi người!

Được làm người thật khó! Một con rùa mù lờ quờ bơi giữa biển khơi, mỗi trăm năm trồi đầu lên một lần giữa mênh mông sóng nước, thế mà làm thế nào lại đội trúng chóc ngay khúc gỗ mục, giữa bông cây, đang trôi giạt bênh bồng trên biển. Đâu có dễ phải không? Đó là một hình ảnh đầy biểu tượng sinh học, mang tính nghệ thuật vẫn được điêu khắc trên các đền đá từ

ngàn xưa của linga với yoni! Cho nên cha mẹ mà không bông bông gặp nhau thì ta là ai? Ông bà mà không bông bông gặp nhau thì ta là ai? Phải có cái nhân, cái duyên, cái nghiệp, cái báo gì đó chứ?

Muôn sự tại *tham*. Không *tham* thì đã không sinh sự. Mà *tham* thì không đầy. Y như cái bao tử, vốn là một cái túi không đầy vậy! *Tham* thì lúc nào cũng thấy thiếu, cũng đói, cũng khát. Khát đủ thứ, đói đủ thứ. Không chỉ coi người đâu. Cá lớn nuốt cá bé. Bọ hung hùng hục đánh nhau giành giựt cục phân. Thiêu thân tranh nhau lao vào lửa. Dã tràng miệt mài xe cát biển Đông... *Tham* quá thì thành... ngã quý. Đói khát triền miên. Sân (giận) thực ra chỉ là một sản phẩm của *tham*. *Tham* mà không được mới sân, mới bị thiêu đốt đủ kiểu ở chín tầng địa ngục. Sân sinh địa ngục. Địa ngục chẳng đâu xa. Nó ở ngay trong ta và luôn háo hức chờ đợi. Nhưng cái gốc của *tham*, sân là từ "ngu muội" (Si) mà ra! "Súc sanh" quá đi chớ. Còn cãi gì nữa! Lâu lâu nhìn lại mình mà coi: "Đồ súc sanh! Đáng đời! Đáng kiếp!"...

Vậy còn *thiên, nhân, A-tu-la* thì từ đâu ra? Thì từ các "bệnh" *nghi, kiến, mạn*! *Nghi* thì sanh sự, tâm không lúc nào an. *Nghi* thì không thể Từ bi! Cho nên *nghi* sinh... *Atula*, thần không ra thần, người không ra người, thông minh quỷ quyệt, đấu đá tranh giành, đàng đàng sát khí... Còn *nhân* (người)? Chắc là do "kiến" sinh ra rồi. Chỉ người mới có nhiều thứ kiến, khi tà khi chánh, khi thường khi đoạn, điên đảo mộng tưởng. Cứ quay mòng như chong chóng. Đáng mừng là người thì có cơ hội để đổi thay, để chuyển hóa. Cho nên mới bảo làm người, khó, nhưng được làm người đã là may mắn. Còn "mạn"? Coi trời bằng vung! Kiêu căng phách lối, vỗ ngực xưng tên, nghĩ mình phước báo, ăn chơi xa láng... Thế nhưng dù là Trời vẫn có lúc rơi xuống địa ngục như chơi!

Tóm lại, sáu nẻo đường... thênh thang thì tà nhiều hơn chánh. Tà có vẻ... hấp dẫn hơn, lôi cuốn hơn. Cho nên ta mới có khuynh hướng trôi nổi, lặn lội, mãi miết trong sáu nẻo đường... tà, không muốn thoát ra là vậy!

Luân hồi sanh tử là cần thiết, là phải vậy. Nước xuôi ra biển lại tuôn về nguồn! Bĩ cực rồi thái lai! Nếu không thì chán quá. Nếu không thì bất công quá! Xuân hạ thu đông... rồi lại Xuân. Sắc thọ tướng hành thức rồi lại... Sắc? Vô minh, hành, thức... rồi sanh, lão tử hay ngược lại, lão tử rồi sanh, hữu, thủ, ái... vô minh, để từ đó mà sinh sự cho sự sinh? "Vô sinh" là hết chuyện, diệt thọ tướng, dứt ái thủ... là hết chuyện chăng? Còn lâu! Bởi "Vô vô minh diệt vô vô minh tận...", không hề có vô minh mà cũng chẳng bao giờ hết vô minh!

Luân hồi sanh tử, nghiệp báo oan gia các thứ... ở đâu mà ra? Thì ở đâu nữa. Ở ngay trong ta thôi. Trong tứ đại ngũ uẩn. Trong các hợp chất carbon, hydro, oxy, nitrogen (C, H, O, N) và mấy chục nguyên tố đồng, chì, sắt, kẽm, mangan, manhê, vôi vữa... các thứ đó thôi. Ôi, *cát bụi tuyết vời*! Khi vẽ được bản đồ hệ gene người, các nhà khoa học bật ngửa thấy tinh tinh, chuột bọ,

cải ngỗng, cổ thụ... đều có những gene y như vậy với một tỷ lệ khác nhau nhiều ít. Tinh tinh có đến 99% cấu trúc gene giống hết bộ gene người, chuột bọ thì có đến 98% gene người... Ai dám bảo hóm nào đó chẳng "luân" chẳng "hồi" một phen, cho tinh tinh thành cải ngỗng, cải ngỗng thành chuột bọ...? Có cái nhìn xuyên suốt ngàn năm chắc thấy biết, còn ta mắt trần (nhục nhãn) chưa thấy được đâu, đành lơ ngơ, loay hoay. Bản hoài của chư Phật muôn đời chẳng phải là muốn khai thị cho ta ngộ nhập vào cái "Thấy Biết" của Phật đó sao?

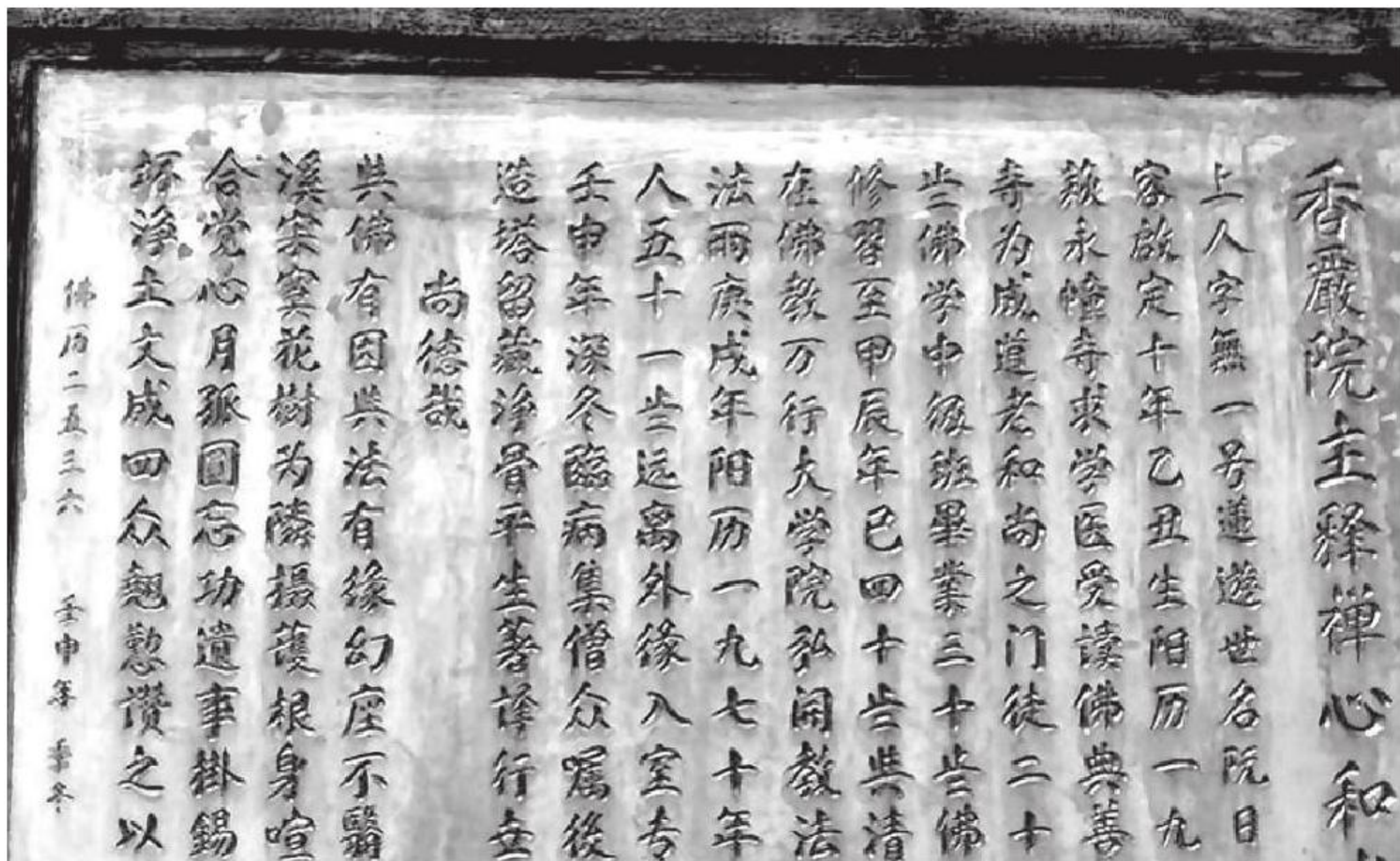
Thực ra luân hồi sanh tử không chỉ vậy! Luân hồi sanh tử còn là tiến trình tâm trong mỗi sát-na. Từ sáng đến chiều, từ trưa đến tối ta đã... lang thang sáu nẻo biết bao lần. Hết thiên, nhân lại đến A-tu-la rồi ngã quý súc sanh địa ngục xà quần không ngưng nghỉ. Sáng bảnh mắt ra, người sáng khoái, láng láng, quần là áo lượt có thua gì... tiên nhân đâu, vậy mà trưa nghe một cú điện thoại từ đâu đó bỗng ùng ùng nổi giận, đỏ mặt tía tai, bầm gan tím ruột, lột tôm vào địa ngục... Chỉ một thoáng thôi, đã từ thiên đàng rơi xuống địa ngục, từ thiên nhân thành A-tu-la, ngã quý... Một thoáng thôi, tiến trình tâm đã trải qua muôn ngàn kiếp rồi vậy!

Biết rõ "cơ chế" bệnh sinh thì điều trị không khó. Có khi chỉ cần chữa triệu chứng. Có khi phải điều trị căn nguyên để không còn tái phát. Cái gì làm ta xà quần trôi nổi trong cõi luân hồi sanh tử? Cái gì có vẻ như mãi cọt dừa không mệt mỏi với ta đó vậy? Chính cái "Ta" đó. Nó đó. Cho nên chỉ có "ta" mới cứu được "ta" thôi, "duy ngã độc tôn" mà! Cho nên phải quay lại với mình, phải phản quan tự kỷ, phải nương tựa chính mình thôi, còn tìm kiếm đâu xa nữa? Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch (Trần Nhân Tông). Khi nhận ra "không phải của ta/ không phải là ta/ không phải là tự ngã của ta" thì có lẽ đã có một nụ cười thanh thản, tự tại, an nhiên.

Bậc *y vương* đã bày biện sẵn thuốc men cả đó thôi. Nói đi nói lại mấy ngàn năm rồi. Lẽ nào ta chẳng nghe ra? Nào Tứ diệu đế, nào Bát chánh đạo, nào Lục độ, Bát nhã, Pháp Hoa... các thứ. Sắc cho khéo để hòa nhập vào nhau, tương tác lẫn nhau ba chén sáu phần thành một thứ "dược vương" trị bệnh cho kiếp người.

Nói năng, đi đứng, cái ăn, cái ở... cách nào đây cho nó thôi đừng sanh sự, đừng tạo nghiệp? Thì đã có Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Còn Chánh niệm, Chánh định lại là những thứ thuốc đặc trị để có được Chánh kiến, Chánh tư duy. Cho nên, Giới Định Tuệ là đủ để chấm dứt những nẻo đi về địa ngục, ngã quý, súc sanh. Giải thoát và Giải thoát tri kiến là đủ để... chấm dứt những lang thang trôi nổi quần quanh còn lại?

Rõ ràng để "giải thoát luân hồi sanh tử" chỉ có mỗi một cách là phải "tu". Nghĩa là phải "sửa" mình. Phải dứt đi cái nghiệp cái duyên, cái sinh cái sự. Một khi "sự sự vô ngại" rồi thì thông dong ba cõi sáu đường không còn dính mắc, nơi nào cũng trở nên an lành mát mẻ, bởi đã cùng chung dưới một mái nhà. Mái nhà Như Lai. ■



Ảnh: Pháp Thiện & Thu Vân

Tấm bia khắc bài "minh" do cố Đại lão HT. Thích Thiện Siêu viết, tại tháp của cố HT. Thích Thiện Tâm

Trên con dốc Phương Liên

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Hình dung lại. Ấy là, từ con dốc nhìn về tịnh viện Hương Nghiêm, một buổi chiều tháng Tư năm nay, nhìn về hướng... 45 năm trước. Ngày ấy, có lẽ con đường tráng nhựa này chỉ là một lối mòn khuất lấp, len giữa cây và đá và bao nhiêu loài rắn độc. Khu vực Đại Ninh vào thời gian ấy chỉ thừa thớt một số đồng bào sắc tộc K'hor và vốn vẹn 18 nhân khẩu người Kinh. Ngày ấy, một tu sĩ đã rời bỏ những tiếng động của phố phường, đến bên dòng sông Đa Nhim (thuộc ấp Phú An, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng) dựng một am tranh, bắt đầu giai đoạn tu học cần thiết trên con đường ngui ngút của khát vọng giải thoát: ẩn cư...

Buổi chiều tháng Tư hôm nay, trời đầy mây xám. Mặt trời sắp lặn bỗng lộ ra sau đám bột nhào vô tận, đỏ rực lên.

* * *

Hình dung lại. Cái am tranh đầu tiên năm nào, giờ đây, có thể không ai còn nhớ? Bởi vì, người tu sĩ ấy thường dời đổi nhiều nơi, đi đâu cũng chỉ ba bộ y mang theo, để cho những ai có duyên có chí khi đến chốn này thì đã có nơi cư trú tạm. Hương thì bay theo gió: nghe tin có một tăng sĩ uyên thâm Phật học về đây, Tăng Ni và Phật tử dần dần qui tụ. Người ẩn tu thường trở thành vị khai sơn, như lịch sử Phật giáo vẫn ghi chép: năm 1972, tịnh viện Hương Nghiêm hoàn thành trên mảnh đất cúng dường của hai Phật tử Trần Kim Tinh và Trần Yên, bắt đầu khóa học ba năm dưới sự giảng dạy của vị tu sĩ này ở vị trí Liên huấn, bên cạnh Hòa thượng Bửu Huệ với vai trò Liên thủ và Hòa thượng Bửu Lai trên cương vị Liên hạnh. Nhưng đấy là những việc-đến-thì-làm, còn Con Đường, vẫn là ẩn tu. Trong khu rừng mới khai phá dọc theo bờ sông, Trúc Liên tịnh thất hình thành với đôi câu đối thể hiện tâm thái của người ẩn tu: *Nhứt niệm chí thành Liên cảnh hiện, Tam tâm bất đắc Trúc song nhàn.*

(tạm dịch: *Chỉ thành một niệm, ngàn sen hiện, Dứt bỏ ba tâm, một cửa nhàn*).

Nào ai có thể nói chắc là sẽ “đắc” hay không? Ngày ấy, Vô Nhút đã sớm cảm nghiệm Con Đường là ngui ngút, trải qua trùng trùng luân chuyển. Và chính trong hiện kiếp, vị ẩn tu cũng gặp nhiều nghiệp lụy. Làm sao khác được, bởi, cuộc luân hồi vẫn còn đó, nào dám nói đến chuyện thoát vòng sinh tử, vì như một nhà thơ Trung Hoa nào đó đã viết: *Luân lăng hà vô dĩ / Tông lai diệc khả bị* (dịch nghĩa: Trôi lăn sao chẳng dứt – Xưa nay cũng đáng thương).

* * *

Lại hình dung lại. Mười hai năm ẩn tu 1980 -1992. Khó khăn của những năm tháng “vắng” gạo, chỉ toàn mít bắp sắn khoai... Khó khăn vật chất và những “xao xác nhiều khê đời” khác, có thể cười mà bước qua được. Nhưng trở lực chính, muôn thuở vẫn là ba đào tâm thức. Hãy nghe lại một trong 108 bài kệ của người ẩn tu:

Ẩn tu riêng chạnh nỗi riêng mình

Túc trái gây nên nghiệp bất bình.

Nhưng, đầu tiên và cuối cùng, vẫn là sự trung thực. Với chính mình, không với ai khác, được nói lên ở một bài kệ khác:

Ẩn tu chân thật chớ bề ngoài

Tu đáng tu hình lạc lối sai.

Con Đường, như thế, có lẽ đã đặt những bước chân của người đi sau trùng lấp với dấu vết của Người Mở Đường Lớn mà bao đời hậu thế vẫn hằng xưng tán bằng 10 danh hiệu...

Để cho, vào những thời khắc trụ thế sau cùng, đã diễn ra những sự việc mà giờ đây, vẫn tồn tại và càng lúc càng loan truyền bao câu chuyện đầy tin-tâm-mà-có-thực về người tu sĩ khai sơn.

Vị tu sĩ khai sơn ấy, là Hòa thượng Thích Thiển Tâm (1925 – 1992). Nhưng, có lẽ, cái “tên gọi” khả dĩ diễn bày được phần nào đạo hạnh của vị ẩn tu lại chính là Vô Nhút như ngài đã tự thán: *Nhút sự vô thành thân tiêm lão* (Một việc chưa thành mà thân đã lão). Vô Nhút. Là gì? Điều có lẽ có ý nghĩa sâu xa nhất là ở chữ vô. Không có cả Nhút, thì hẳn chính là Không vậy.

* * *

Nhìn về phía ngàn xanh. Khu vực Đại Ninh giờ đây, đã có nhiều ngôi chùa lớn. Lớn về qui mô kiến trúc; và đáng nói hơn, lớn trong lòng người. Như những anh chị Năm Vân, Thu Vân, Đồng Nguyệt, Châu Hai của tôi... Như những Phật tử và khách hành hương đến từ nhiều nơi, trong và ngoài nước.

Mặt trời đỏ đã chìm trong ánh tối đang lan dần. Để sáng mai, sẽ lại bừng lên, từ phía xa xanh kia. Và, từ dưới bóng những ngày tháng này, đầy khổ đau và yêu thương, có phải? ■



Ngôi chánh điện hiện tại của Phương Liên tịnh xứ.



Cây cổ thụ, nơi ghi dấu đầu tiên của Phương Liên tịnh xứ



Mặc cảm tội lỗi

AJAHN BRAHM
TRẦN NGỌC BẢO trích dịch

Tội và xá tội

Cách đây vài năm có một người phụ nữ Úc đến chùa ở Perth tìm gặp tôi. Người ta thường đi gặp các sư để xin ý kiến về những vấn đề riêng tư, có lẽ bởi vì lời khuyên của các thầy rất rẻ - chúng tôi không bao giờ bắt ai trả tiền dịch vụ. Bà ta bị dẫn vật bởi một mặc cảm tội lỗi. Sáu tháng trước đó bà làm việc trong một vùng mỏ ở phía Bắc bang Tây Úc. Công việc vất vả nhưng lương bổng thì khá. Chỉ có điều là giờ rảnh không có gì để giải trí. Vì vậy một hôm vào chiều Chủ nhật bà ấy rủ cô bạn thân nhất và người bạn trai của cô ấy nữa lái xe vào rừng chơi. Cô bạn không thích đi và anh bạn trai cũng không thích, nhưng đi một mình thì không vui cho nên bà ta cố tán tỉnh, thuyết phục, nài nỉ và cuối cùng thì các bạn ấy đồng ý đi cùng.

Trên đường đi thì xảy ra tai nạn: chiếc xe bị trượt trên con đường rải sỏi không đầm chặt. Cô bạn gái bị chết và người bạn trai của cô ấy bị liệt. Còn bà ta, người đề xuất ý tưởng thì lại không sao.

Bà ta kể chuyện cho tôi nghe với đôi mắt buồn rầu: "Giá như con không cố ép họ đi thì cô bạn con vẫn còn sống và anh bạn kia vẫn còn đôi chân. Lẽ ra con không nên nài ép họ. Con cảm thấy rất khổ tâm. Con có mặc cảm tội lỗi".

Ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong trí tôi là nói rằng bà ta không có lỗi gì cả. Bà ta không lên kế hoạch để tai nạn xảy ra. Bà ta không có dự định làm thương tổn bạn bè. Sự việc xảy ra, thế thôi. Hãy quên đi. Bỏ cái mặc cảm tội lỗi ấy đi. Nhưng nghĩ lại tôi thấy có lẽ bà ta đã nghe những lời lẽ như thế hàng trăm lần rồi và rõ ràng là không có hiệu quả gì. Thế nên tôi ngừng lại, nhìn sâu vào tình cảnh của bà ta và nói nếu như bà cảm thấy có tội là rất tốt.

Khuôn mặt bà ta biến đổi ngay, từ chỗ buồn rầu chuyển thành ngạc nhiên, và từ chỗ ngạc nhiên đến chỗ nhẹ nhõm. Bà ta ắt hẳn chưa từng nghe là nên cảm thấy có tội. Tôi đoán đúng. Bà ta cảm thấy có tội về mặc cảm tội lỗi. Bà ta cảm thấy tội lỗi nhưng mọi người lại bảo là đừng có như vậy. Bà ta cảm thấy "có tội gấp đôi", vừa cảm thấy có tội về tai nạn vừa có tội vì mang mặc cảm có



tội. Tâm trí phức tạp của chúng ta vận hành như vậy đó.

Chỉ khi xử lý xong lớp mặc cảm thứ nhất và xác định rằng cảm thấy có tội là đúng chúng ta mới có thể tiếp tục xử lý giai đoạn kế tiếp là tìm cho ra cách giải quyết. Vậy thì phải làm gì với nó?

Có một phương ngôn Phật giáo nói rằng: “Nên thấp một ngọn đèn hơn là than phiền về bóng tối”.

Luôn luôn có thể làm một điều gì đó thay vì cứ hoang mang. Thậm chí có thể ngồi yên một lúc, không than van.

Cảm thấy tội lỗi về cơ bản khác với ăn năn. Trong văn hóa của chúng ta, “có tội” là một phán quyết của quan tòa kèm theo một tiếng búa nện xuống bàn. Nếu không ai trừng phạt, chúng ta sẽ tìm cách này, cách khác tự trừng phạt. Có tội nghĩa là trừng phạt trong sâu thẳm tâm hồn.

Thế nên người phụ nữ trẻ này cần phải có cách sám hối để giải tỏa tội lỗi này. Nếu bảo bà ta quên đi và cứ tiếp tục sống yên vui với cuộc đời, lời khuyên đó sẽ không có hiệu quả. Tôi đề nghị bà đi làm công tác thiện nguyện ở một đơn vị phục hồi chức năng của bệnh viện địa phương,

chữa trị cho những người bị chấn thương vì tai nạn xe cộ. Trong môi trường đó bà sẽ làm việc hết lòng và người ngoại đạo mặc cảm tội lỗi; và như vẫn thường xảy ra trong công việc thiện nguyện, người đi giúp đỡ cũng được giúp đỡ nhiều không kém những người được giúp.

Tội hình sự

Trước khi tôi có vinh dự được giao trọng trách làm viện chủ một tu viện, tôi vẫn thường viếng thăm các nhà tù xung quanh thành phố Perth. Tôi ghi hồ sơ cẩn thận những giờ phục vụ trong nhà tù như những công trạng để phòng khi tôi bị kết án!

Trong chuyến viếng thăm nhà tù đầu tiên ở Perth, tôi rất ngạc nhiên và có ấn tượng mạnh trước số người tham gia cuộc nói chuyện của tôi về hành thiện. Phòng họp đầy ắp. Khoảng chín mươi lăm phần trăm tội nhân đến học thiện. Tuy nhiên tôi nói chuyện càng lâu thì thính giả càng nhốn nháo. Chừng mười phút sau đó, một người tù đưa tay lên ngắt lời và xin phép đặt câu hỏi. Tôi nói được rồi, cứ hỏi.

Ông ta nói, “Phải chăng qua thiên định có thể học cách bay lên cao qua khỏi những bức tường của trại giam?”.

Lúc ấy tôi mới hiểu tại sao có đông người đến nghe tôi nói chuyện như thế. Tất cả đều muốn học thiện để bay ra khỏi nhà tù! Tôi nói rằng chuyện ấy cũng có thể làm được, nhưng chỉ với một số thiện sinh xuất sắc, và phải mất nhiều năm tập luyện. Lần kế tiếp tôi đến nhà tù đó nói chuyện thì chỉ còn bốn người tới dự.

Sau nhiều năm giảng dạy trong tù tôi quen biết một số tù nhân và hiểu rõ về họ. Tôi khám phá ra một điều là mọi tội nhân đều cảm thấy có lỗi về những gì họ đã làm. Sâu thẳm trong lòng, họ cảm thấy như thế suốt đêm ngày. Họ chỉ nói điều này cho những người bạn rất thân. Trước mặt người khác, họ luôn luôn mang một bộ mặt ngang tàng. Nhưng một khi họ đã tin cậy bạn, xem bạn như một người hướng dẫn tâm linh, thì họ sẽ cởi mở và bộc bạch mặc cảm tội lỗi đôn đàu. Tôi chỉ có thể giúp họ với câu chuyện sau đây: chuyện về những học sinh lớp b.

Học sinh lớp B

Cách đây nhiều năm, một thí nghiệm về giáo dục đã được bí mật tiến hành ở một trường học tại nước Anh. Trường có hai lớp nhận học sinh cùng độ tuổi. Cuối năm, nhà trường tổ chức một kỳ thi để chọn lựa học sinh cho năm học sau. Tuy nhiên người ta không công bố kết quả. Để giữ bí mật, chỉ có hiệu trưởng và vài nhà tâm lý học biết kết quả ấy. Rồi người ta xếp các học sinh có điểm cao nhất vào cùng một lớp với các học sinh điểm cao thứ tư và thứ năm, rồi thứ tám, thứ chín, mười hai và mười ba, và cứ như thế. Đồng thời người ta xếp học sinh có điểm cao thứ nhì và thứ ba vào một lớp khác cùng với học sinh thứ sáu và bảy, mười và mười một, và cứ như vậy. Nói cách khác, dựa vào điểm số trong kỳ thi, người ta xếp các học sinh khá

và kém chia đều trong hai lớp. Các thầy cô giáo trong năm học kế cũng được chọn lựa về năng lực và kinh nghiệm giảng dạy đồng đều nhau. Thậm chí các phòng học cũng được trang bị với những tiện nghi như nhau. Mọi thứ đều được xếp đặt làm sao cho ngang nhau trong chừng mực có thể, ngoại trừ một chuyện, là một lớp được gọi là lớp A, và lớp kia được gọi là lớp B.

Trên thực tế, học sinh trong hai lớp có trình độ ngang nhau, nhưng trong đầu óc mọi người thì học sinh lớp A là những học sinh giỏi còn học sinh lớp B thì kém hơn. Một số phụ huynh học sinh lớp A cũng lấy làm ngạc nhiên với sự hài lòng là con mình thông minh và do đó khen ngợi và thưởng cho các cháu đó. Trong khi đó phụ huynh học sinh lớp B trách mắng con cái mình là không học hành chăm chỉ và còn không cho các cháu những món quà thưởng nữa. Thậm chí các thầy cô giáo dạy lớp B cũng có một thái độ khác. Họ không trông mong những học sinh lớp B đạt kết quả cao. Cái ảo tưởng đó được duy trì suốt năm. Và rồi người ta tổ chức kỳ thi chung cuối năm.

Kết quả làm người ta lạnh xương sống tuy rằng không ngạc nhiên cho lắm. Những học sinh lớp A làm bài tốt hơn rất nhiều so với học sinh lớp B. Kết quả giống như là năm trước người ta đã chia đôi một nửa học sinh giỏi cho vào lớp A. Các học sinh đều trở thành học sinh "lớp A". Và học sinh của lớp kia, mặc dầu sức học tương đương vào năm trước đã trở thành học sinh "lớp B". Đó là điều người ta đã bảo các cháu trong suốt năm học, đó là cách mà các cháu được đối xử, và đó là cách mà các cháu đã tin – và quả là đã trở thành như thế.

Đứa trẻ trong siêu thị

Tôi bảo các "bạn tù" đừng bao giờ nghĩ mình là tội phạm mà chỉ là những người đã từng làm một hành vi tội lỗi. Bởi vì nếu họ được gọi là tội phạm, nếu họ bị xử xử như là những tội phạm, và tin rằng họ là những tội phạm thì họ trở thành tội phạm. Sự thể là như thế.

Tại một siêu thị nọ ở quấy tính tiền, một đứa trẻ đánh rơi một hộp sữa. Hộp sữa bị vỡ và sữa chảy lênh láng khắp sàn nhà. Bà mẹ mắng con: "Đồ ngu!".

Ở một quấy khác, một đứa trẻ đánh rơi một hộp mật ong. Hộp bị vỡ, mật chảy lênh láng. Bà mẹ la con, "Ồ, con làm bậy quá".

Đứa trẻ thứ nhất bị xếp loại ngu suốt đời; còn đứa kia chỉ phạm lỗi có một lần. Đứa trẻ đầu tiên có thể trở thành một thằng ngu, còn đứa thứ hai có thể học được cách làm sao để khỏi làm bậy.

Tôi hỏi những người bạn trong tù là họ làm gì khác trong ngày phạm tội. Họ làm gì khác vào những ngày khác trong năm ấy? Họ làm gì vào những năm khác trong cuộc đời của họ? Rồi tôi kể cho họ nghe câu chuyện về bức tường gạch của tôi. Có những viên gạch tượng trưng cho cuộc đời của chúng ta ngoài lúc phạm tội. Quả thật, những viên gạch tốt luôn luôn nhiều hơn, nhiều hơn rất nhiều những viên gạch xấu. Vậy thì, các

bạn phải chăng là một bức tường gạch xấu cần phải phá bỏ? Hay các bạn là một bức tường gạch tốt có vài viên xấu giống như mọi người khác?

Vài tháng sau đó tôi trở thành viện chủ và không đi thăm các trại giam nữa. Một hôm, tôi nhận được cuộc gọi của một sĩ quan quản giáo. Ông ta mời tôi đến chơi. Ông ta có một lời khen mà tôi rất quý. Ông ta nói rằng các học trò của tôi ở nhà tù khi đã thi hành xong án phạt không bao giờ trở lại nữa.

Tất cả chúng ta đều là tội phạm

Trong câu chuyện trước, tôi nói về những người mà tôi đã trò chuyện trong trại giam, nhưng thông điệp đó cũng áp dụng cho bất cứ ai đang "bị giam" trong nhà tù lương tâm. Ngoài "tội lỗi" mà chúng ta đã phạm và làm cho chúng ta mang mặc cảm – thì chúng ta còn làm gì khác trong ngày hôm đó, trong năm đó, trong cuộc đời này? Chúng ta có thể nhìn thấy những viên gạch khác ở bức tường ấy không? Chúng ta có thể nhìn vượt ra khỏi hành vi sai lầm đã gây ra mặc cảm phạm tội hay không? Nếu như chúng ta cứ tập trung suy nghĩ về hành vi "lớp B" quá lâu, chúng ta có thể trở thành những con người "lớp B" – đó là lý do khiến chúng ta cứ mãi nhắc đi nhắc lại lỗi lầm của mình và chất chồng thêm mặc cảm tội lỗi. Nhưng nếu chúng ta nhìn vào những phần đời khác, những viên gạch khác trong bức tường của mình, khi chúng ta có một tấm nhìn hiện thực thì một tuệ giác tuyệt vời có thể bùng nổ trong tâm: chúng ta xứng đáng được tha thứ.

Buông bỏ mặc cảm tội lỗi, mãi mãi

Giải đoạn khó khăn nhất trong cuộc hành trình vượt thoát mặc cảm tội lỗi là tự mình tin tưởng rằng mình xứng đáng được tha thứ. Những câu chuyện mà tôi kể cho tới lúc này là để hỗ trợ cho chúng ta, nhưng bước cuối cùng để thoát ra khỏi nhà tù thì mỗi người phải tự làm lấy.

Hồi còn nhỏ, một người bạn của tôi đang chơi đùa với một đứa bạn thân. Trong khi đùa nghịch trên một cây cầu ở bên nước, bạn tôi xô người bạn kia xuống sông.

Bạn kia bị chết đuối.

Suốt nhiều năm liền, bạn tôi sống trong sự dẫn vật thường xuyên. Cha mẹ của người bạn chết đuối đó sống bên cạnh nhà. Bạn tôi lớn lên trong ý thức rằng mình đã cướp đi sinh mạng của một người con của họ. Rồi một hôm, người bạn ấy nói với tôi rằng anh ta nhận ra rằng không cần phải mang hoài mặc cảm tội lỗi nữa. Anh ta đã bước ra khỏi nhà tù của mình để đến với bầu không khí ấm áp của tự do.

Nguồn: *Who Ordered This Truckload of Dung?*

Ajahn Brahm là một tu sĩ Phật giáo Nguyên thủy người Anh, hiện là viện trưởng một tu viện Nguyên thủy ở Tây Úc, một trong những người tích cực hoằng pháp ở vùng Nam Bán cầu, tác giả nhiều quyển sách có giá trị viết về Phật giáo. ■



Vô Biên Trang Nghiêm Bồ-tát với đời mạt pháp

VĨNH HẠNH THÁI CHÍ BÌNH

Vấn đề thái độ của người học Phật trong thời mạt pháp đã được nêu ra trong phẩm thứ nhất, phẩm *Vô thượng Đà-la-ni*, thuộc chương thứ hai, chương *Pháp hội Vô Biên Trang Nghiêm*, của *Kinh Đại Bảo Tích*. Trong phẩm này, kinh văn thuật rằng vì muốn cho chư Bồ-tát chưa thành thực liền được thành thực, chư Bồ-tát đã thành thực liền được thần thông và giải thoát tri kiến, còn bậc đã trụ bất định liền được thành tựu cảnh giới nhất thiết trí, mà Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm đã bạch với Đức Thế Tôn xin Ngài giải bày căn kế các pháp

môn vô ngại, giải thích nhờ phương tiện gì khiến hàng Bồ-tát phát khởi vô lượng pháp môn, thành tựu chánh niệm để hàng phục ma oán và ngoại đạo mà chẳng bị xô phá. Dẫn xuất của lời bạch này được kinh văn nêu rõ, “Đời mạt pháp sau này, trong thời kỳ đấu tranh, chúng sanh nhiều chấp trước làm hại lẫn nhau, thêm lớn tham, sân, si, hoai loạn Chánh pháp. Khiến chư Bồ-tát ở trong thời kỳ đó, dùng đức đại từ bi chịu đựng mọi sự khổ để lưu hành diệu pháp này, không tranh không đấu. Do không tranh đấu nên có thể nhiếp thọ đại từ đại bi, và sẽ chứa nhóm những căn lành”.

Có thể thấy, chỉ với một lời tác bạch sở nghi của mình, Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm đã nêu được ba nội dung quan trọng: Bối cảnh và duyên sự của đời mật pháp; hành trạng của chư Bồ-tát; và diệu pháp bất khả tư nghì.

1/ Bối cảnh, duyên sự đời mật pháp

Thời mật pháp là lúc mà giáo pháp của Đức Thế Tôn chịu đựng nhiều sự xuyên tạc, bị giải thích sai lạc, không được “y giáo phụng hành”. Vì Bồ-tát đương cơ trong pháp hội này gọi đó là thời kỳ đấu tranh. Sự đấu tranh diễn ra trên ba lãnh vực: qui mô toàn cầu giữa các chủng tộc, chủng loại trong quan điểm để sinh tồn và phát triển; giữa nội bộ trong từng quốc gia do lợi ích nhóm, và trong mỗi con người luôn bị dẫn dắt bởi ân hận, tiếc nuối.

Nguyên nhân dẫn đến thời kỳ đấu tranh xuất phát từ chúng sinh “*nhiều chấp trước, thêm lớn tham sân si và hoại loạn Chánh pháp*”.

- Vì chấp trước nên bằng mọi cách kể cả gây chiến tranh, tàn sát đồng loại để bảo vệ thân mạng, danh vị và quan điểm quản lý xã hội của mình.

- Vì tham sân si nên quên mất luật nhân quả luân hồi, sẵn sàng gây ra khổ đau cho mình, cho người và cho muôn loài.

- Vì hoại loạn Chánh pháp nên mất phương hướng trong đời sống vật chất cũng như đời sống tâm linh, tự mình hủy hoại những giá trị văn hóa truyền thống cao đẹp, nhân nghĩa để chạy theo những chuẩn mực văn hóa “hiện sinh”, “vật hóa”, “cuồng vọng”.

Hậu quả của chấp trước, nhiều tham sân si và hoại loạn Chánh pháp là một thế giới ta-bà này với nhiều phương tiện giết hại lẫn nhau ra đời ngày càng tinh vi thiện xảo, con người và muôn loài ngày càng chìm đắm trong bất an, lo sợ cho môi trường sống ngày càng bị ô nhiễm, một hệ thống quản lý kinh tế xã hội với nhiều lãnh vực lâm vào khủng hoảng trên qui mô toàn cầu mà tần suất ngày càng ngắn hơn. Sự khổ xuất hiện ngày càng nhiều hơn.

2/ Hành trạng của chư Bồ-tát

Đối với chư Bồ-tát, chư tôn đức Tăng Ni lại phải chịu đựng mọi sự khổ để duy trì và quảng bá mạng mạch của Như Lai. Ở đây Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm chỉ dùng cụm từ “*mọi sự khổ*” để diễn tả tình trạng trong Tăng đoàn và trong tu tập của chư tôn đức Tăng Ni vào thời mật pháp. Khổ ở đây là khổ của bậc xuất thế gian trong thế gian. Nó xuất phát từ trong cảnh giới *đấu tranh, chúng sanh chấp trước, tham sân si ngày càng thêm lớn và hoại loạn Chánh pháp*:

- Đấu tranh là nhân gây khổ đau do tâm chúng sanh còn vô minh vọng tưởng các pháp thế gian là có thật, tốt, quý giá, tồn tại vĩnh viễn, không hư hoại... nên ra sức, bằng mọi cách thế để chiếm đoạt, bảo vệ, thụ hưởng... Đối với chư Bồ-tát, các bậc tôn đức Tăng Ni tuy đã rời các pháp thế gian nhưng do đại nguyện của lòng từ bi cứu khổ chúng sanh mà phải vào thế gian,

vào “nhà lửa” để thực hiện nguyện vọng lớn lao tha thiết của mình, nên phải cùng chịu chung số phận cùng với chúng sanh. Nếu chư vị xa rời đấu tranh một cách dứt khoát, tâm từ bi rộng lớn, dung chứa mọi căn lành thì tuy thân có “nóng” nhưng tâm luôn vô ngại, an vui.

- Chấp trước cũng là nhân gây ra mọi sự khổ đau. Cùng với đấu tranh, chấp trước trực tiếp tạo ra sự đối kháng, tranh cãi về các pháp của thế gian. Hậu quả của hành trạng này là bắt ép, đánh đập, giết chóc nhau qua xung đột chiến tranh. Khác với đấu tranh là sự đối kháng có sự có việc phát sinh mâu thuẫn diễn ra bên trong tâm do ức chế (stress) hoặc thể hiện bên ngoài do lời nói, hành động; còn chấp trước nó vi tế hơn, ẩn khuất bên trong, như một màn kính đã bị nhuộm màu, tùy nghiệp lực của từng người mà màu sắc của màn kính này dày mỏng, đậm nhạt, trắng, đen, xanh, đỏ... Chấp trước là chủ của đấu tranh. Vì thế bên cạnh việc xa rời các pháp đấu tranh của thế gian để được an vui giải thoát, các bậc tôn túc trong Tăng đoàn luôn thúc liễm thân tâm mỗi năm vào mùa An cư kiết hạ, thực hành chánh niệm để nhận biết các pháp như thật mà xa rời sắc tướng hoại diệt của thế gian để an trụ trong Chánh pháp, đạt giải thoát tri kiến.

- Tham Sân Si: là nguồn năng lượng của đấu tranh. Vào thời mật pháp, tham sân si càng thêm lớn, cũng đồng nghĩa với năng lượng cung cấp cho đấu tranh càng thêm lớn, hậu quả là gây ra nhiều khổ đau, chết chóc cho muôn loài càng rộng lớn hơn. Các bậc Bồ-tát, chư tôn đức Tăng Ni trong thời mật pháp, do vì có lòng từ bi cứu độ chúng sinh, phát đại nguyện lớn, nhưng dưới sự quán chiếu của Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm, vẫn có ba bậc Bồ-tát còn cần cầu đến lời giảng nói của Đức Như Lai; đó là chư Bồ-tát chưa thành thực được thành thực, chư Bồ-tát đã thành thực mau được thần thông và giải thoát tri kiến, và bậc đã trụ bất định thì được thành tựu cảnh giới nhưث thiết trí.

- Hoại loạn Chánh pháp:

Chánh pháp bị hủy hoại, báng bổ từ bên ngoài bởi tà ma ngoại đạo; bị khinh mạn, cống cao, phá bỏ giới luật, qui môn từ bên trong tứ chúng tu Phật. Trong hai loại hoại loạn này, loại thứ hai mới thật là điều mà Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm cần cầu pháp môn vô ngại và diệu nghĩa quyết định của Đức Phật. Cả hai dù từ bên ngoài hay từ bên trong tứ chúng đều khởi phát từ tín hạnh, chấp trước và ngã mạn, lấy sự làm trọng mà xa rời bốn tánh thường hằng thanh tịnh của các pháp trong cõi ta-bà này, điều mà Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm gọi là “*Tịch tịnh chẳng diệt hoại*”, có được là do thành tựu được chánh niệm, thấy sự vật như chính nó, không bị dính mắc bởi nó, không đấu tranh với nó; là một quá trình nhiếp thọ lòng đại từ đại bi và trọn nên Phật trí của các bậc Bồ-tát, chư tôn đức Tăng Ni.

3/ Diệu pháp bất khả tư nghì.

Đây là diệu pháp, là món thuốc, mà Đức Phật kê đơn

cho các bậc Bồ-tát, cho chúng sinh trong thời mạt pháp vượt thoát mọi khổ đau, hàng phục ma oán và ngoại đạo mà chẳng bị xô phá. Pháp môn này là phương tiện để Bồ-tát phát khởi vô lượng thiện xảo, tịch tịnh, thành tựu chánh niệm, viên thành Phật trí. Đạt được công hạnh thù thắng vô ngại này, theo Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm, có ba công hạnh lớn lao của bậc Bồ-tát trong thời mạt pháp:

3.1/ Mở rộng lòng Từ bi

Đạo của Đức Phật là đạo của Từ bi. Sự hiện diện của Đức Phật Thích-ca nơi cõi ta-bà này cũng chỉ vì một bi nguyện rộng lớn vô biên là cứu độ chúng sinh thoát khỏi mọi khổ đau do sanh tử luân hồi trong lục đạo. Nơi nào trong cõi ta-bà này còn khổ đau thì nơi đó vẫn còn cần lưu hành diệu pháp của Đức Phật. Do đó, chư Bồ-tát, chư tôn đức Tăng Ni là đệ tử, là sứ giả của Như Lai, cũng vì lòng Từ bi này mà chịu đựng, vượt thoát mọi khổ đau, tiếp nối mạng mạch, lưu truyền diệu pháp này.

3.2/ Hành thâm Chánh niệm

Chánh niệm là thấy biết một cách chân thật và rõ ràng sự hoại diệt của tất cả các pháp để dứt khoát, nhanh chóng, xa rời chấp trước, đoạn diệt mọi khổ đau. Do sống trong chánh niệm nên chư Bồ-tát, chư tôn đức Tăng Ni luôn tỉnh thức trước mọi sự đấu tranh, là gốc khởi phát của cố chấp, của tham sân si. Do không tranh, không đấu nên tâm luôn nhiếp thọ lòng từ bi vô lượng của chư Phật, thường hằng thanh tịnh, bao dung; mang đến an vui giải thoát cho tất cả mọi loài chúng sinh.

3.3/ Chứa nhóm mọi căn lành

Do thấy biết rõ bốn tánh của các pháp nên các bậc Bồ-tát luôn dùng năng lực diệu dụng của hạnh từ bi để vượt thoát mọi khổ đau trong thời mạt pháp, đồng thời miên mật lưu hành diệu pháp không tranh, không đấu; dung chứa mọi căn lành, lánh xa tất cả việc ác, nhờ đó hàng phục được ma oán, tăng trưởng thiện nghiệp, thành tựu cảnh giới như ý thiết trí.

Hiện tại chúng ta đang ở thời kỳ mạt pháp. Những gì Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm tác bạch với Đức Phật về sở nghi của mình cũng đang diễn ra ở một mức độ rộng và khá phổ biến trong đời sống của chúng ta. Tuy thời của Đức Phật còn tại thế và thời đại của chúng ta cách xa nhau nhưng sự và lý mà vị Bồ-tát đương cơ nêu trong Pháp hội vẫn còn có một giá trị vô cùng lớn lao cho những người con Phật trên bước đường tu học của mình. Những chương duyên do chúng sanh trong thời mạt pháp tự gây đau khổ cho nhau cũng như do chính chúng ta trong quá trình tu tập còn chấp trước, cống cao ngã mạn, xa lìa giới hạnh, lấy giả làm chân, đều là nhân của hoại loạn Chánh pháp.

Basở hành của hàng Bồ-tát được Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm nêu lên trong lời tác bạch trước Đức Phật và đại chúng cho Phật tử chúng ta một phương tiện đầy lòng từ bi, trí tuệ vượt thoát mọi khổ đau trong thời mạt pháp này. Bồ-tát tác bạch là vì sở nghi của chúng



sanh trong ba cõi, về phương tiện vượt thoát những chương duyên trong thời mạt pháp. Chúng ta cảm kích biết bao khi giữa Pháp hội thanh tịnh, uy nghi, Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm, chứ không phải vị Bồ-tát nào khác, đã nêu tình trạng của thời mạt pháp để mong cầu Đức Phật truyền dạy diệu pháp vượt thoát cho chư vị Bồ-tát và chúng sinh tin Phật. Phải chăng danh hiệu Bồ-tát Vô Biên Trang Nghiêm là sự khởi đầu cũng là câu kết đầy ý nghĩa cho chúng ta về diệu pháp vượt thoát mọi khổ đau, mọi xô phá của ma oán, là thực hành hạnh nguyện *Vô Biên Trang Nghiêm* của ngài. Nếu tất cả người con Phật, tự mỗi người do thấy biết nhân quả của khổ đau mà xa lìa đấu tranh, rộng lòng từ bi, bao dung nhiếp thọ mọi ma oán, chúng sinh; dung chứa, gieo mầm những căn lành tức là chúng ta trang nghiêm thân tâm của chúng ta một cách vô biên vô tận. Vô biên trang nghiêm Thân Khẩu Ý, Vô biên trang nghiêm Đạo tràng, Trú xứ tức là chúng ta vô biên trang nghiêm Quốc độ, hàng phục ma oán, vượt thoát mọi khổ đau, thành tựu viên mãn những thế nguyện hoằng pháp độ sanh một cách vi diệu, thiện xảo.

Tham khảo: *Kinh Đại Bảo Tích*, tập I, Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch. ■

Khó nói

HOÀNG TÁ THÍCH

Cách đây đã lâu lắm, tôi đọc được trong tập san của Trường Quốc Học Huế một câu chuyện ngắn. Đại để, chuyện kể về một thằng bé đi xe đạp từ trên dốc Nam Giao xuống. Đến ngã vào nhà gần cuối dốc, nó quật xe vào với tốc độ khá nhanh không kiểm soát được. Không may cho thằng bé, đúng lúc đó, con gà mái dẫu của mẹ nó nuôi chạy ra trước đầu xe.

Có hai phần kết:

Thứ nhất, thằng bé hoảng hốt quẹo tay lái theo phản ứng để tránh con gà và phải đâm vào một gốc cây, té xuống gần bất tỉnh. Bà mẹ chạy ra, thấy con bị thương, hoảng hốt ẵm con vào nhà vừa khóc vừa nói:

- Con ơi, sao mà con ngu thế. Con gà có đáng bao nhiêu mà con phải tránh nó để ra nông nổi này hả con. Mẹ có một con gà, chứ phải mười con gà mà con có cán chết hết để khỏi bị như thế này thì mẹ cũng chẳng tiếc gì. Trời ơi là trời, sao mà con ngu thế.



Phần kết thứ hai:

Thằng bé không có cách gì tránh được con gà của mẹ nó, đành phải cán chết. Bà mẹ chạy ra, thấy con gà nằm chết dưới bánh xe của thằng con, tru tréo lên:

- Ôi là cái thằng chết tiệt này, sao mà mày ngu thế. Con gà to chình ình thế này mà mày không có mắt sao mà lại cán chết nó? Mày có biết tao đã tốn bao nhiêu công sức để nuôi nó lớn như thế này không? Trời ơi là trời, sao mà mày ngu thế hả con?

Cả hai trường hợp, thằng con của bà đều ngu cả, nhưng một cái ngu thì được thương yêu, một cái ngu thì bị chửi rủa.

Hồi đó còn trẻ tuổi, thấy câu chuyện đó cũng hay hay, nhưng chưa đến mức làm cho mình phải suy nghĩ. Bây giờ thì lại thấy thấm thía câu chuyện kia. Đi cùng với một người bạn ngoài đường, chỉ một cái kéo tay người đồng hành, đôi khi có thể tránh cho người bạn khỏi bị đụng xe. Dĩ nhiên là vì không bị xe đụng, nên bạn mình chẳng thấy giá trị của cái kéo tay đó. Ngược lại, nếu nhờ kéo mạnh quá, làm bạn mình vấp té, hay đau tay, chưa chừng lại bị trách là đang khác. Ở đời lạ lắm. Làm cho người ta chín điều tốt, người chịu ơn thực ra cũng biết, nhưng nếu điều thứ mười không được vừa ý, thì chín điều kia sẽ có thể bị quên đi một cách vô tư. Cho một người bạn mượn tiền chẳng hạn. Năm ba lần được vừa ý, đúng là bạn mình tốt thật. Nhưng lần sau cùng lỡ túi kẹt phải từ chối, thì thế nào cũng bị trách là tệ, không tốt với bạn bè. Nhưng từ chối với bạn, bị trách oan thì đôi khi cũng vẫn còn người bạn đó cho đến khi họ hiểu được sự thật. Có khi lòng tốt của mình lại gây ra lắm chuyện dở khóc dở cười. Cho bạn mượn một số tiền, bạn mình chưa có khả năng hoàn lại, ngại phải gặp nhau, đành tránh mặt luôn. Số nợ lớn, không thể nào trả nổi, thì không muốn gặp mình nữa, dù trong thâm tâm họ không muốn bỏ quên số nợ trên. Thế là mất một người bạn vì một lý do thật khó nói. Người có lòng lúc nào cũng dễ mắc vào chuyện thị phi: Thấy có một người tốt, muốn giới thiệu với con cái bạn mình để họ lập gia đình. Nếu hạnh phúc thì không sao, ông mai bà mối sẽ được biết ơn mãi mãi. Nhưng nếu nhờ vợ chồng không hợp nhau, mọi chuyện gây đổ, thì trăm đầu đều đổ đầu tằm, mọi chuyện chỉ tại ông mai bà mối mà ra cả. Thấy bà con của bạn mình khó khăn, muốn gợi ý để bạn mình giúp đỡ họ. Gặp người có lòng tốt thì không sao, họ sẽ cảm ơn đã nhắc điều mà họ không để tâm đến. Chẳng may gặp người ích kỷ, anh ta lại mắng thắm trong bụng rằng mình là kẻ lảm chuyện, không phải việc của mình cũng xâm lo vào. Nghe một người nói một chuyện không đúng về bạn mình, nghĩ thế nào cũng cho bạn mình biết để giải quyết chuyện hiểu lầm nhau. Không nói lại thấy không yên tâm, nhưng nói lại có thể bị hiểu lầm là chính mình nhiều chuyện. Thật là tiến thoái lưỡng nan.

Người sống ích kỷ, bàng quang với mọi chuyện bên cạnh mình, không cần biết đến người khác có thể bị chê là sống ích kỷ. Nhưng vì không tự ý để xướng chuyện giúp

đỡ người khác, nên lại ít bị trách móc hoặc dính vào những thị phi. Trái lại thấy ai có chuyện khó khăn cũng muốn nhảy vào giải quyết giúp, nếu được thì quý hóa quá, nhưng nhờ không được thì chắc chắn là sẽ không được yên thân.

Có những chuyện đời rất oái ăm. Một người anh bảo lãnh cho gia đình người em ruột qua định cư ở Mỹ. Lúc được đi thì rất hào hứng, tràn đầy hy vọng. Nhưng qua Mỹ một thời gian, thấy cuộc sống khó khăn, con cái không thành đạt, thế là đâm ra oán trách người anh, nhất là khi thấy những bạn bè ở lại Việt Nam lại thành công, con cái sau đó cũng được qua du học Mỹ dễ dàng. Người em này chỉ biết oán trách mà không bao giờ nghĩ ra là nếu anh ta ở lại Việt Nam mà không phấn đấu được với cuộc sống thì anh ta cũng chỉ thất bại thôi.

Anh bạn thân của tôi bỗng nhiên mắc cỡ một cô gái trẻ. Thấy chưa đến nỗi nên tôi tìm mọi cách ngăn cản, để giữ gìn hạnh phúc cho bạn mình, vì nếu để đến tai vợ anh ấy thì không biết lỗi thời đến đâu. Tuy là anh bạn tôi cuối cùng cũng chia tay cô gái, nhưng trong lòng hận tôi không biết bao nhiêu mà kể, suốt mấy tháng không thèm nói chuyện với tôi, tránh gặp mặt tôi. Bảo hại suốt một thời gian dài, mỗi khi có dịp gặp vợ bạn, tôi phải tìm cách nói dối với chị ấy để khỏi lộ chuyện.

Thường nói: "Làm ơn mắc oán", là thế.

Trong đời sống hằng ngày, có nhiều chuyện rất bình thường nhưng thật sự rất khó giải quyết. Tôi có một người bạn bị ung thư đang nằm bệnh viện ở bên Mỹ và đang ở trong thời kỳ rất khó khăn chưa biết còn được bao lâu. Có người mách ở Việt Nam có một loại thuốc Đông y có thể chữa khỏi, hoặc ít nhất là cầu may cho con bệnh thập tử nhất sinh, nên em ruột anh ta yêu cầu tôi gửi qua. Vẫn biết ung thư là loại bệnh gần như khó lòng chữa khỏi được, nhưng dầu sao anh bạn tôi vẫn còn sống. Giả thử thuốc gửi qua cứu sống được anh ta thì công ơn của tôi chắc bằng cả biển Đông, nhưng nếu chẳng may dù không phải do thuốc, nhưng đúng lúc anh ta phải ra đi thì ôi thôi; Ô hô, ai tai. Chưa kể là anh bạn tôi đang ở Mỹ, thuốc ta thì không có nguồn gốc, không có cân lượng chính xác, nếu phải gửi qua, chẳng biết trách nhiệm sẽ như thế nào.

Ngay cả con cái mình, bậc cha mẹ nào cũng muốn chọn cho con cái đầu hiền rể thảo, đôi khi còn muốn ép duyên con cái vì thấy mối đó hợp ý mình quá, nhưng con cái có cuộc đời của con cái, nhờ như chúng vì vâng lời cha mẹ mà sau này không được hạnh phúc thì có phải mình sẽ ân hận không?

Chuyện tương lai mấy ai biết trước. Nếu có thể biết được chuyện gì sắp xảy ra thì cuộc đời này lại quá đơn giản. Cho nên tư vấn chuyện gì cho người khác cũng là chuyện rủi may. Được thì có ơn, ngược lại đôi khi còn bị mắc oán. Quyết định thế này hay thế khác để giải quyết một vấn đề, chưa biết cách nào vẹn toàn. Chuyện của riêng mình chẳng nói làm gì, có liên hệ đến những người khác mới là vấn đề. Ấu là cứ lấy cái tâm của mình mà xử lý vậy. ■



Hoằng pháp đến vùng sâu vùng xa

THÍCH GIÁC TOÀN

Đầy mạnh Phật sự hoằng pháp là nỗ lực không ngừng để quảng bá giáo lý của Đức Phật, truyền bá sâu rộng đạo Phật. Đó là ý nghĩa của từ hoằng pháp. Cách đây khoảng 2.600 năm, sau khi thành đạo khoảng hơn một năm, khi giáo đoàn Tỳ-kheo đã có 60 vị A-la-hán, Đức Phật dạy, “Này các Tỳ-kheo, hãy đi đi, đi khắp nơi, vì lợi lạc và hạnh phúc của số đông, vì lòng từ bi đối với đời, vì hạnh phúc của trời và người; chớ đi hai người chung một đường với nhau. Này các Tỳ-kheo, hãy thuyết giảng giáo pháp cao thượng”. (Mahavagga I, 111). Từ đó, đạo Phật lan truyền khắp Ấn Độ cổ. Các vua Ấn Độ thời Đức Phật và sau Ngài cũng góp công lớn trong việc phát triển đạo Phật, như Tần-bà-sa-la, A-xà-thế, A-dục, Ca-ni-sắc-ca... Đạo Phật được truyền ra nước ngoài, đến các vùng xa xôi, trở thành một trong những tôn giáo cổ nhất và lớn nhất thế giới. Dấu tích của công cuộc

phát triển vĩ đại của Phật giáo hiện diện khắp thế giới: kinh sách nhiều nhất, chùa tháp đồ sộ, tượng đài lớn lao, tổ chức Tăng-già vững mạnh... ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm, và sinh hoạt của loài người. Hoằng pháp là vì lòng từ bi, thương tưởng cho đời như lời Phật dạy. Sự nghiệp hoằng pháp bao gồm việc bố thí cho người nghèo khổ, góp công xây dựng cuộc sống an lành, hạnh phúc, phù hợp với giáo lý Đức Phật, xây chùa, dựng thánh tượng, phổ biến kinh sách... nhưng cụ thể, hữu hiệu nhất là sự hiện diện của chư Tỳ-kheo, Tăng Ni, trực tiếp giảng pháp cho quần chúng.

Cụm từ vùng sâu vùng xa ở đây nhằm chỉ những vùng do hoàn cảnh địa lý đặc biệt chưa được mở mang, đời sống vật chất, tinh thần còn thấp, còn yếu kém về mọi sinh hoạt. Đó là các vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo và cả một số vùng ở đồng bằng; nổi bật nhất là các vùng của các dân tộc ít người.

Chủ trương xóa đói giảm nghèo của Đảng và Nhà nước khởi sự mạnh từ năm 1989 khi quyết định thực hiện kinh tế thị trường trong sản xuất và năm 1990 chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các Chương trình xóa đói giảm nghèo 134 và nhất là Chương trình 135 đã làm giảm được tỷ lệ nghèo đói khá rõ. Trang web của Viện Khoa học Xã hội ghi nhận, từ năm 2006 đến năm 2008, tỷ lệ đói nghèo giảm 2,6%. Trang web vietbao.vn nêu rõ, năm 1993 các hộ nghèo chiếm 58,1%, đến năm 2004 chỉ còn 19,5%. Thống kê cho biết năm 2011 có 62 huyện nghèo nhất Việt Nam, tập trung ở các tỉnh Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Phú Thọ, Sơn La, Lai Châu, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Ninh Thuận, Kon Tum, Lâm Đồng...

Tình cảnh nghèo đói lạc hậu ở các vùng sâu vùng xa là quá rõ. Mức nghèo nhất do Ngân hàng Thế giới ấn định là thu nhập 1USD/người/ngày. Các vùng sâu vùng xa ở Việt Nam, nhất là các vùng dân tộc, tính ra sản lượng tự cung tự cấp cũng chưa đến 2.000VNĐ/người/ngày.

Ở đây muốn nhấn mạnh đến tình hình các dân tộc ít người ở Tây Nguyên và ở các vùng núi phía Bắc, nơi mà Thiên Chúa giáo gồm Công giáo La Mã và Tin Lành hoạt động có hiệu quả và thu hút rất nhiều đồng bào dân tộc theo đạo. Theo các bản tin được Thông tấn xã Việt Nam và trang web Cơ quan đại diện Bộ Ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài truyền lên mạng ngày Chủ nhật 25/3/2012, hiện nay có 800.000 tín hữu Tin Lành ở Việt Nam, trong đó, ở Tây Nguyên có gần 400.000 người. Cũng tại Tây Nguyên, có gần 100 mục sư và 36 chi hội Tin Lành. Dự định in kinh sách Tin Lành bằng các ngôn ngữ Kơ-ho, Ra-đê, Xơ-tiêng, Ba-na... sắp được tiến hành. Trang web của Hội Ân nhân Tỉnh dòng Dòng Chúa Cứu Thế tại Việt Nam nêu hàng năm có 1.000 người Kơ-ho ở Đà Lạt và 1.500 người Raglai, Ba-na ở Pleiku rửa tội theo Công giáo.

Trong khi đó, những thế lực xấu vẫn không ngừng tìm cách tuyên truyền để kích động các tín đồ người dân tộc theo Công giáo, Tin Lành gây mất an ninh, trở ngại cho việc xóa đói giảm nghèo của Nhà nước Việt Nam. Từ những năm đầu thế kỷ 21 đến nay, lực lượng phản động FULRO cũ xúi giục tín đồ Tin Lành ở Tây Nguyên chống Chính phủ, đòi lập nhà nước Dega ở Tây Nguyên. Ở Điện Biên (có ba Hội thánh Tin Lành, hơn 22.000 tín đồ) mới năm ngoái (2011), tín hữu Tin Lành bị xúi giục biểu tình đòi thành lập Vương quốc H'mông.

Trong lúc Tin Lành, Công giáo phát triển khá vững ở các vùng sâu vùng xa thì Phật giáo gần như không có dự án phát triển nào ở các vùng này.

Từ Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần III, cố Hòa thượng Thích Thiện Châu đã phát biểu rằng cần phát triển Phật giáo đến vùng sâu vùng xa, đặc biệt là vùng các dân tộc ít người. Phát biểu này được đưa vào nghị quyết của Đại hội. Từ đó đến nay, việc đưa Phật giáo đến các vùng nói trên chỉ được thực hiện rất sơ sài, chưa đáng kể. Lý do

là Giáo hội Phật giáo Việt Nam gặp phải không ít các khó khăn. Sau đây là những nguyên nhân chủ yếu:

1. Đạo Phật là đạo trí tuệ, người kém trí khó thông hiểu, khó chấp nhận: Trong khi những người kém trí, trình độ văn hóa thấp, đa số tin vào ông Trời, thờ thần, thờ linh vật... để cầu xin được bình an, được may mắn, được mùa màng bội thu, sản xuất tốt... thì Phật giáo rất khó khiến người ta tin Phật, vị đại trí tuệ với các giáo lý thâm sâu, khúc chiết. Trong khi người ta cầu đảo để xin đấng tối cao giúp thoát bệnh tật, đói nghèo thì Phật giáo khuyên phải tự mình giải thoát cho mình... Người ta dễ tin vào một Thượng đế, một vị thần quyền năng định đoạt số phận của tất cả mọi loài. Xem ra, tinh thần Phật giáo Đại thừa với cách hiểu dễ dãi hơn thì có thể gần gũi với đa số người thiếu trí để họ đến với Phật giáo với điều kiện họ chưa phải là tín đồ của một tôn giáo độc thần!

2. Đạo Phật không chủ trương ép buộc hay dụ dỗ người theo hay cải đạo sang Phật giáo: Rất nhiều vị đại sư khuyên dân tin đồ rằng người con Phật không có bốn phận phải khiến cho người ta theo đạo Phật mà hãy cố làm sao giúp người ta sống hiền thiện, phù hợp với giáo lý của Đức Phật. Chính Đức Phật cũng đã khuyên dạy hãy giữ niềm tin có sẵn của mình và biết suy nghĩ để tiến bộ, không cần phải quy y Phật. Thiên Chúa giáo cả hàng trăm năm đã từng lập Tòa án Dị giáo giết hại những người bị coi là có tư tưởng đi ngược lại lời Chúa, đã làm những cuộc thập tự chinh để tàn sát những người không theo đạo Chúa. Đó là chưa kể rất nhiều tổ chức tôn giáo chuyên dụ dỗ người dân theo tôn giáo của họ; họ bỏ tiền bạc, công sức giúp đỡ người khốn khó, họ hứa hẹn vật chất, họ vẽ ra vùng đất hứa, họ lợi dụng sự mê tín dị đoan của người kém trí để vẽ vờ những phép lạ của Thượng đế... Từ đó, chúng ta không lạ gì số tín đồ của các tôn giáo ấy ngày một tăng; nhất là khởi từ những người kém trí, lâu ngày thành ra niềm tin, truyền thống tôn giáo, rất khó dứt bỏ.

3. Giáo hội Phật giáo Việt Nam còn nghèo, khó có thể giúp đỡ vật chất đáng kể cho người dân khó khăn ở vùng sâu vùng xa: Chúng ta chỉ thấy vài phái đoàn từ thiện thỉnh thoảng đến các vùng sâu vùng xa để ủy lạo, cứu trợ. Tặng vật không nhiều và được trao theo từng dịp không đều đặn. Nghèo khổ vật chất khiến người ta chỉ mong được giúp đỡ vật chất. Ai cũng biết câu "có thực mới vực được đạo." Có cái ăn đã, có cuộc sống vật chất không quá ngặt nghèo đã. Đạo Phật là đạo từ bi; hạnh bố thí là hạnh đầu và tài thí (hay bố thí tiền bạc, vật chất) là đầu tiên trong các ý nghĩa bố thí. Đất nước mới được phát triển, Phật giáo không có kế hoạch kinh doanh như nhiều tôn giáo khác; sự giúp đỡ vật chất của Phật giáo quả là còn quá ít ỏi so với sự giúp đỡ của vài tôn giáo khác cho các đồng bào vùng sâu vùng xa. Các Phật tử hằng tâm hằng sản lại thường chỉ nghĩ đến việc ủng hộ xây chùa, dựng tượng, đúc chuông, lễ lạy... tại các thành phố hay các nơi họ thường năng lui tới chứ ít người nghĩ đến các vùng sâu vùng xa.

4. Giáo hội Phật giáo Việt Nam chưa có kế hoạch,

phương án cụ thể cho việc đưa Phật giáo đến các vùng sâu vùng xa: Trải qua 6 nhiệm kỳ của Trung ương Giáo hội, không hề có phương án phát triển Phật giáo ở vùng sâu vùng xa. Ban Hoằng pháp cũng ít có báo cáo về việc thuyết pháp ở các nơi này. Chung quy chỉ có báo cáo của Ban Từ thiện xã hội về các đoàn cứu trợ, ủy lạo ở các vùng này. Chùa, Niệm Phật đường hay các cơ sở Phật giáo khác rất hiếm thấy xuất hiện ở đây.

Trong khi đó, ta hãy xem, ở Tây Nguyên với 400.000 tín đồ Tin Lành có 100 mục sư, 36 chi hội Hội thánh như đã nói trên. Công giáo, theo thống kê trên trang web Wikipedia, gồm 5,7 triệu tín đồ trên toàn quốc, với 3.100 linh mục, 14.400 tu sĩ, 53.000 giáo lý viên. Tính sơ lược, Công giáo có 70.000 người có thể làm công tác xã hội, làm giảng viên giải thích, tuyên thuyết kinh Thánh. Phật giáo có 40 triệu tín đồ và hơn 40.000 Tăng Ni, thử hỏi có bao nhiêu vị có khả năng hoằng pháp, thuyết pháp? Đã có thống kê các chùa, các Tăng Ni hành đạo ở các vùng sâu vùng xa chưa?

Những khó khăn nêu trên vừa mang tính khách quan vừa mang tính chủ quan. Tìm hiểu thật kỹ những khó khăn ấy thì có thể tìm cách gỡ dần để tiến tới việc phát triển Phật giáo ở vùng sâu vùng xa. Bước đầu tiên, chúng ta có thể có một số hoạt động khả dĩ mang lại lợi ích thiết thực về vật chất, tinh thần cho người dân ở các vùng hẻo lánh.

1. Tăng cường các chuyến ủy lạo, cứu trợ: Tăng cường vận động các nhà hảo tâm tham gia các cuộc ủy lạo, cứu trợ do Phật giáo tổ chức. Hình ảnh Tăng Ni trong các đoàn cứu trợ có thể gây ấn tượng Phật giáo trong quần chúng.

2. Giúp vốn làm ăn, hướng dẫn ngành nghề là cách thiết thực, hữu hiệu trong việc xóa đói giảm nghèo và ngăn chặn sự tái nghèo đói.

3. Tái thiết hoặc xây dựng hệ thống các chùa làng, các nhà giữ trẻ, lớp mẫu giáo. Đây có thể xem là khởi đầu của việc hoằng pháp vùng sâu vùng xa. Tăng Ni cần được khuyến khích thực hiện Phật sự quan trọng này. Vận động kinh phí cho nhà giữ trẻ miễn phí, giúp bữa cơm trưa cho cha mẹ lo làm ăn, sản xuất, là những việc không đòi hỏi phí tổn cao mà Giáo hội hay các Tăng Ni thiện tâm và có điều kiện có thể làm được. Hình ảnh Tăng Ni, tượng Phật tại các cơ sở này sẽ gây ấn tượng tốt cho dân trong vùng.

4. Ban Hoằng pháp cần đẩy mạnh việc đào tạo giảng sư, nội dung giảng dạy cần đề cập đến việc hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa. Các giảng sư được khuyến khích làm Phật sự, giảng pháp tại các vùng này. Giáo hội và Ban Hoằng pháp có chương trình gửi các Tăng Ni đi học tiếng dân tộc tại các trường dạy các ngôn ngữ dân tộc do Nhà nước tổ chức. (Hiện có 7.010 trường dạy tiếng dân tộc trên toàn quốc).

5. In tượng Phật, tờ rơi giới thiệu sơ lược Phật giáo viết bằng tiếng dân tộc. (Hiện có rất nhiều người dân tộc nói và viết thành thạo, có trình độ văn hóa cao). Trước tiên là các tờ rơi in bằng các ngôn ngữ của vài dân tộc có trên dưới một triệu người như Thái, Mường, Nùng...

Trước khi thực hiện các dự kiến nói trên, chư Tăng Ni hay các vị giảng sư hoằng pháp cần ghi nhận một số điều được xem là căn bản:

- Bồ thí tài vật, ủy lạo người nghèo khổ cũng là một hình thức hoằng pháp nhưng chủ yếu là một hành động phát xuất từ lòng từ bi, sự thương yêu, thông cảm, sẻ chia tình ròng chứ không vì mục đích truyền bá đạo Phật, khuyến dụ người ta theo đạo Phật. Dứt khoát không giảng giáo lý trong lúc làm việc công ích, từ thiện, ủy lạo. Nếu cần thì chỉ cần thành bảo rằng mình sẽ cầu nguyện Đức Phật phò hộ cho mọi người được bình an, vượt qua được mọi khốn khó.

- Kính trọng các tôn giáo đang cùng hoạt động trên địa bàn với mình. Luôn luôn tỏ ra hài hòa, xây dựng, đoàn kết và hỗ trợ nhau trong việc làm với khổ đau cho mọi người.

- Không phê bác tôn giáo, tín ngưỡng, tập tục (dù là hủ tục) của người địa phương. Hãy tin rằng lâu dài về sau, khi giáo lý của Đức Phật được quảng bá, những gì trái với giáo lý sẽ được người ta loại bỏ dần trong các sinh hoạt và trong tư tưởng, tình cảm. Không nóng vội trong việc giảng pháp, hãy giảng pháp bằng thái độ khoan hòa, bằng tình thương yêu, thông cảm.

- Luôn giữ thái độ bình tĩnh, nhẫn nại, chịu đựng gian khổ khó khăn có thể gặp phải: địa bàn hiểm trở, thời tiết khắc nghiệt, phương tiện thiếu thốn, có khi còn gặp sự hiểu lầm, đổ kỵ, chống đối...

- Hoàn toàn không nghĩ rằng mình làm Phật sự là đang tạo công đức, mong được thiện quả. Hãy hồi hướng công đức (nếu nghĩ rằng có) cho mọi người trong vùng, cho hết thảy chúng sinh đang đau khổ.

- Luôn luôn tôn trọng pháp luật, theo đúng các quy định của Nhà nước và của chính quyền địa phương.

Hoằng pháp là sự nghiệp lâu dài, hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa đòi hỏi nhiều công sức, tài lực. Chúng ta không quên hình ảnh Đức Phật và đoàn Tỳ-kheo trong suốt 45 năm hoằng hóa Phật pháp trong thời Ngài tại thế; không quên gương sáng Phú-lâu-na đến xứ Du-lân-na xa xôi khi ấy còn mông muội hiểu động; ngài Mahinda truyền pháp sang đến Sri Lanka; sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma sang Trung Quốc phát triển Thiền tông... Tất cả đều nhằm lý tưởng Phật giáo, giải thoát khổ đau, tạo an lạc cho hết thảy chúng sanh. Chư Tăng Ni Phật tử Việt Nam quyết thực hiện lý tưởng cao vời ấy, một lòng vì Đạo vì Đời, trong đó vị giảng sư hoằng pháp đóng vai trò rất quan trọng.

Nhà nước và nhân dân đã thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo, trọng điểm là ở các vùng sâu vùng xa trong suốt hơn 20 năm qua, kể từ 1989. Các chương trình từ thiện, công ích xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã là những đóng góp rất đáng kể. Riêng sự nghiệp hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa là chưa có những thành tựu xứng đáng. Đây là mục tiêu phấn đấu của Giáo hội. Chúng ta tin rằng trong thời gian tới, các giảng sư hoằng pháp sẽ có những đóng góp tích cực, hữu hiệu hơn cho công cuộc hoằng pháp lợi sinh. ■

Nó, cối tro và tiếng chuông chùa

LÊ VĂN ĐÔNG

Đã hơn một tháng nay, sáng nào cũng vậy, nó phải bỏ cái thói ngủ nướng lãn lóc trên giường kiêu... sinh viên. Vì nó đã chuyển trọ. Và nó chuyển trọ tới sát một ngôi chùa lớn nằm trong lòng thành phố. Ngôi chùa ấy ngày thường rất yên tĩnh như một cõi tịch mịch cho con người ta tịnh tâm giữa cái chốn đô thị phồn hoa đầy xô bồ chen lấn. Đường như các sư trong chùa rất tinh tấn nên trong khi cả thành phố và nó đang cuộn tròn mình trong bóng đêm thì boong... boong... boong... tiếng chuông của tuần công phu buổi sớm ngân lên kéo nó ra khỏi cơn mộng mị thường nhật. Thoạt đầu nó muốn nằm im mặc kệ tiếng chuông ấy cứ dội vào tai. Nhưng rồi nó không thể. Vì tiếng chuông cứ dội đều đều tác động vào từng nơron thần kinh của nó, từng tế bào cảm giác của nó bỗng nhiên nhạy cảm lạ thường. Nó thức dậy, cái thức dậy của sự đón tiếp thanh âm ngày mới!

Nó nghe tiếng chuông và cảm thấy thành phố không còn xa lạ. Tiếng chuông như kéo nó về một miền tuổi thơ không lạnh lặn. Nó chợt thấy cái màn sương mờ mờ trên ban công buổi sớm sao mà thân thuộc, như thể màn sương lững lững từng bao trùm lên ngôi chùa thân yêu suốt thời thơ ấu của nó vậy. Nó không có khái niệm gia đình theo kiểu thế gian với cha, mẹ, và con cái. Nó là đứa trẻ mồ côi. Chẳng ai biết nó sinh ra từ đâu, người ta chỉ có thể chứng minh sự có mặt của nó từ khi họ nghe tiếng khóc oa oa tội nghiệp của nó trước cổng chùa làng. Nó bị người sinh ra nó bỏ rơi khi cuống nhau của nó còn chưa khô. Sư trụ trì hiền từ nhận nó vào nuôi nấng. Nó lớn lên từ đó, trong vòng tay chăm sóc của các sư sãi trong chùa, của các đạo hữu hiền từ thường xuyên lui tới chùa. Nó được chuyển từ bàn tay này sang bàn tay khác. Khi nhỏ nó bú sữa, rồi mẹ hái khế vườn chùa chần chẻ nó lại chuyển sang "tấn công" mấy vườn nhà gần chùa. Nhưng hình như ngoài thầy quản chúng, các vị khác và nhất là sư trụ trì chưa từng rầy la nó lần nào. Người chỉ luôn im lặng. Nó không rõ sự im lặng ấy có ý nghĩa như thế nào, nhưng dần dần sự im lặng ấy làm nó biết hối cải. Nó chú tâm vào học hành. Tới khi học hết cấp hai nó mới thật sự ý thức rằng nó đã mang ơn đàn-na tín thí, mang ơn cuộc sống này, mang ơn sư cụ và các tín hữu nhiều như thế nào. Nó đã quyết chí thi vào đại học sư phạm văn. Và nó

đã đậu. Nó chưa thể linh hội hết mật chỉ của đấng Thế Tôn từ bi nhưng nó tự hứa với lòng sẽ dạy lại cho đám học trò sau này của nó về chữ tâm, về cuộc sống để không phải vô tâm, tàn nhẫn với cuộc sống và ít ra đừng phải có hoàn cảnh không rõ xuất thân nào như nó.

Nó nhớ chùa da diết. Đây là cảm giác rất thật mà mỗi sớm mai thức dậy nghe tiếng chuông chùa bên cạnh gác trọ nó có được. Nó không có gia đình như ai đó, nhưng nó có một đại gia đình mà cũng ít ai có được. Ở đó có rất nhiều những con người từ bi hỉ xả, hằng ngày tinh tấn theo lời dạy của Thế Tôn. Nó nhìn lại căn gác trọ thứ x mà nó chuyển tới và đang sống. Nó nghĩ lại những căn gác trọ khác nó từng sống. Nó nghĩ tới nơi trọ đầu đời mà nó đã ở. Là ngôi chùa làng bé nhỏ của nó. Rồi nó nghĩ đời nó cũng như một cơn gió, trọ rất nhiều nơi trên cuộc đời này. Nhưng gió thì phải thổi mới là chính nó được. Nếu không nó sẽ tan biến ngay. Thế gian này như một cối tro. Vàng điều quan trọng là gió mang đến cho nơi mình từng ghé trọ sự mát dịu hay là oi bức. Tất nhiên nó không muốn làm cơn gió độc tí nào. Nó giản đơn nhỏ bé thôi. ■





LÊ HẢI ĐĂNG

Trong bài thơ *Lời ru trên mặt đất*, nhà thơ Xuân Quỳnh có viết mấy câu: "Mẹ còn đang bận đưa ru. Cái hoa bận đỏ cái hổ bận xanh. Hạt cây đang bận nảy mầm. Con quay quay có một mình ngoài kia". Mấy câu thơ trên vô ý, hữu ý chạm vào tiềm thức chúng ta khiến lắm điều phải suy ngẫm. Con người hiện đại vốn năng động, nhiệt tình, tất bật... mỗi người thường đảm trách nhiều vai trò khác nhau. Sự kiêm nhiệm đến "lạm quyền" ấy khiến cho không ít người luôn "quay cuồng", bận rộn trong công việc. Trên những nẻo đường rối rắm, ta thấy ai ai cũng bận, bận tối tăm mặt mũi, bận từ sáng tới tối, tuổi trung niên bận đã đành, chẳng này trẻ nhỏ, người già cũng bận, làm quan bận họp, làm dân bận hành, nói chung là bận đủ kiểu, đủ đường, muôn hình vạn trạng. Nhiều người bận đến nỗi quên đi hình hài, giữa ngã

tư đường quên luôn cả đèn đỏ, bận trong sự giằng giụa vì mưu sinh, bận sinh sự cả những khi vô sự... Để rồi đến cuối ngày, cuối tuần, nhiều người phải đi massage, tới quán bar, quán nhậu, vũ trường, trung tâm giải trí, spa, sân golf... thư giãn... Tóm lại, cái sự bận rộn đã trở thành âm hình chủ đạo trong bản tạp tấu có tên là cuộc sống hôm nay.

Còn cái "bận" trong mấy câu thơ trên của nhà thơ Xuân Quỳnh dường như chẳng hề như thế. Nó là cái bận chẳng vương bận, cứ nhờn nhơ, an nhiên tự tại, nhàn nhã... ngoài cuộc sống hối hả, tấp nập... Phải chăng đó chính là cái bận của Đạo, của Thiên nhiên, của hoạt động sáng tạo...? Cái bận không náo động, ồn ào, luôn ẩn tàng trong sự lặng đọng, lặng lẽ, "Vô ngôn", "Mặc hóa", "Vô vi"... Dù cuộc sống của chúng ta diễn ra nhiều thay đổi, nhưng đổi thay thực sự dường

như vẫn diễn ra một cách âm thầm, lặng lẽ... Nó giống như bàn tay vô hình tạo nên thế giới muôn màu, chẳng hiển hiện, không "xuất đầu lộ diện" để nhận công trạng hay thành tích về mình. Bởi thế mới là Đạo, "bận" mà vẫn thản nhiên như không, cứ rong chơi, an nhiên tự tại như cỏ cây, hoa lá... Sự lặng lẽ, âm thầm, cam chịu, nhún mình... của Đạo dễ thường khiến người ta vô ý, không nhận ra, nhưng khắp nơi, dưới gầm trời này, đâu đâu cũng hiển hiện dưới chu kỳ đối đáp của bốn mùa đối thay, mây trời gió nước...

Trong hoạt động sáng tạo, cái bận cũng không hề hiển hiện cho người ta dễ thấy. Quá trình vật lộn với hình tượng nghệ thuật, ấp ủ cấu tứ, thậm chí chỉ việc "không làm gì" để cho tâm hồn thanh thản, chìm đắm trong trạng thái ấp ủ nong nân những ý tưởng cũng bao hàm ý nghĩa "bận rộn" của khoảnh khắc sáng tạo. Thông qua quy trình đánh giá đạo người ta mới nhận ra câu trả lời đích thực cho toàn bộ tiến trình. Cũng như cái hoa ngả sang màu đỏ rồi ta mới chợt nhận ra nó đã "bận" rộn thế nào trong quá trình tạo ra màu đỏ. Hiển nhiên, ai đó sẽ nói rằng, hoa chẳng thể làm khác được, vì bản chất của hoa là màu đỏ. Sự lý giải này có thể không nằm ngoài việc biện minh cho tính hợp lý của cái bận nơi mình. Và ví chẳng, hoa không thể làm khác được thì hoa cũng đã bận để làm như thế đó.

Con người ta ngày nay bận rộn đến nỗi không thể chờ nổi đèn đỏ trước ngã tư đường, bận đến độ phải lao xe như bay để áp úp tai nạn phía trước! Con ong để làm ra 1kg mật đã phải bay quãng đường dài tương đương bốn vòng trái đất. Như vậy, rất nhiều người trong chúng ta còn chưa bận bằng loài ong. Song, sau khi làm ra món mật tuyệt diệu, chúng ta chẳng phân biệt nổi ong đã làm ra nó từ những loài hoa nào? Lúc đó, mật chính là sản phẩm sáng tạo in dấu ấn của loài ong - một sự kết tinh cao độ của những biến đổi về chất. Và, cái bận của ong sao chẳng thấy gì gọi là bận? Rõ ràng, bận chẳng có thước đo, chuẩn mực nào có thể đánh giá rõ rệt. Ở địa hạt sáng tạo càng như thế. "Căn duyên", "tài phẩm" của từng người rất khác nhau. Thước đo thường áp lên trên sản phẩm thay vì đo lường phẩm chất cơ chế hoạt động nơi chủ thể sáng tạo. Vì thế, dù có cả tập thể đông đảo, hùng hậu cũng không thể thay thế cho mỗi cá nhân trong hoạt động sáng tạo. Cá nhân là những nhân vị độc nhất vô nhị, không thể thay thế, không có người đại diện. Cá nhân không phải là "phóng thể" của bất cứ ai, kể cả phóng to hay thu nhỏ. Giá trị sáng tạo tự nó nằm ngay trong tính tự quyết độc đáo của mỗi chủ thể. Nói theo tinh thần dẫn thân của triết hiện sinh: ta đã phải chết cái chết của bản thân, thì cũng chỉ được phép sống cái sống của chính mình. Sáng tạo luôn thuộc về phần tinh hoa trong mọi hoạt động của nền văn minh loài người, bao gồm cả sáng tạo nên giá trị sống.

Trong rất nhiều trường hợp, bận thực chất nhằm

chỉ sự vội vã, hấp tấp, chịu chi phối bởi thói quen. Thói quen xấu sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới phẩm chất cuộc sống của chúng ta. Điều mà bấy lâu nay ta quen gọi là sống gấp, thực chất nhằm chỉ những sự bận rộn hành xác không cần thiết. Bận rộn thật sự không hiển hiện ra ngoài bề mặt hành vi, mà lẫn vào chiều sâu nội tại. Giống như các bà mẹ trong thời kỳ mang thai, chẳng thấy ai trong số họ vội vã, hối hả... mong cho con mình ra sớm cả. Vào giai đoạn phát triển quan trọng của thai nhi, người mẹ hết sức "bận rộn" để tạo ra hệ thần kinh mà tính chất công việc còn phức tạp hơn lò phản ứng hạt nhân, khối lượng công việc thì không thể nào lượng hóa. Người mẹ khi ấy không những không hối hả, hấp tấp, ngược lại còn hết sức chậm rãi, thận trọng trong suốt quá trình ấp ủ, thai nghén. Sáng tạo bận đến thế, sao không có những dấu hiệu biểu hiện sự bận rộn, vội vã... phơi bày trên bề mặt hành vi? Rõ ràng, điều này có liên quan mật thiết tới phẩm chất của sản phẩm được tạo ra, từ cái hoa, cái lá cho đến chu trình "sản xuất" ra con người và tác phẩm nghệ thuật... Tất cả những sản phẩm mang trong mình dấu ấn sáng tạo có một không hai đều cần đến chỗ tỉ mỉ của luật sáng tạo. Phẩm chất lượng được coi là yếu tố, tiêu chí số một của sản phẩm. Còn việc làm ra nó nhanh hay chậm tùy thuộc vào tính chất của sản phẩm tạo ra cũng như "tài phẩm" của người sáng tạo ra nó, để quá trình này luôn tiềm ẩn những biến số không chịu chi phối của chính chủ thể, như niềm tin thiêng liêng, bí hiểm. Ở lĩnh vực sáng tạo, dù kỹ pháp được dùng làm công cụ đắc lực có quyền sinh quyền sát, quyền tạo ra hình tượng nghệ thuật theo mong muốn chủ quan, nhưng đằng sau nó, bàn tay vô hình vẫn thọc sâu vào cội tri giác mệnh mông, như ma đưa lối, quỷ đưa đường hối thúc người ta phải làm thế này, mà không thể làm thế khác. Sự cẩn trọng trong từng hành vi, cử chỉ góp nhặt cho quá trình sáng tạo có thêm điều kiện tốt, đồng thời qua đó bao hàm giá trị thụ hưởng, điều mà chúng ta thường khoác lên những mỹ từ như: thăng hoa, đam mê, cảm hứng... sáng tạo.

Và lẽ đương nhiên, bận không đồng nghĩa với vội vã, hối hả, hấp tấp, gấp gáp... Bận là trạng thái tập trung cao độ, chìm sâu vào nội giới trong khoảnh khắc sáng tạo, nhập định, ý thức rõ ràng về mọi hành vi, không chịu sự chi phối bởi ngoại cảnh. Trong một bản nhạc, ngoài sự hiện hữu của âm thanh vang ra, còn chứa đựng, tiềm ẩn những dấu lặng. Lặng là sự ngừng vang và cũng chính là âm nhạc. Cuộc sống tuy không phải tác phẩm âm nhạc, nhưng cũng không thiếu những phương tiện làm nên phần nghệ thuật của mình. Khi ta đang lái xe hối hả về phía trước, phía sau, trên đầu, mây vẫn bay hiền hòa, gió vẫn thổi mơn man... Dấu lặng của cuộc sống nằm rải rác trong chính tác phẩm của mình. Đó là những món quà kỳ diệu mà mỗi chúng ta đều có thể nhận được trong cuộc sống tốt đẹp này. ■



Bàn Thiên Nam Bộ

TRẦN PHỎNG ĐIỀU

Bàn Thiên, còn được gọi là bàn Ông Thiên hay bàn Thông Thiên, được thờ rất phổ biến ở Nam Bộ; đặc biệt là ở vùng nông thôn, hầu như gia đình nào cũng có đặt bàn Thiên ở trước nhà. Đây là dạng tín ngưỡng có từ thời khẩn hoang lập ấp, được các lưu dân từ miền Bắc, miền Trung mang vào Nam Bộ. Theo đó, chức năng của bàn Thiên là để thờ Trời. "Bàn Thiên: bàn thờ Trời, Phật ở trước sân nhà ở nông thôn"¹.

Như vậy, bàn Thiên chính là bàn thờ Trời. Thờ Trời là tín ngưỡng cổ xưa của cư dân nông nghiệp. Đây là một dạng tín ngưỡng sơ khai của con người. "Thần thoại sáng thế của người Việt kể rằng thoát kỳ thủy, trời đất là một khối mờ mịt, hỗn độn. Từ trong khối hỗn độn đó, thần Trụ trời đào đất, đắp đá thành một trụ cao to, chống màn trời lên khỏi mặt đất, làm cho trời đất phân định rõ ràng: trời tròn như cái chén úp xuống, đất phẳng như cái mâm vuông. Trời ở trên cao (dương), tạo ra mưa nắng, bão táp; Đất là mẹ, ở dưới mang nữ tính (âm), hàm chứa khả năng sinh sản. Tín ngưỡng cha Trời, mẹ Đất còn mang nội dung mối quan hệ ba ngôi tam tài (tam hoàng): Thiên hoàng (Trời), Địa hoàng (Đất) và Nhơn hoàng (Người); con Người ở giữa Trời và Đất phải thông thiên, đạt địa"².

Có một sự trùng hợp thú vị giữa những người theo Phật giáo Hòa Hảo và những người không theo đạo. Cả người có đạo và người không theo đạo đều có thờ bàn

Thiên. Những người không theo đạo thì thờ bàn Thiên theo truyền thống gia đình, được duy trì từ thế hệ này sang thế hệ khác. Còn những người theo đạo thờ Bàn Thiên là do giáo lý quy định. Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ đã truyền dạy: "Nếu trong nhà chật chội, một bàn Thông Thiên với một lư hương không cũng được, bởi vì sự tu hành cốt ở chỗ trau tâm trĩa tánh, hơn là do sự lễ bái ở ngoài. Bàn Thông Thiên có thể là một gốc cây, một thanh gỗ, một cột bê tông hoặc được xây bằng gạch... chôn ở ngoài sân, trước cửa nhà, bên trên đặt một tấm phẳng, để đặt hương hoa. Bàn Thông Thiên gợi cho người ta nhớ đến hình ảnh Phật Thích Ca, một ngón tay chỉ lên trời, một ngón chỉ xuống đất, biểu thị cho mối quan hệ tam tài Thiên - Địa - Nhân. Hay nói cách khác, bàn Thông Thiên của Phật giáo Hòa Hảo, biểu tỏ quan hệ Hòa - Hợp giữa con người với thiên nhiên"³.

Ông Trời trong tâm thức dân gian là vị thần tối cao, linh thiêng nên ai ai cũng hướng về cầu cạnh, không ai dám xúc phạm đến uy Trời. Hình tượng Ông Trời có mặt ở mọi lúc mọi nơi và đi vào cuộc sống con người. "Tuy nhiên, Ông Trời trong tín ngưỡng của con người mặc dù có quyền năng vô biên nhưng thường hướng thiện chứ không ghê gớm và đáng sợ như ma quỷ. Vì vậy, Ông Trời là đối tượng để con người cầu xin hạnh phúc và giải trừ bất hạnh"⁴.

Trong văn hóa truyền thống, "hình tượng ông trời trong tín ngưỡng tối linh của người Việt đã được cung

đình hóa bằng một nghi thức trọng thể của quốc gia, đó là tế Giao (cùng với Đàn Nam Giao - tế Trời còn có Đàn Xã Tắc - tế Đất). Việc tế Giao đã được duy trì trong suốt thời kỳ phong kiến và là một nghi lễ quan trọng nhất của quốc gia, được Bộ Lễ đứng ra tổ chức và nhà vua trực tiếp cử hành. Đây cũng là nghi lễ đầu tiên của một vị hoàng đế phải làm sau khi lên ngôi⁵. Qua đây ta thấy, Ông Trời là đẳng tối cao, có quyền năng vô biên, có thể ban phúc lành hay gieo tai họa cho muôn loài.

Ở Nam Bộ, hình thức thờ Trời được thể hiện bằng bàn Thiên được đặt trước cửa nhà - là nơi gởi gắm những ước nguyện của con người đến đẳng trời cao. Bàn Thiên ở Nam Bộ rất đơn giản, chỉ là một cây cột gỗ cắm xuống giữa sân, trên đó có đặt một tấm ván hình vuông hoặc hình chữ nhật. Trên tấm ván đó, người ta đặt một lư hương, vài chung rượu chén trà, một đĩa trái cây. Trụ cột thường "cao độ 1,50m (bằng gỗ hoặc bằng gạch), trên có bệ thờ vuông, với thức cúng đơn giản: một lọ cắm nhang, một lọ hoa, ba chung nước lã, có nơi thêm vào một lọ gạo và một lọ muối. Bàn Thiên thường được dựng trước sân nhà; nếu sân đất, người ta tráng xi-măng hoặc lát gạch khoảng một thước vuông chung quanh bàn Thiên; ở vùng thị tứ, chợ búa, bàn Thiên có khi đặt trên sân thượng. Mỗi tối gia chủ thắp nhang khấn nguyện Trời Đất rồi xá bốn phương"⁶. Tuy đơn giản là thế, bàn Thiên ở Nam Bộ đã chứa chấp trong đó biết bao tình cảm thiêng liêng của con người đối với đẳng bề trên, nó là nơi con người gởi gắm bao ước mơ cao đẹp của mình lên đẳng trời xanh, ngỏ hầu mong muốn có được một cuộc sống bình an, hạnh phúc. Bàn Thiên còn gắn với nét văn hóa tâm linh của những người dân miệt vườn đã hàng trăm năm khai phá cùng mùa khô nắng cháy và mùa mưa nước lũ tràn lan của thiên nhiên thời buổi đầu còn rất hoang sơ.

Một vài nơi, hình thức bàn Thiên có khác. Thí dụ vùng "Hồng Ngự (Đồng Tháp), nhất là các xã Thường Lạc, Thường Phước, Thường Thới Tiền, Thường Thới Hậu; vùng Thất Sơn (An Giang), nơi có khá đông tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (phái Ngõ Lội - núi Tượng) như các làng An Định, An Hòa, An Thành, An Lập có dạng bàn Thiên hai tầng. Tầng trên thờ Trời (còn gọi là thờ Chánh Đức Thiên La thần), tầng dưới thờ Đất (còn gọi là Thổ Trạch Long thần), bọc lộ rõ tín ngưỡng cha Trời - mẹ Đất, một dạng tín ngưỡng cổ sơ thờ sức mạnh vô hình hoặc hữu hình của thiên nhiên có khả năng phò trợ hay làm hại con người, còn đậm nét. Đồng thời cũng có tính pha tạp với nội dung âm dương giao hòa của thuyết âm dương ngũ hành với ước vọng *phong điều vũ thuận* vạn vật sinh sôi, mùa màng tươi tốt"⁷. Có nơi lại làm bàn Thiên ba tầng. Tầng trên thờ Trời, tầng dưới thờ Đất và tầng giữa thờ Người, theo thuyết tam hoàng.

Tín ngưỡng thờ Trời của người Hoa được thể hiện qua bàn thờ Thiên Quan Tứ Phước hay bàn thờ Thiên Địa Phụ Mẫu. Bàn thờ Thiên Quan Tứ Phước có khi được thờ ở nhà hoặc ở chùa. Nếu ở nhà thì thờ phía trước như bàn Thiên của người Việt, nhưng không dựng ở ngoài sân, mà trang

thờ được đóng vào vách phía trước của ngôi nhà. Người ta mua trang thờ về, sau đó khoan tường bắt vào vách. Trên trang thờ đó có một lư hương, ba chung nước, lọ cắm hoa, có khi có thêm lọ muối và lọ gạo hai bên. Phía trong là bài vị ghi bốn chữ Thiên Quan Tứ Phước. Hoặc đơn giản hơn, người ta mua bài vị này về bắt vào vách, phía dưới bài vị có lọ cắm nhang là xong. Khi cúng thì đặt thức cúng dưới đất. Còn bàn thờ Thiên Địa Phụ Mẫu thường được đặt ở chùa để cúng tế trời đất mỗi khi trong chùa có lễ. Hình thức thờ Trời của người Hoa cũng có khi là một gian thờ Ngọc Hoàng trong chính điện của một ngôi chùa. Bởi, người dân Nam Bộ quan niệm rằng: Ngọc Hoàng Thượng Đế chính là ông trời, ông có quyền lực vô biên trong việc định đoạt phúc họa cho trần gian. "Ở các ngôi chùa, tượng Ngọc Hoàng thường được mô tả bằng một người đàn ông ngồi buông chân trên long ngai đáng vẻ uy nghi, đường bệ với nét mặt tĩnh tại, thánh thiện, đầu đội mũ binh thiên, mình khoác áo long cổn, tay cầm hốt ngà, cuốn thư, hoặc một viên ngọc quý"⁸.

Như vậy, Ông Trời - đẳng tối linh của người Nam Bộ đã được đồng nhất với Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Người Khmer cũng có bàn Thiên ở sân nhà. Bàn Thiên của người Khmer cũng như bàn Thiên của người Việt, nhưng người Khmer không quan niệm đó là bàn thờ Trời mà đó là bàn thờ Phật. Hằng ngày, họ thắp nhang lên bàn Thiên van vái cầu mong cho Đức Phật phù hộ cho họ được mạnh giỏi, hoa màu tốt tươi, làm ăn phát đạt...

Ngày nay, xã hội đã phát triển, một số tín ngưỡng cổ sơ đã không còn tồn tại, nhưng tín ngưỡng thờ Trời vẫn mãi còn trong tâm thức người dân Nam Bộ nói riêng, người dân Việt Nam nói chung. Bởi ông trời không chỉ là nơi để mọi người cầu cho cuộc sống yên lành, mà ông trời còn là vị thần công lý, đem lại lẽ công bằng cho con người. Cho nên người ta mới nói *Trời cao có mắt*.

Và Ông Trời sẽ vĩnh viễn tồn tại trong tâm thức dân gian, một khi trên thế gian này vẫn còn bất công và những điều phi lý. Chừng nào con người còn phải chịu đựng nỗi bất hạnh thì chừng đó Ông Trời vẫn tồn tại để hiểu nỗi lòng và nghe lời khẩn cầu của nhân dân⁹.

Chú thích:

1. Huỳnh Công Tín, *Từ điển từ ngữ Nam Bộ*. NXB KHXH - 2007.Tr.116.
2. Nguyễn Hữu Hiếu, *Tìm hiểu văn hóa tâm linh Nam Bộ*. NXB Trẻ - 2004. Tr.144.
3. Phạm Bích Hợp, *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa*. NXB Tôn Giáo - 2007. Tr.170.
4. Đinh Hồng Hải, *Hình tượng Ông Trời trong tín ngưỡng của người Việt*. Tạp chí *Xưa và Nay*, số 134, tháng 2 - 2003.
5. Đinh Hồng Hải, *Tlđđ*.
6. Nguyễn Hữu Hiếu. *Sđđ*.Tr.144.
7. Nguyễn Hữu Hiếu. *Sđđ*.Tr.145.
8. Đinh Hồng Hải. *Tlđđ*.
9. Đinh Hồng Hải. *Tlđđ*. ■



Thư gửi bố

THIỆN THÔNG HIẾU

Bố à! Những câu chuyện cổ tích bố kể con nghe vẫn còn nguyên trong ký ức của một đứa trẻ; và khi con đắm mình trong những điều tuyệt diệu mà cuộc sống ban tặng thì những hình ảnh trong ký ức lại rục ràng. Bố đã nuôi lớn tâm hồn con với bấy nhiêu điều tuyệt vời ấy. Nhưng tiếc rằng con không thể vượt qua quy luật của cuộc sống: con đã lớn lên theo từng mùa xuân thơ trẻ và ông trời cướp mất bố trong phút chốc, khi con chưa hiểu được sự thực nghiệt ngã đến thế.

Vậy là con đã được xã hội công nhận là một công dân trẻ. Con sẽ được xã hội tôn vinh nếu con có đóng góp tích cực cho một tập thể lớn, hay cũng có thể bị trừng phạt nếu phạm sai lầm vượt quá mức chuẩn tắc. Và vậy là cũng hơn 13 năm rồi con không được gọi một tiếng bố, và không được nghe bố gọi tên con nữa;

những điều quá đổi giản dị nhưng tại sao con không có quyền nhận nó chứ? Từng ngày, con lớn lên trong tình yêu thương như được nhân đôi của mẹ khi trụ cột của gia đình không còn nữa; con đã lớn lên nhờ tình yêu thương của anh chị em trong gia đình, của tình nghĩa xóm làng; tâm hồn khờ dại của con được nuôi nấng bởi những dòng suối mát, những cây cầu lắt léo, những con đường mòn nhỏ, những vườn cây trái sai trĩu, những tiếng nói rất đời mộc mạc như chính con người nơi mà con đã được sinh ra.

Thưa bố! Bây giờ đây con được coi là đã trưởng thành. Cuộc đời con đã được viết lên trên trang giấy trắng. Trang giấy đó cũng ghi nhận nhiều số phận con từng gặp qua. Thế mà cũng đã có khá nhiều niềm đau, và chắc chắn sẽ còn không ít niềm đau khác trong chuỗi đời dài dang dặc này. Để cuối cùng con nhận

ra rằng con vẫn còn quá nhiều hạnh phúc được ban tặng từ những gì con đang có. Bố không còn bên con, điều đó hết sức đau đớn, nhưng con xin dám nghĩ rằng mình chẳng phải là người bất hạnh nhất. Có lẽ như thế để sống hơn bố ạ!

13 năm trên chặng đường dài của con, chỉ có mẹ luôn theo sát những quyết định của con, mẹ không ngăn cản, luôn động viên và mỉm cười trước những tiến bộ nhỏ của con. Mẹ đã cạn nước mắt bởi bao nhiêu mất mát quá đỗi to lớn, những nhọc nhằn dồn hết lên đôi vai gầy... nhưng vẫn luôn nở những nụ cười trong những bước đầu đời của con và đến tận bây giờ vẫn thế. Con không dám nghĩ rằng con đã nhận thức đủ về lòng hiếu thảo và cũng không biết rằng như thế nào thì có thể gọi là tròn chữ hiếu, nhưng lúc nào con cũng vẫn cố gắng để sao cho không muộn màng và không phải hối hận.

Bố ạ! Dù sao thì con cũng may mắn hơn những số phận khác nhiều, khi con còn có thể bước lên từng bậc thang bộ để đến giảng đường mà không cần đến đôi nạng; con cũng không phải ngồi xe lăn đi bán vé số; thay vào đó, con còn được chạy thể dục ngoài công viên, còn được bắt tay với đối tác... Công việc và những ước mơ to lớn giữa Sài Gòn nhộn nhịp thường khi choán hết thời gian của con. Cuộc sống buộc con phải giấu những thứ mà con cho rằng đó là niềm đau vào một góc tâm trí. Con đã có những thành công nhỏ và những thất bại lớn. Con thực sự đã là sản phẩm của tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Con đã thấy bức tranh cuộc sống không đẹp như con tưởng tượng, có nhiều màu sắc con lợm lặt để tô vẽ lên tác phẩm của mình và xã hội vẽ lên đó cả những màu mà con không hề thích. Nhưng con chấp nhận mọi hoàn cảnh, vì con biết mọi sự đều tương đối.

Con đã quyết định bước chân tới Sài Gòn hoa lệ để học tập và làm việc, nơi mà con từng nghĩ có cảnh sắc diễm lệ như Paris, có những tòa nhà chọc trời hiện đại như Washington D.C... như trong những câu chuyện mà con đã đọc. Những điều đó hấp dẫn con với mong ước một ngày nào đó con cũng góp phần vào việc gây dựng được cho mảnh đất nơi mình đã sinh ra; con mong muốn những người ở đây có một công việc và một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Đôi lúc con khát khao có một ai đó để chia sẻ những kế hoạch của con. Con ước rằng con có thể có được những lời góp ý từ bố để tránh việc con đi sai đường, nhưng điều đó là không thể rồi. Và vì thế con thích lắng nghe những câu chuyện của những người lớn hơn mình từ bao giờ không biết; những chia sẻ của họ là những dòng chữ viết lên vài trang cuộc đời con, con quý trọng những điều đó.

Không biết hiện giờ bố đang ở nơi đâu. Nhưng con vẫn mơ tưởng về một cõi sống ở đó chỉ có sự trao đổi với nhau bằng tâm trong sáng, người ta sống với nhau theo chuẩn mực đạo đức, không phải bon chen

vì bị thúc bách bởi miếng cơm manh áo nữa.

Mong sao con cũng sẽ về đến cõi ấy nhanh thôi, khi duyên nghiệp ở cõi này đã dứt. Ở cõi ấy, một ngày nào đó con lại về tắm mát nơi dòng suối trong xanh, hòa vào đất mẹ quê hương yêu dấu; và sẽ gặp lại bố, tìm lại được sự ấm áp trong vòng tay của bố. ■





Phong linh

MÀU ĐƠN

Có một cô gái mê những chiếc chuông gió, dù là kiểu loại gì đi chăng nữa. Cô cũng mê những tách cà phê đen nhưng mà phải nóng; cô mê cả những món quà xinh xắn dễ thương. Cô ở trọ trên một căn gác nhỏ, một căn nhà không hướng ra biển nhưng hằng sáng vẫn có thể lắng nghe mùi biển, nghe tiếng gió lao xao trên những ngọn dừa. Và mỗi tối, từ ban-công của căn phòng, cô có thể mang một cốc capuchino gói ra và đứng đó, tay cầm một cây bút chì vẽ vẽ điều gì đó vào trong không gian... một bầu trời nhiều sao lấp lánh. Thình thoàng, chiếc xe đẩy bán gỏi của một nhà hàng xóm trở về cùng với đứa nhóc xinh xinh da đen, đứa trẻ mà cô vẫn thường hay chơi đùa với nó mỗi buổi sáng sớm trước khi đi học; cũng chỉ là dăm ba câu chuyện tí tởn nào đó mà tụi nhóc hay gặp phải với những câu hỏi "sao dzậy, sao dzậy?" luôn làm cô buồn cười, và dường như giúp cô quên đi phần nào những suy nghĩ đang đổ ập vào đầu mình. Cô sẽ kịp kêu lên: "Chíp ơi!" bằng cái giọng rất dễ thương rồi đưa tay ra hiệu như con mèo đang cào vào mặt ai đó, nhìn rất ngộ nghĩnh. Chíp sẽ cười, nhe hàm răng sún rồi cùng mẹ nó đẩy cái xe gỏi bán chưa hết vào nhà. Căn nhà tối thui sáng lên chút điện.

* * *

Cô chợt nhớ tới những đứa trẻ ở nhà mình. Mẹ cô là giáo viên cấp một, cũng có kèm vài đứa nhỏ ở nhà. Mỗi hôm đi học về thấy mấy đứa nhỏ đang nhón nhíp chạy nhảy, cô thấy chúng đáng yêu vô cùng. Có lẽ giờ này mẹ cũng đang tắt bật bên bọn trẻ, cũng có khi đang soạn giáo án, hoặc mắng nhỏ em cái gì đó cũng nên. Nhỏ em cũng còn vụng về mà tính trẻ con hiếu thắng. Bạn bè và cả những người chị lớn tuổi vẫn hay thắc mắc về cái tính lo xa của cô, nhiều lúc, cô nghĩ có phải mình là một người trưởng thành. Khi nghĩ về gia đình,

cô luôn thấy rằng mẹ với những công việc không tên chống chèo, ba với vô số định kiến, và những tờ đơn ly hôn của ba mẹ rải khắp nhà... đã ám ảnh cô cả trong giấc ngủ. Nhưng, có thực sự mọi việc căng thẳng tới mức nó làm công việc của cô đảo lộn? Từ khi học đại học, từ khi nhận ra mình có khá nhiều tài lẻ và hợp, rất hợp với ngành đã chọn, có lẽ, cô thấy tự tin hơn hẳn. Hay chỉ là sự tự tin cần có, như có lần cô đã nói với nhỏ bạn thân rằng nếu không muốn làm mình tổn thương thì hãy "xù lông nhím" với hoàn cảnh.

Cô có yêu một ai đó, chẳng biết gọi nó là tình đầu thứ bao nhiêu? Nhưng, cho đến bây giờ cô vẫn chưa đủ tự tin để yêu ai khác. Yêu. Thật lòng. Đôi khi thấy từ yêu sao mà xa vời. Dù cô vẫn hay treo status trên yahoo là: "nhớ! nhớ người yêu... mà chưa có người yêu". Cô có thể nhận ra đó là chứng tự kỉ ở mức độ nào đó. Một căn bệnh "tự kỷ" vì không thể yêu ai, hay không thể mở lòng với ai. Mỗi lần về với mẹ, cô vẫn hay nhắc với mẹ chuyện cũ: sao ngày xưa mẹ lại làm vậy nhỉ? Mẹ có biết đến bây giờ con vẫn chưa yêu được ai?

Những bậc phụ huynh thường lo lắng cho những trái tim yếu đuối và non nớt trước ngưỡng cửa cuộc đời, và một trong những điều đó là tình yêu. Người ta không thể chấp nhận cô con gái cứng của mình lại lòng vòng ở bất cứ một nơi nào đó mà tay nắm chặt tay một thằng nhóc cùng trường, "Rồi chúng nó sẽ hư mất, rồi tương lai!...". Nhiều khi cô giận mẹ mình, cô cũng muốn trách móc, nhưng, thật sự là có nhiều chuyện tác động hơn cô tưởng. Từ khi biết rung động trước một cử chỉ dịu dàng và quan tâm của ai đó, từ khi biết có ai đợi mình về dưới những cơn mưa ầm ướt làm chứng viêm xoang của cô khó chịu... có lẽ cuộc sống đã dễ chịu hơn. Cô luôn cho rằng mình cần một bờ vai, cần một ai đó vững vàng hơn... để rồi, khi đủ để nhận ra tình cảm đó là gì, cô lại ngỡ ngàng, bởi bàn tay xưa chẳng dành riêng cho mình mà còn cho một người nào đó ngoài mình. Có lẽ. Rồi có những hôm si

mê cuồng dại, có những lúc thắc mắc sao mọi thứ lại như vậy, cô khóc lóc ủ ê. Mọi thứ ngập trong những mớ hỗn độn, dù bề ngoài có vẻ rất ổn, chẳng có gì xảy ra cả, rồi lại lao vào bao nhiêu thứ, viết lách, chạy chương trình, làm MC, đàn hát và café... tối lang thang facebook. Những giấc mơ vẫn chấp chờn sóng biển...

* * *

Ngày trước cũng có một cô gái yêu biển, yêu đến cuồng nhiệt, dù cái dáng người không nhỏ nhắn, cũng không tóc dài yếu đuối, không váy hoa điệu đà... nhưng vẫn nhất quyết đi lang thang dọc bờ biển, tay cầm máy ảnh, bấm liên hồi, và miệng hát gì đó, vài lời hát đứt đoạn bởi không thuộc hết lời, trên người mang linh kinh bao nhiêu thứ. Rồi cứ thế, để gió ập vào mái tóc ngắn cùn cợn và cái trán bướng bỉnh, cặp mắt tròn đen che bởi cặp kính cận to tướng...

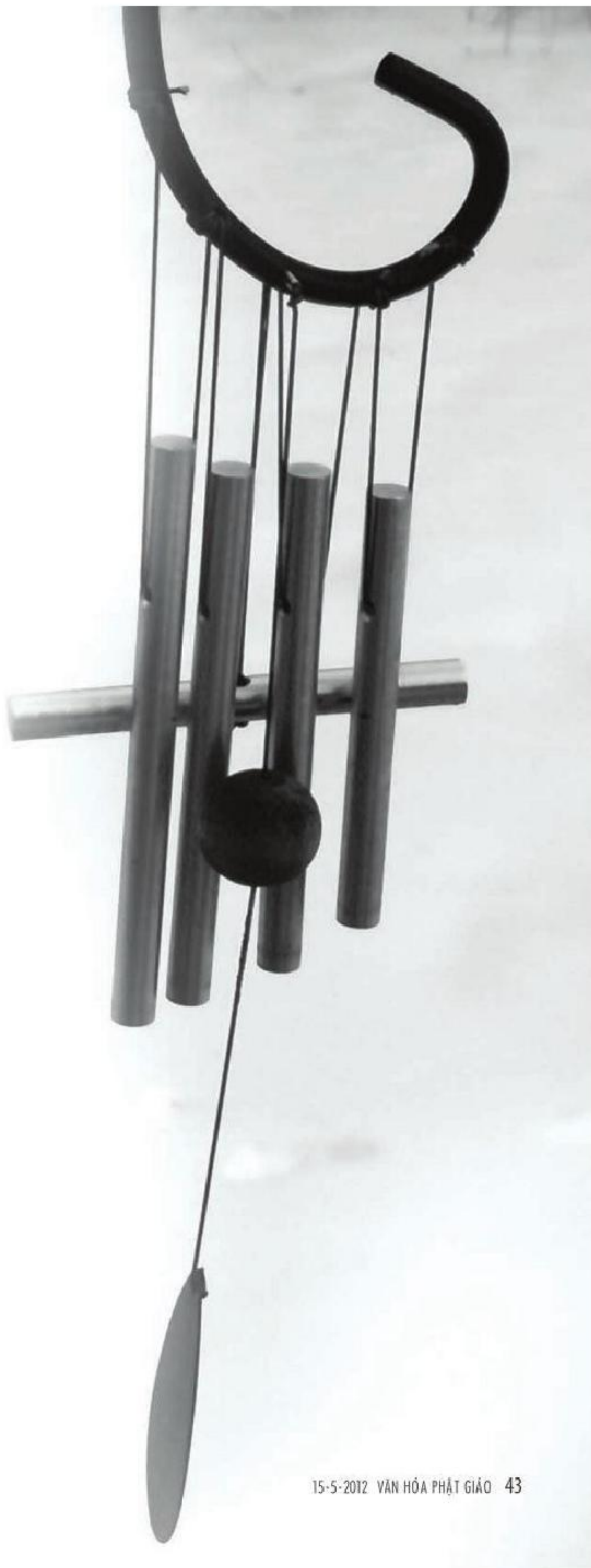
Cô đã mơ về thành phố biển từ rất lâu. Những cơn sóng luôn làm tâm hồn xáo trộn của cô tĩnh lặng, có lẽ đây là nơi cô cất giấu nhiều kỷ niệm nhất, những kỷ niệm từ năm học lớp 12, khi còn vu vơ mỗi tối trên thành biển, hát những bài hát không nhớ nổi tên, kể những câu chuyện không đầu không cuối với nhỏ bạn. Để bây giờ, ở một thành phố mà nhịp sống không cho phép cô nghĩ về "nắng vàng, biển xanh và anh" được nữa, nhiều khi cũng nghĩ tới chuyện chạy xe liên tục hai tiếng đồng hồ để tới Vũng Tàu, chỉ để ulla vào lòng biển như một đứa trẻ lâu ngày háo hức. Vậy thôi...

Về. Về với phố biển, về với những kỷ niệm, nhưng không là mình của ngày xưa nữa. Về để đối diện một lần trước biển, để biết mình đã dành một phần con người ở nơi đây quá nhiều, để biết nâng niu những gì còn lại. Dù cô tỉnh tã nhận được sự thay đổi của mình trong mắt đứa bạn thân, nhưng cô không nói ra điều đó. Cũng như sóng vậy, ngàn đời vẫn vỗ vào ghềnh đá, biết bến bờ đâu làm điểm tựa cho mình? Con người rồi sẽ đổi thay, nhưng sự thay đổi ấy như thế nào lại là tùy thuộc vào mỗi người. Đúng không?

Rồi mai này, cô gái ấy lại đi, đi vào một thành phố nơi không có biển, nhưng cô nghĩ nơi đó là nơi cô sẽ gắn bó những năm tháng tiếp theo của cuộc đời mình. Mang theo chiếc chuông gió được làm bằng đủ loại vỏ sò, cô nghĩ rằng, biết đâu, chiếc chuông gió này sẽ mang hơi biển vào căn phòng bé xíu của cô, để nguôi ngoai những nỗi nhớ nhiều đêm làm cô mất ngủ. Cũng như, khi người ta cất ký ức vào một nơi nào đó, dù là nhỏ bé trong trái tim, người ta sẽ dễ dàng chấp nhận nó hơn. Sẽ không bao giờ là sự trốn chạy của thực tại, đúng không? Rồi sau này, ba mẹ cô sẽ sống với nhau như trước giờ vẫn vậy, cô sẽ tập làm quen dần với những nhịp đập sai của trái tim, và cô sẽ hạnh phúc chứ?

Sẽ hạnh phúc. Như khi quay về với biển vậy.

Người ta thấy một cô gái cười thật tươi đi trên những con sóng lăn tăn... ■





Tiếng trống chùa của ông Sáu Chiếm

THÀNH NAM

Trong mọi hồ sơ cá nhân của riêng mình, về thành phần tôn giáo, tôi đều ghi: “không”. Thực tế tôi biết mình “không đạo”.

Nhưng không biết từ đâu, mọi nếp nghĩ, nếp suy, lòng thành kính của tôi đối với xã hội, cuộc đời... như một mặc nhiên, tôi nhận thấy đều có chất Phật trong máu tim mình.

Từ nhỏ tôi đã được cha mẹ giáo dục lòng nhân ái, tính vị tha theo các cung cách “Ở hiền gặp lành”, “Làm phước gặp phước”, “Quả báo nhân tiền”... “Từ bi” luôn là tâm niệm khi muốn xử sự một vấn đề liên quan giữa cá nhân tôi với người khác.

Cha mẹ tôi cũng không phải là tín đồ đạo Phật nhưng lại từng quen đi chùa, lạy Phật, cúng rằm, cúng

lễ Vu-lan, cúng cô hồn... Và những lễ nghi về giỗ, tang, gả cưới... của xóm làng tôi, bà con thường thực hành theo nghi thức Phật giáo.

Không giống các xứ bạn Kam-pu-chia, Lào, Thái Lan. Phật giáo ở ta không phải là “quốc giáo” nhưng đa phần trong hơi thở dân chúng có ẩn chứa Phật tính.

Cũng như bao người, tôi biết tiểu sử Đức Phật Thích Ca: Ngài đã có tuổi đến nay hơn hai ngàn sáu trăm năm và thành Phật trên hai ngàn năm trăm năm.

Dựa vào lịch sử Phật giáo, khi Phật Thích Ca còn là thái tử Tất-đạt-đa ở thành Ca-tỳ-la-vệ cách đây 2.556 năm, so với quảng đại nhân loại lúc bấy giờ thì Ngài là một trong những người hiếm hoi trên địa cầu vừa có quyền lực vừa

giàu; nghĩa là nói riêng về mặt vật chất thì Ngài không thiếu gì, kể cả vợ đẹp con xinh. Nhưng từ tâm hồn trong sáng, từ ý niệm thiết tha về “trăm luân bể khổ”, xót xa đến con người và xã hội, đau với nỗi đau trần thế..., Ngài biết chuyển động cuộc đời đi với cõi thế để tạo ra ánh sáng “Từ bi” cho đến mãi bao giờ không ai phủ nhận giá trị nhân bản của học thuyết này.

Có tài liệu ghi: Một hôm, thái tử Tất-đạt-đa theo vua cha ra đồng xem dân chúng cày cấy. Ngài đau đớn nhận ra cõi đời ô trược không đẹp để an vui như mình tưởng lúc ở trong cung điện. Ngài thấy những người nông phu cơ cực bên đàn trâu, đàn bò dưới ánh mặt trời gay gắt thiêu đốt để đổi lấy bát cơm, manh áo. Đi xa hơn Ngài gặp nhiều thân dân đau khổ, đau đớn vì già yếu, bệnh tật, chết chóc... Bằng tấm lòng bao dung rộng lượng, Ngài quyết tâm từ bỏ ngai vàng điện ngọc đi tìm con đường giải thoát cho chúng sinh thoát khỏi cảnh “sinh-lão-bệnh-tử” để chúng ngộ con đường thoát khổ, trở thành một vị Phật, lại hết lòng truyền dạy con đường ấy cho mọi người đến tận lúc nhập Niết-bàn; được tôn sùng trong lòng nhân loại cho đến nay.

Thái độ dẫn thân vì đời của Ngài Tất-đạt-đa làm cho ai cũng ngưỡng mộ một con người đang ở thế địa vị mà biết hành động cho lẽ phải, biết nhìn nỗi khổ chúng sinh, không “vinh thân phì gia” hưởng thụ riêng mình trên nỗi đau muôn triệu kẻ bần cùng.

* * *

Vùng tôi ở ngày xưa là nông thôn với cảnh vật còn nhiều hoang sơ. Đời sống nông dân thiếu thốn mọi

mặt. Đồng hồ treo tường, đeo tay không một ai có. Cả làng đoán thời gian bằng bóng mặt trời qua mái lá, bằng tiếng gà gáy canh khuya...

Bên kia làng là con lộ nhỏ Ba Se trải đá làm từ thời Pháp thuộc. Bây giờ nơi đó thuộc khu vực Tân Qui, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Ở đó có một ngôi chùa nhỏ bằng vách lá cột cây. Người ta gọi đó là “chùa ông Sáu Chiếm”. Chùa này do ông Sáu Chiếm lập ra trên phần đất của mình cách nay hơn trăm năm. Ông Sáu thường ngày nhang đèn cúng Phật. Mỗi sáng, mỗi chiều hể đúng 5 giờ là ông Sáu đánh một hồi trống, bà con xứ tôi gọi là “trống công phu”. Lúc còn nhỏ tôi không hiểu tại sao gọi là “công phu”? Bây giờ tôi cứ nghĩ có lẽ dựa vào chỗ có tiếng trống mà người nông phu biết giờ ra đồng. Quả thật, nhờ tiếng “trống công phu” của ông Sáu Chiếm mà dân quanh vùng biết được giờ giấc thức, ngủ, ra đồng... bọn trẻ chúng tôi biết thời gian sớm, tối để chuẩn bị ăn cơm, đi ngủ vui vào lòng cha mẹ...

Ông Sáu Chiếm mất đã lâu, người con trai cuối của ông là chú Út Yêm tiếp tục thừa tự cũng đã qua đời. Ngày nay chùa của ông Sáu Chiếm đã được bà con tôn tạo đẹp lên, có tiếng, thu hút nhiều tín đồ, khách tham quan đến với tên gọi khác nhưng nhiều người lớn tuổi ở đây vẫn quen gọi là “chùa ông Sáu Chiếm”.

Mỗi khi nghe các nơi chuẩn bị mừng Phật đản, lòng tôi lại nhớ về những tiếng trống đồ hồi vọng lại từ ngày xưa ấy. Lớn lên, về già nó vẫn còn âm vang theo tôi như một ơn nghĩa đầy nhớ thương: Tiếng trống chùa ông Sáu Chiếm. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2012

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2012, các cá nhân, đơn vị hướng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 38 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
 Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Có Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ

Ô. Võ Ngọc Khởi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thủy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Châu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ

Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
 CT TNHH SXTM
Nén Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, T.CPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
Tổng số bảo tặng kỳ này: **485 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng bảo
 đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm
 xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát**
hành VHPG: (08) 3 8484 335.
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Ban Biên tập

Cảm ơn con đã đến

PHÙNG HÀ

Mẹ con mình vừa trải qua những ngày đau đớn, về cả thể chất lẫn tinh thần, nhưng mẹ thấy mình cũng được rất nhiều. Cảm ơn con đã đến – để giúp mẹ hiểu hơn hai chữ “vô thường”.

Mẹ con mình đi siêu âm hôm Chủ nhật, cô siêu âm nói thai có khe hở thành bụng, bố mẹ không tin lắm, quyết định vào Viện Phụ sản Trung ương siêu âm lại. Sau bao nhiêu xét nghiệm, siêu âm, hội chẩn thì các bác sĩ kết luận đúng như ban đầu, nghĩa là mẹ con mình sẽ phải xa nhau. Mẹ đã khóc suốt từ hôm Chủ nhật cho tới ngày nhập viện là ngày thứ Sáu. Mẹ cứ dằn vặt mãi, tại sao mẹ khỏe mạnh, không ốm nghén, chỉ mất có mấy ngày cúm thôi mà con lại bị như vậy – mẹ cũng đã tiêm phòng cúm trước khi mang bầu rồi mà. Vào viện rồi, mẹ mới thấy nhiều người mẹ còn vất vả hơn mình, mang thai bụng to hơn, bị nhiều lần hơn... vì đủ lý do, mỗi người mỗi cảnh, nên cũng san sẻ được nỗi đau cùng nhau.

Trong viện, mẹ đã đọc cuốn *Mùi Hương Trầm* của Nguyễn Tường Bách, có bài *Hạt cải cho Đức Phật* – kể về người mẹ mất con xin Phật cứu lại, Phật bảo bà hãy đi xin một hạt cải của gia đình nào chưa có người chết về, Phật sẽ giúp. Và tất nhiên, bà mẹ đáng thương ấy sẽ chẳng bao giờ xin được hạt cải đó, bởi gia đình nào mà chẳng từng có người thân mất. Bà đã hiểu ra vô thường. Dù đây không phải là lần đầu tiên biết về câu chuyện ấy, nhưng đọc kỹ câu chuyện vào thời điểm này, mẹ vô cùng xúc động và nỗi đau của mẹ phần nào lắng lại được, bớt cồn cào hơn.

Mẹ biết con sẽ hiểu cho mẹ, các bác sĩ nói con có thể sống

được trong bụng mẹ, nhưng con khó có thể vượt qua được lần phẫu thuật sau khi ra đời, cùng với nội tạng đã bị ngâm trong nước ối lâu ngày sẽ bị nhũn, bỏ, khó mà hoàn thành được nhiệm vụ của nó. Các bác sĩ cũng phải cân nhắc rất nhiều mới có quyết định và khuyên bố mẹ đình chỉ thai nghén.

Bố đã rất thương mẹ khi chứng kiến mẹ trải qua những cơn đau do dùng thuốc, kim tiêm... nhưng mẹ tự nhủ rằng, những đau đớn này cũng chẳng đáng gì so với những sợ hãi đau đớn con đang trải qua cùng mẹ và nhất là sau khi rời khỏi mẹ. Những lúc trong phòng tắt điện không đọc sách được, mẹ lại mở nhạc kinh ra nghe: *Chú Đại Bi, Om mani padme hum, Kinh Dược Sư...* mẹ hi vọng con cũng sẽ cảm nhận được vì mẹ biết rằng, khi được nghe kinh Phật, con sẽ được đầu thai vào một nơi tốt đẹp.

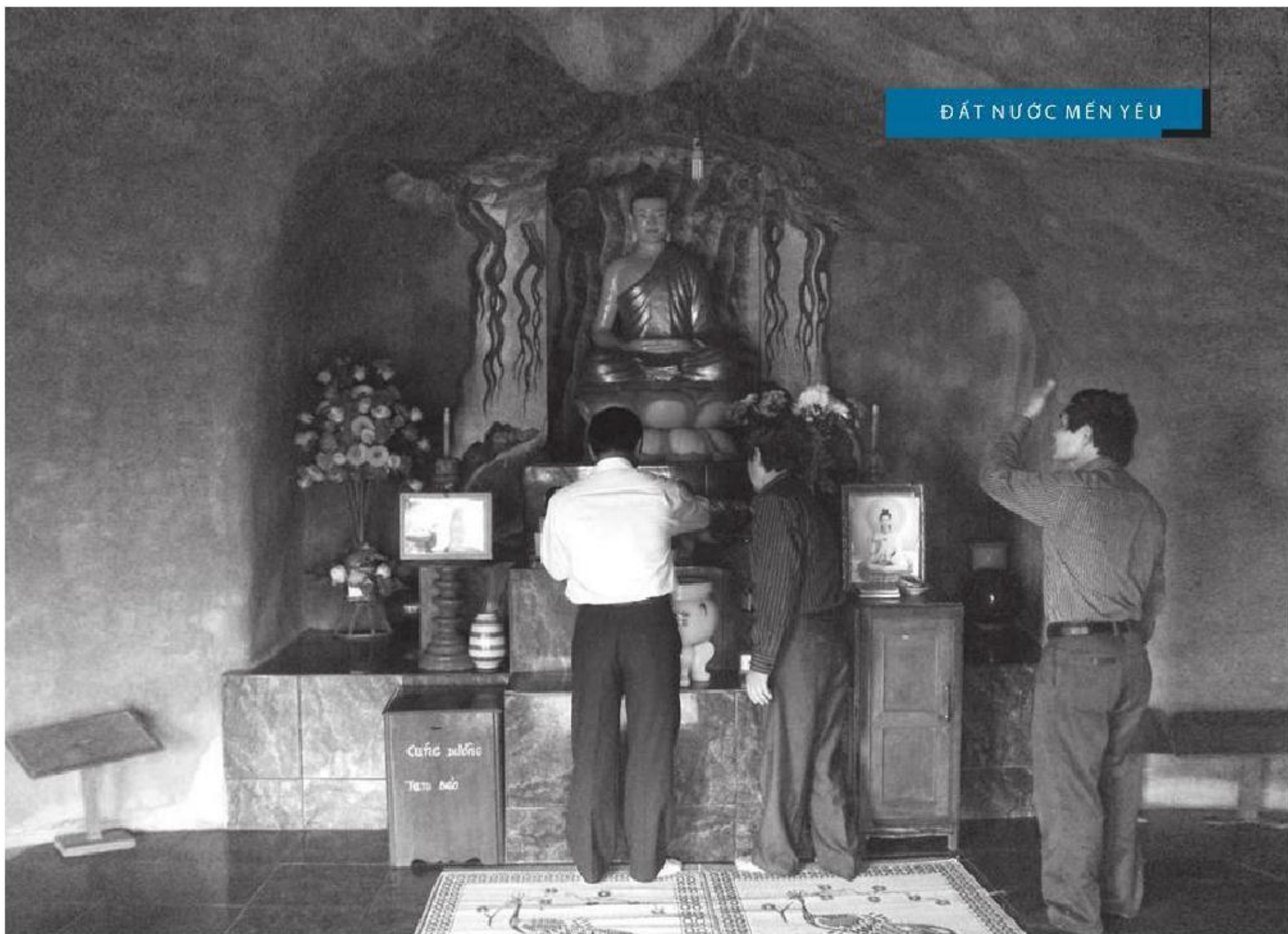
Con đã được các bà, các bác trong nhà mình cũng như trong đạo tràng chùa Hương Trai tụng kinh *Sám hối*, kinh *Thủy sám*, kinh *Địa Tạng*, hồi hướng công đức cho con, cầu cho con sớm được siêu thoát. Mẹ luôn cầu chúc cho con những điều tốt đẹp nhất, con sẽ được vào một gia đình tuyệt vời, mẹ nguyện dành hết tất cả những công đức đã tích tập được của kiếp này và vô số kiếp trước cho con.

Đôi lúc, mẹ vẫn dằn vặt bản thân và thấy tiếc nuối vì mẹ đã không cẩn thận giữ gìn sức khỏe, nhưng mẹ cũng luôn tâm niệm rằng, mỗi sự việc xảy ra trong cuộc sống đều có lý do của nó, mỗi khoảnh khắc tương chừng là ngẫu nhiên đều do “trùng trùng duyên khởi”. Con đã đến và đi – cũng là do duyên.

Mẹ tin vào giáo lý nhân quả nghiệp báo của Đức Phật. Có lẽ đây là nghiệp mà mẹ con mình phải trả, từ kiếp trước, hoặc trong kiếp này, mẹ con mình đã làm những điều chưa tốt, và đây là cơ hội để mình tịnh hóa nghiệp con ạ. Mẹ vẫn luôn nghĩ đến con, đến hình ảnh con bé nhỏ in trong tờ giấy kết quả siêu âm – mặc dù bố đã vứt đi để mẹ không còn phải rơi nước mắt mỗi lần nhìn lại. Mẹ tin rằng có sự cảm ứng giữa mẹ con mình và tin rằng mẹ con mình sẽ có duyên gặp lại nhau vào một ngày không xa.

Bình an con nhé. ■





Về Lý Sơn thăm chùa Đục

Bài & ảnh: LÊ XUÂN THỌ

Chùa Đục là một di tích thắng cảnh độc đáo nằm trên đảo Lý Sơn, một huyện đảo thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Lịch sử hình thành chùa Đục khá kỳ thú. Theo lời kể của vị trụ trì tịnh xá Ngọc Đức là Sư cô Thích nữ Thùy Liên thì vào khoảng đầu những năm 60 của thế kỷ trước, có một nhà sư trẻ pháp danh là Giác Tuấn từ Bình Định ra đảo Lý Sơn tìm nơi tu hành. Khi mới đến Lý Sơn, ông ẩn tu ở một nơi gọi là Đá Hai. Về sau, một vị đạo hữu hướng dẫn ông đến một chỗ gọi là hang Cọp. Tương truyền, khi tiến nhân mới đến khai hoang lập làng ở Lý Sơn thì tại cái hang này có một con cọp. Thấy nó không ăn thịt thú rừng hoặc tấn công người dân khai hoang, cư dân ở đây gọi nó là con cọp tu. Một lần, khi nước triều rút, con cọp xuống biển, có lẽ là để bắt cá, thì bị một con bạch tuộc lớn bám vào. Con cọp cố vùng

vẫy nhưng không thoát ra được và khi nước triều lên thì cọp chết. Từ đó, hang bỏ trống cho đến khi sư Giác Tuấn tìm đến.

Lúc mới đến hang Cọp, sư Giác Tuấn thấy trên vòm hang có một dây bồ đề rất to bám chặt vào vách đá, thân dây uốn lượn như hình một con rồng. Sư cho rằng nơi đây có duyên để lập chùa nên đã mở rộng hang rồi đắp tượng Phật để thờ. Sư Giác Tuấn tu theo hạnh Độc giác, ban ngày thì đi khát thực, đêm về tụng kinh niệm Phật. Qua một thời gian, ông rời chùa đi nơi nào không rõ.

Vài năm sau, nhân dân trong vùng muốn có một nơi để chiêm bái, tụng niệm nên đã xin Giáo hội Phật giáo Quảng Ngãi cho lập chùa. Tuy chùa Đục đã ra đời vào năm 1964 nhưng việc sinh hoạt ở nơi đó rất khó khăn; bây giờ Phật tử sở tại đã xin một khu đất cách chùa Đục

khoảng 500m về phía Nam để lập ra tịnh xá Ngọc Đức. Như vậy, tịnh xá Ngọc Đức có mối liên hệ mật thiết với chùa Đức.

Sau năm 1975, các nhà sư bỏ đi nơi khác, chùa thành ra hoang phế; những cây cổ thụ quanh chùa bị chặt phá. Đến năm 2000, Sư cô Thích nữ Thùy Liên về tiếp quản tu hành đã trùng tu lại khang trang, xin xây đường lát đá thô sơ để tiện việc đi lại. Ngày 19/2/2008, được sự cúng dường của các tín đồ Phật tử trong và ngoài nước cùng với sự đóng góp công sức của nhân dân trên đảo, Sư cô đã cho xây một tượng đài Quan Thế Âm trước chùa, khánh thành vào ngày 19/2/2010.



Ngoài ra, Sư cô còn cho xây dựng tường thành, cổng ngõ và lát đá bằng phẳng con đường lên chùa.

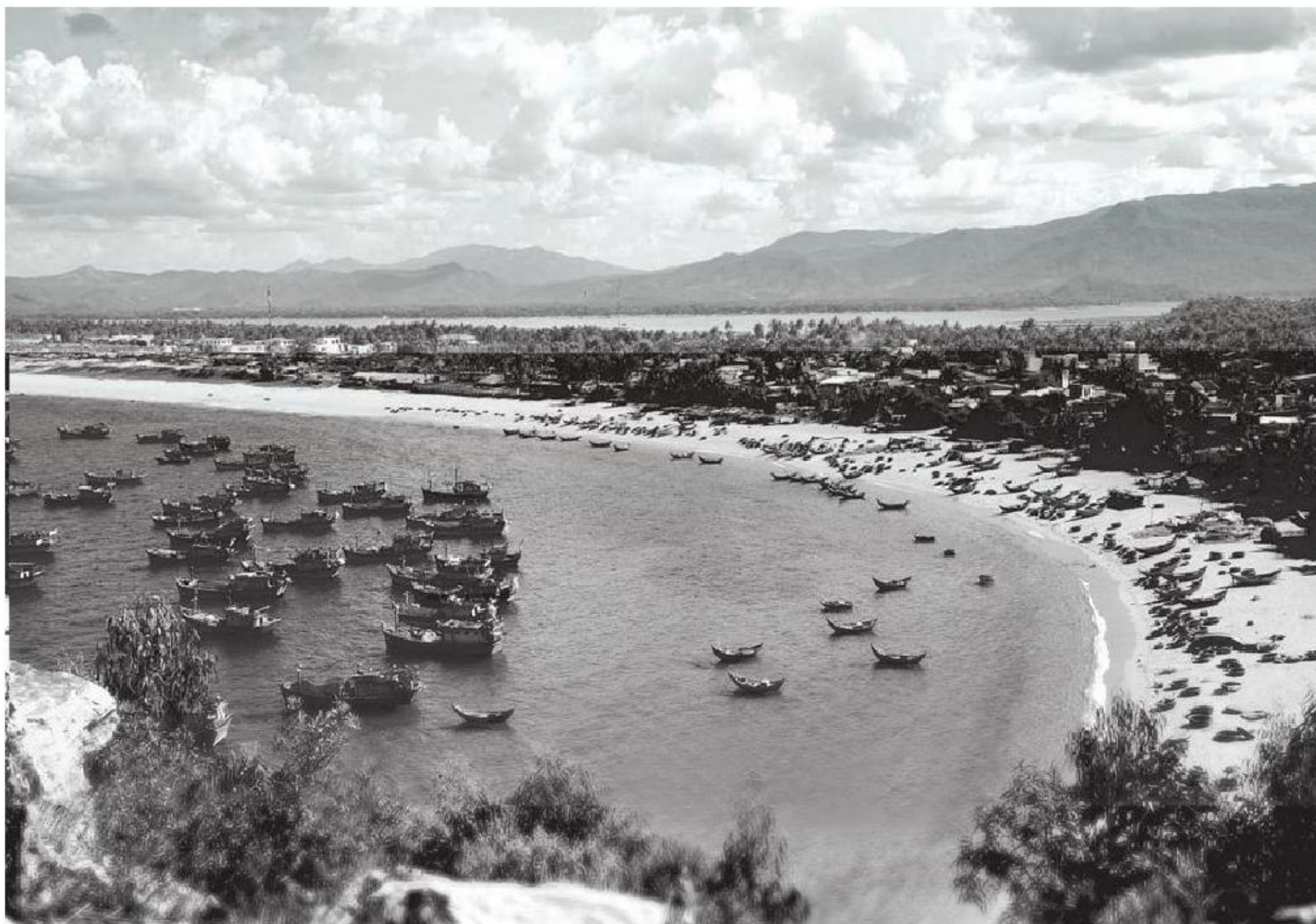
Di tích chùa Đức hiện nay nằm ở chân núi Giếng Tiễn, thuộc thôn Tây, xã An Vĩnh. Núi Giếng Tiễn nằm về phía Tây của hòn đảo; ở đó có miệng núi lửa đã tắt nhìn về hướng Bắc. Bên trong miệng núi lửa là một vùng lòng chảo rộng chừng 20ha, trên thành lòng chảo có vòng cung phẳng hình chữ C; ở phía Tây miệng núi lửa, tại điểm cuối của vòng cung, có một đỉnh cao thoải cách mặt biển chừng 80m, chính là nơi chùa Đức tọa lạc.

Theo con đường phía Tây của đảo Lý Sơn, rẽ phải một quãng sẽ thấy đường lên chùa Đức, còn gọi là Đình Liêm tự. Từ xa đã có thể nhìn thấy cổng chùa với ba chữ Hán: *Đình Liêm Tự*. Trước cổng chùa có hai trụ biểu hai bên, trên đó ghi một đôi câu đối như sau: "*Bích Chi đạo gió tìm sơn động - Đình Tự dừng chân chuyển pháp luân*".

Đường từ chân núi lên chùa Đức đã được xây dựng phong quang với 139 bậc đá, hai bên có lan can sơn màu trắng; hai bên đường còn nhiều cây dừa cổ và cây dương... tỏa bóng xanh mát. Trước chùa là tượng Bồ-tát Quan Thế Âm, một tay bắt ấn, một tay cầm bình nước cam lồ nhìn ra biển cả mênh mông, thể hiện ý nghĩa dõi theo và chở che cho những ngư dân ngày đêm trên biển, bảo vệ cuộc sống của họ trước những cơn bão tố. Tượng có chiều cao 25m, ngự trên tòa sen trắng, dưới chân tượng là án thờ; xung quanh án thờ có hình bốn con rồng đang giỡn nước. Tượng đứng giữa một khuôn viên hình ngũ giác, xung quanh khuôn viên là lan can màu trắng, nền lát gạch rất khang trang, sạch sẽ. Từ đó, tiếp tục đi lên du khách sẽ đến với chùa Đức. Từ ngoài nhìn vào, tổng thể chùa Đức bao gồm ba động đá lớn nhỏ khác nhau. Động thứ nhất cao và rộng, chính giữa thờ Phật tổ Như Lai, phía bên trái thờ Địa Tạng Bồ-tát, phía bên phải thờ vị tổ khai sơn. Ngoài ra, còn có tượng Phật nhập Niết-bàn. Ở phía Đông có một thạch động nhỏ hơn, bên trong cũng có đặt bàn thờ Tam thế Phật. Động ở phía Tây nhỏ nhất được gọi là động Viên Giác, được biết là nơi các nhà sư tọa thiền. Kế đó là trai đường. Trước chùa có một khoảnh sân rộng chừng 20m².

Đến với chùa Đức, người ta được thưởng ngoạn những cảnh vật thiên nhiên kỳ vĩ ở xung quanh. Phía Đông chùa Đức có một vùng đất bằng, trên đó có nơi được gọi là bàn cờ tiên mà theo truyền thuyết thì là nơi ngày xưa chư tiên xuống chơi cờ. Phía Tây có cổng đá Vồ Vồ, còn được gọi là cổng Trời, mà phía dưới có bãi tắm lý tưởng. Trước mặt chùa Đức là biển cả mênh mông và cách đó không xa là cù lao Bờ Bãi (đảo Bé).

Chùa Đức là một di tích thắng cảnh còn nhiều nét hoang sơ, nằm ở một vị trí có cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, rất đẹp và rất nên thơ, là một nơi lý tưởng cho các Phật tử đến tham quan chiêm bái khi có dịp đặt chân đến đảo Lý Sơn. ■



Vịnh Xuân Đài, *nét đẹp quyến rũ*

Bài và ảnh: THỰC QUYÊN

Đến với Phú Yên không chỉ là đến với núi Nhạn, sông Đà. Vùng đất này, được sáp nhập vào lãnh thổ của người Việt trong khoảng năm 1611 dưới thời chúa Tiên Nguyễn Hoàng cai quản xứ Đàng Trong, còn cung cấp cho du khách nhiều thắng cảnh hữu tình ghi dấu những biến thiên của lịch sử. Một trong những địa danh như vậy chính là Vịnh Xuân Đài, nơi đã chứng kiến trận quyết chiến chiến lược giữa nhà Nguyễn với nhà Tây Sơn khi tướng Tống Phước Hiệp nhà Nguyễn huy động toàn quân tấn công quân Tây Sơn đang đóng tại đây vào năm 1775.

Ngày nay, vùng mặt nước rộng trên 100 cây số vuông nằm dưới chân dốc Găng này là một trong những vịnh được các chuyên gia đánh giá có tiềm năng du lịch lớn

nhất nhì miền Trung với cảnh sắc hữu tình, có nhiều đảo và bãi tắm rất đẹp còn hoang sơ. Với địa thế lưng tựa núi, mặt hướng biển, vịnh Xuân Đài đã níu chân bao khách thập phương đến đây ngay từ cái nhìn đầu tiên. Du khách chợt thấy ngỡ ngàng trước cảnh non nước hữu tình được dệt nên từ những mảng xanh bất tận của hoa lá cỏ cây, núi xanh biển biếc.

Vịnh Xuân Đài nằm vắt ngang địa phận hai huyện Sông Cầu và Tuy An về phía Đông bắc tỉnh Phú Yên cách thành phố Tuy Hòa khoảng 45km, hình thành do dãy núi Cổ Ngựa chạy dài ra biển độ 15km tạo nên bán đảo Xuân Thịnh bao bọc lấy vịnh và đầm Cù Mông, trông giống hình đầu con kỳ lân. Theo đường bộ lên đến đỉnh dốc Găng nằm trên Quốc lộ 1A, người ta có thể nhìn thấy toàn cảnh mặt nước với rừng dừa và vòng cung



núi bao bọc khu vực vịnh Xuân Đài. Tất cả tạo nên một bức tranh sơn thủy hài hòa và thơ mộng. Trong vịnh có nhiều vũng biển và bãi tắm đẹp như Vũng La, Vũng Sứ, Vũng Chèo... và nhiều đảo, bán đảo như cù lao Ông Xá, hòn Nhất Tự Sơn, mũi Đá Mài, mũi Tai Mã.... Nhiều địa danh đã đi vào thơ ca: *Vũng La, Vũng Sứ, Vũng Chèo/Vũng Đông, Vũng Mắm, Vũng nào cũng thương* (Ca dao). Dưới thời nhà Nguyễn nơi đây vừa là một hải cảng vừa là một căn cứ thủy quân. Làng biển Tiên Châu là một trong những làng biển cổ nhất Phú Yên. Làng hiện còn giữ một số sắc phong có từ thời Minh Mạng, Tự Đức và Đồng Khánh. Nhìn xa xa về phía Đông cửa biển Tiên Châu là bãi Bình Sa nằm lọt giữa lòng Vịnh Xuân Đài và một bên là sông Bình Bá được bao phủ bởi rừng phi lao xanh quanh năm rì rào cùng gió biển. Bờ vịnh, do mưa nắng và sóng biển, đã bị bào mòn nổi vùn như thớ gỗ mịn, những khối đá chồng lên nhau tạo thành bậc ghề ngoi sát mặt nước. Một địa điểm hấp dẫn khác là gành Đèn. Đây là gành đá với nhiều tảng đá lớn màu hồng nhạt chồng lên nhau, hình thành nhiều hang, hốc nhỏ. Từng đợt sóng đánh thẳng vào gành đá làm tung bọt trắng xóa dưới mặt nước trong xanh, rong biển mọc dày như tấm thảm nhung dập dờn theo từng cơn sóng. Bên trên là ngọn hải đăng bao năm cần mẫn chỉ hướng cho người lái tàu ra vào vịnh càng tạo cho cảnh Vịnh Xuân Đài thêm kỳ thú và hấp dẫn. Sự hiểm trở của đèo dốc Xuân Đài đã được dân gian miêu tả: *Không đi thì nhắc thì trông/Đi rồi thì thấy sợ Cù Mông, Xuân Đài/An Dân, Xuân Thọ chia hai/Chỉ vì cái đảnh Xuân Đài ngăn đôi* (Ca dao), (An Dân là xã thuộc Tuy An, Xuân Thọ là phường thuộc thị xã Sông Cầu). Đến với Vịnh Xuân Đài là đến với một vùng non nước thấm đượm màu xanh. Trên núi, cây và đá ôm nhau chen chúc tạo thành những mảng xanh tươi, nước biển xanh mênh mông với những xóm làng bình yên nép bóng dưới rừng dừa, có hàng thùy dương chạy men theo bờ cát trắng ngọc ngà tựa như mái tóc thiếu

nữ xỏa dài trên tấm thân trắng của những nàng tiên nữ nằm trên bờ biển rì rào tiếng sóng. Du khách nếu được đi thuyền có thể phóng tầm mắt về phía Tây là những dãy núi cao trùng điệp, về hướng Đông bán đảo Xuân Thịnh đó là cồn cát Từ Nham như dải lụa trắng điểm tô thêm cho vẻ đẹp của bức tranh sơn thủy. Ngược lên phía Bắc Vịnh Xuân Đài là đồng muối Trung Trinh-Lê Uyên được hình thành từ lâu đời. Gần đó có đèo Vạn Lương, tương truyền là con đường vận chuyển lương thực trong cuộc giao tranh giữa quân Tây Sơn và quân Nguyễn Ánh vào cuối thế kỉ 18. Núi non nơi đây bốn mùa xanh tươi, thỉnh thoảng có những mạch nước chảy từ trên cao xuống đủ để tạo thành những giếng nước ngọt nhỏ. Đây là những địa điểm lí tưởng cho những chuyến du lịch dã ngoại cùng bạn bè và gia đình vào những dịp cuối tuần hay lễ Tết nhàn tản.

Ngược dòng lịch sử, Vịnh Xuân Đài trước đây còn có tên gọi là Bà Đài, một thời từng là trung tâm hành chính của tỉnh Phú Yên xưa. Theo sử liệu, "Vào năm 1629 thủ phủ Phú Yên là thành Hội Phú được xây dựng tại cửa biển Tiên Châu. Thành này tồn tại cho đến năm 1863 thì chuyển đến thành An Thổ, cách tòa thành cũ khoảng 2km về phía Tây. Sau khi thiết lập nền bảo hộ lên phần đất Trung Kỳ, thực dân Pháp đã đặt tòa công sứ tại Vũng Lắm đồng thời cũng đặt sở thương chánh để kiểm soát việc buôn bán tại đây". Vũng Lắm nằm trong Vịnh Xuân Đài là thương cảng lớn bậc nhất của Phú Yên trong quá khứ, là cửa ngõ thông thương giữa Phú Yên với bên ngoài. Tại Vũng Lắm có một cộng đồng người Hoa đến định cư vào khoảng cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19. Công việc doanh thương của họ cũng góp phần làm cho Vũng Lắm trở nên sầm uất.

Xuân Đài là nơi lưu dấu nhiều sự kiện lịch sử, là một trong những nơi đặt chân đầu tiên của lưu dân người Việt theo ông Lương Văn Chánh vào mở cõi lập nên tỉnh Phú Yên vào giữa thế kỷ XV. Vịnh Xuân Đài cũng là nơi diễn ra hoạt động ngoại giao đầu tiên giữa người Việt Nam và Hoa Kỳ, là chiến trường ác liệt giữa quân Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Rất nhiều trận thủy chiến diễn ra tại đây. Đây cũng là nơi quân viễn chinh Pháp dưới sự chỉ huy của Trần Bá Lộc đổ bộ đàn áp cuộc khởi nghĩa hưởng ứng phong trào Cần Vương do Bùi Giảng chỉ huy. Cũng tại đây, vào tháng 4/1945 tàu hải quân Nhật bị máy bay quân Đồng minh bắn chìm, nhiều di vật lịch sử cũng đã được phát hiện tại Xuân Đài.

Đến thăm vịnh Xuân Đài, người Phật tử còn có thể tới chiêm bái các ngôi chùa cổ ở xã Xuân Thọ thuộc huyện Sông Cầu, chùa Triều Tôn được xây dựng từ đầu thế kỷ 19, và chùa Lăng Nghiêm, có mặt từ khoảng cuối thế kỷ 19.

Vịnh Xuân Đài đã được xếp hạng là di tích danh lam thắng cảnh cấp quốc gia, đồng thời được đề cử là thành viên của Câu lạc bộ những vịnh đẹp trên thế giới. Gần đây, tỉnh Phú Yên đã có kế hoạch xây dựng các tuyến du lịch đến vịnh Xuân Đài và đang kêu gọi hợp tác đầu tư để khai thác tiềm năng phong phú của nơi này. ■

Rót

BÙI CÔNG TOA

Dòng ta
Luân quần sông đây
Bên kia manh áo
bờ này miếng cơm
Thương vay, khóc mượn
vẫn thơm
Bao mùa thâm lặng thơ ươm nụ tình
Tài hoa chưa chín trên cành
Nhân duyên đã đủ nên thành lời thương
Biết đời là cuộc vô thường
Sao tim hòa nhịp vui buồn thế gian
Bỗng nghe ai rót cung đàn
Rót vào ta giọt bình an cõi người...

Đạo

LÊ ĐÀN

Đạo là thức ngủ trang nghiêm
Là cầm chổi quét
Mái hiên sân chùa.

Tiểu

LÊ ĐÀN

Kìa chú tiểu nhỏ
Chôm tóc vất lên
Mắt thương khép mở
Môi cười hồn nhiên.

Đóa hoa dưới tảng đá

NGUYỄN THÁNH NGÃ

đã dập nát như loài cỏ
chỉ có sương mai an ủi tôi
& ánh mặt trời hé dọi vào vết thương

đã xô nát với gió bão
đã đương đầu với bức tường
đã quy ngã và đứng dậy run rẩy
chỉ có vết rêu chỉ đường cho tôi
là phải mọc lên trên đá sỏi...

nhưng đá lăn
sỏi nát
bụi bay vèo

điều gánh chịu là phải gánh chịu
có gì đẹp hơn đóa hoa dại ngoài đồng
hoa cứ nở với lòng từ bi vô hạn

đường gặp ghềnh tôi đi
gánh nặng trên vai trĩu xuống

muốn yêu tất cả mà không được
muốn bỏ tất cả mà không được

chợt ngồi trên tảng đá to
thấy đóa hoa vươn ra ngoài kê nứt...

Mèo gặp rồng

LÊ NGHỊ

Vẫn tháng năm. Vẫn mùa chờ
Vẫn con Trăng cũ bên bờ sông xưa
Tháng Năm đông đêm... đã vừa
Đông Xanh nước mới như thừa Bồng Xuân!

Này! Con phố nhỏ, ngập ngừng
Băng qua sử dịch... âm thầm nở hoa
Thâm nghiêm, hé lộ nửa Tòa
Nghìn thu mắt biếc... gọi là Biển – Dâu.

Giấc ngủ cát sương

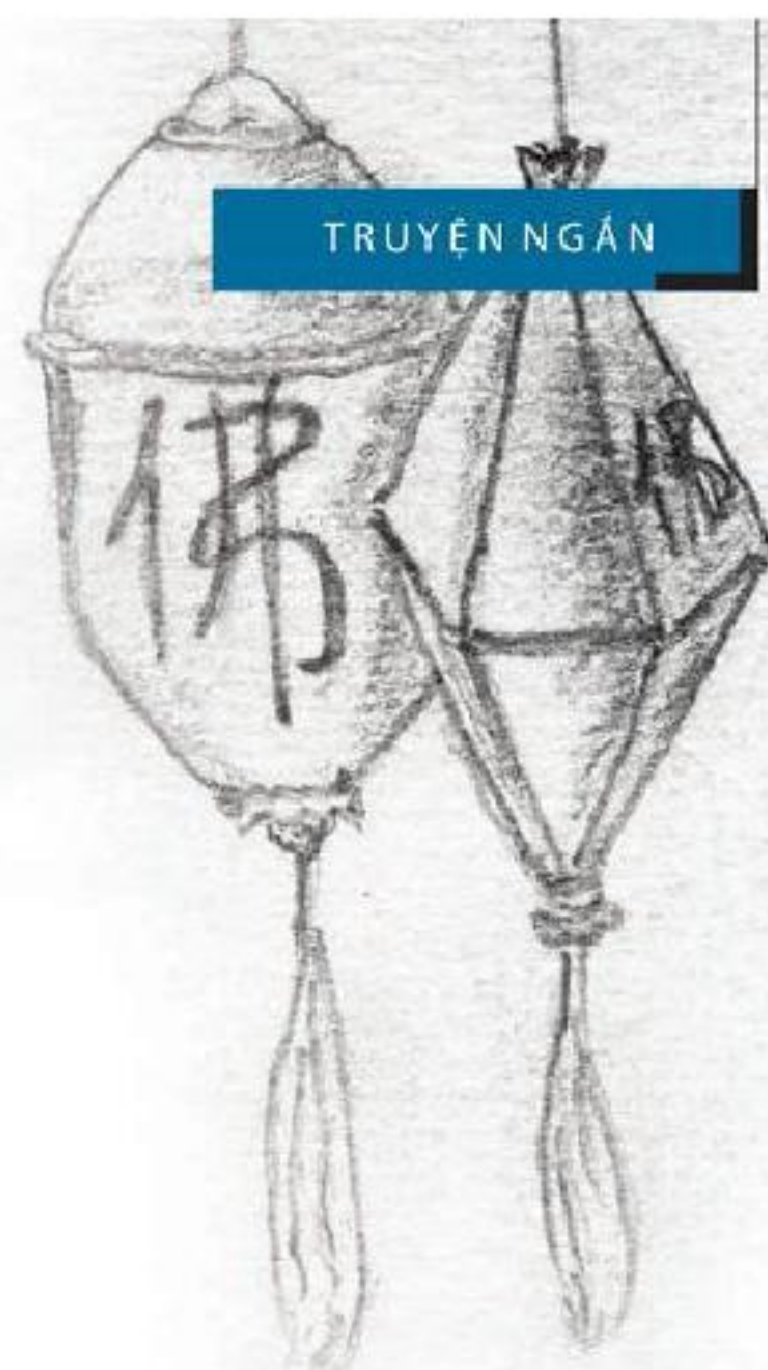
LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

tôi như xác lá rụng màu
phai hương nắng nhạt mùn phơi gốc đề
thà làm hạt cát chán chê
kiếp người ngây dại lê thê gió gầy
tình trơn đông nhạt cho đầy
rồi như củi mục sum vầy bếp xưa
đêm nay trắng tuyết vầy mưa
xé tan thời đoạn chỉ chừa cốt đen

ai mang những hạt sương tàn
đắp vào gió bẽ mây ngàn thoáng qua.

Tâm Phái Quy y

HẢI TRÌNH



Ba mẹ con đang râm ran chuyện trò vui vẻ, bỗng nghe tiếng lọc cọc của chiếc xích lô về ngoài ngõ, thế là căn nhà lá lụp xụp đột nhiên lại trở về cái không khí nặng nề trầm uất như mọi ngày.

Toàn thân nóng nực hơi men. Lão Chắc nặng nề bước xuống xe, miệng còn lải nhải những lời văng tục nghe đã nhảm tai. Khi thì nguyên rửa bà khách bủn xỉn, khi thì chửi bới mấy thằng đồng nghiệp giành giật mỗi mang, đôi lúc lão lại lòi cả con ngõ chật hẹp, gồ ghề có lẫn dĩa ném lão xuống đường mương hôi thối ra mà đay nghiến. Mâm cơm tuy đậm bạc nhưng đã được Lam, cô con gái lớn của lão, sửa soạn tươm tất, đặt trong chiếc lồng bàn tre, kế bên là chai rượu và cái ly nhỏ cáu đục. Không cần phải rửa ráy, tắm gội, lão ngồi ngay vào bàn, rót rượu và bắt đầu kiểm chuyện: "Nóng nực thế này mà chẳng nấu cho tao được bát canh, lại cứ mãi cái món cá chiên, rau luộc ai mà nuốt cho trôi. Tao đi làm đầu tắt mặt tối để nuôi cả nhà, mà mẹ con bày đối xử với tao tệ mạt vậy sao?".

Thế là lão vừa ăn, vừa uống, vừa càu nhàu. Câu dài, câu vắn, giọng cao, giọng thấp lão tha hồ mà gắm gừ chửi bới vợ con.

Để mặc cho lão làm mưa làm gió, ba mẹ con cứ lăm li người nào việc nấy, cho đến lúc lão nằm lãn ra ngáy như gọi đồ sang sông. Lão nói phét thế, chứ ai có lạ gì về con người lão. Tiền kiếm được trong ngày, sau khi trả tiền mướn xe; còn bao nhiêu lão đều nướng cả vào sông bài với quán nhậu. Có hôm còn phải nợ chủ quán nửa chữ đứng hồng có mà nuôi ai. Chỉ tội nghiệp cho vợ con lão.

Con Lam vừa học xong tiểu học là phải ở nhà lo công việc tiếp mẹ; mấy năm sau phải đi làm thuê, làm mướn để nuôi em ăn học. Vợ lão, thân gầy gò ốm yếu mà phải

đi gánh nước mướn. Có khi phải đợi đến hàng giờ mới có được đôi nước¹ rồi gò lưng mà bước, để đổi lấy dăm ba đồng bạc, vừa bằng giá một ổ bánh mì, nhưng có bao giờ chị dám ăn cái món mà chị cho là "sang như Tây" ấy đâu. Để kiếm được chút tiền kha khá, chị phải thức khuya dậy sớm, tranh thủ những lúc vắng người thì mới gánh được nhiều hơn. Mùa mưa đến, ít người thuê; chị lại xoay sang nghề bán hàng bông dạo. Chân trần, áo mỏng, phải lặn lội trong mưa rét khắp chốn hang cùng ngõ hẹp mà cũng chỉ được mấy lon gạo trong ngày, có khi lại còn thiếu hụt.

Chẳng hiểu sao mà bữa nay lão lại cho xe về sớm hơn mọi ngày. Thật hiếm hoi trong cuộc đời chạy xe của lão; về đến nhà mà trong người không có mùi rượu. Ăn cơm xong. Tuy có nhảm nhời đôi chút, nhưng lão vẫn tỉnh táo gọi vợ con ngồi lại để lão bàn một chuyện "quan trọng". Ba mẹ con hầu như nín thở về thái độ lạ lùng của lão. Bằng một giọng trầm tĩnh khác thường, lão nhỏ nhẹ: "Tôi thấy người mẹ mày ngày càng ốm yếu, mà phải sương nắng gánh đẩy; lỡ có đau ốm nằm xuống thì biết lấy gì mà lo đây. Tôi đã nghĩ kỹ rồi, thôi thì cho con Hồng nghỉ học, để nó đi phụ việc ở chỗ chị nó đang làm, thế là hai chị em nó đủ sống. Tôi thì lầy lắt ngày hai bữa, vợ chồng mình cũng chẳng đến nỗi nào đâu. Vả lại con gái mà học được như nó cũng đã quá lắm rồi". Nghe đến đây, con Hồng ôm mặt chạy trốn vào buồng nằm khóc rưng rức. Còn Lam thì chỉ biết buông tiếng thở dài, chạy vào an ủi em.

Đã mấy khi vợ lão lại được nghe những lời ngọt ngào như thế từ miệng người chồng vũ phu, suốt ngày say xỉn. Bà nói trong niềm xúc động: "Vi thương tôi mà ông tính như vậy, tôi cũng biết ơn ông nhiều lắm; nhưng xin ông nghĩ lại. Vợ chồng mình đã cực khổ nhiều để nuôi nó ăn học được tám, chín năm trời. Chỉ còn năm

nay nữa là đến bờ đến bến, mình cũng nên cố gắng chút nữa đi, kẻo tội nghiệp con cái. Mà theo tôi nghĩ, nó là con út, ăn sau chạy dọi thì mình cũng nên thương nó nhiều hơn, để cho nó khỏi thua chị kém em; chứ tôi thấy như con Lam đây quá tội nghiệp đi ông ạ". Vợ vừa dứt lời, lão "hừ" một tiếng trong miệng bỏ ra sân đốt thuốc. Hôm nay lão đi ngủ sớm hơn mọi bữa và tối nay Lam cũng phải bỏ mất một thời kinh. Được sinh hoạt trong Gia đình Phật tử từ lứa tuổi Oanh vũ, đến khi vừa khoác áo Thiếu nữ chưa được tròn năm thì phải nghỉ để đi làm mướn. Tuy công việc bề bộn, nhưng đêm nào nàng cũng dành thì giờ cho một thời kinh Sám hối. Có điều lạ, dù cho lão Chắc có say sưa, rầy rà thế nào đi nữa, mà khi nghe hồi chuông niệm hương của con gái thì lão cũng ngừng ngay cơn thịnh nộ. Nằm nghe kinh độ mười phút sau là lão yên giấc.

Gặp hên, sáng nay lão bắt được một mối khách sộp. Một đoạn đường chừng hai cây số mà lại được trả đến ba mươi đồng. Thường thì chỉ hai mươi là quá lắm. Vừa bước xuống xe, bà khách trông có vẻ quý phái kia đã nhìn lão chăm chăm. Bà nhỏ nhẹ hỏi: "Xin lỗi, hình như hôm mấy hôm trước chú đã chở tôi đến chùa này thì phải?". "Dạ đúng vậy, lúc bà lên xe tôi đã nhận ra; tôi cũng biết rằng bà có để quên trên xe một quyển kinh, nhưng tôi đã đặt trên bàn thờ Phật ở nhà rồi, chứ không dám mở ra xem. Tôi cũng định có dịp hôm nào lên chùa thì gửi lại. Không ngờ hôm nay lại gặp bà". Bà khách không giấu được nỗi vui mừng: "Thế thì cảm ơn chú nhiều lắm. Trong cuốn kinh chẳng có vật gì quý cả mà chú phải ngại, ngoài cái phái Quy-y của đứa cháu nội tôi. Vậy thì khi nào có dịp chú gửi cho dì vài² trong chùa giúp tôi với, bao nhiêu tiền công tôi xin gửi trước". Lão ta lắc đầu lia lịa: "Cảm ơn bà, có gì đâu mà công với cán. Chỉ có việc gửi cuốn kinh mà lấy tiền công thì tội chết, tôi không dám đâu. Nội ngày mai tôi sẽ gửi lên chùa cho bà". "A-di-đà Phật, cảm ơn chú nhiều".

Để cuốn kinh trên bàn Phật đã mấy hôm rồi mà lão quên bẵng. Tối về xem lại, đúng y như lời bà khách, trong quyển kinh có một tấm phái Quy-y, gần hết như tấm phái Quy-y của con gái lão treo trên vách đã mấy năm trời, đến ám khói, mà có bao giờ lão để mắt đến đâu. Nay cầm tấm phái này lão lại tần mẩn đọc từng câu, từng chữ mới lạ chứ. Vừa đọc lão vừa lẩm bẩm một mình: "Ngộ thật, mới hai tuổi mà đã có phái Quy-y, lại có được cái pháp danh nghe sao dễ thương quá: Tâm Phúc". Giữ đúng lời hứa, sáng hôm sau lão ghé vào chùa, gửi tấm phái Quy-y cho dì vài.

Tối nay lão về nhà muộn hơn mọi lúc. Cứ ngỡ là lão bận chờ khách, nên cả nhà cũng chẳng nỡ nóng trông chờ. Đang ngồi tụng kinh, bỗng nhiên Lam giật mình khi nghe một tiếng "bịch" ngoài sân, tiếp theo là tiếng xe ngã. Hai mẹ con cùng đổ xô ra, thấy lão nằm bất động; liền la lên cầu cứu. Từ trong buồng, con Hồng buông cuốn sách chạy ra, nó hoảng hốt khóc rống lên.

Xóm giềng xúm lại, vội vàng đưa lão đi nhà thương. Phải mất đến gần cả tháng trời điều trị mới bình phục. Gia đình nay đã lâm vào cảnh túng quẫn, vợ con lão phải chạy vạy khắp nơi mới đủ tiền thang thuốc. Đã nhiều lần Hồng ngỏ ý với mẹ cho em nghỉ học, để tiếp với chị kiếm tiền mà lo chạy chữa cho cha, nhưng đều bị mẹ và chị nó can ngăn, vì chỉ còn mấy tháng nữa là đến ngày nó thi trung học đệ nhất cấp³ rồi.

Một buổi chiều buồn, ngồi nhìn băng quơ ra ngõ. Lão thấy hai người đàn bà đang xăm xăm bước vào; một người mặc nâu sồng, một người lớn tuổi hơn trông có vẻ quý phái. Đến gần lão mới nhận ra đó là bà khách đã bỏ quên quyển kinh trên xe lão, và dì vài trên chùa mà lão thường chở khách quen đến. Lão đứng dậy kính cẩn chấp hai tay vái chào. Hai người cũng chấp tay đáp lễ. Vừa bước vào nhà, họ không khỏi ngạc nhiên khi nhìn thấy nhà lão lại thờ Phật trang nghiêm đến thế. Lão trịnh trọng mời hai người ngồi vào bàn, vợ lão cũng không khỏi tò mò về hai người khách lạ, mang khay nước ra, khúm núm cúi chào rồi khép nép đứng bên cạnh chống. Vừa ngồi vào ghế, dì vài đã từ tốn:

"A-di-đà Phật, chúng tôi mới hay chú bị bệnh mấy ngày nay thôi. Đã lâu không thấy chú chở khách đến chùa. Dò hỏi mới biết sự thể. Hôm nay chúng tôi thay mặt một số đạo hữu giàu từ tâm đến, trước là thăm chú, sau nữa cũng có món quà mọn để gọi là giúp đỡ chú một phần nào trong cơn hoạn nạn. Nhân đây chúng tôi cũng khuyên chú nên nghỉ đến vợ con mà tu tâm dưỡng tánh đi thì vừa. Chỉ có mình tự cứu lấy mình thôi, chẳng có ai làm thay mình được".

Hiểu ý, lão bưng nước lên mời từng người. Uống cạn chén trà, hai người cáo biệt ra về. Vợ chồng lão rít ngo lời cảm ơn, rồi cùng tiễn khách ra tận ngõ.

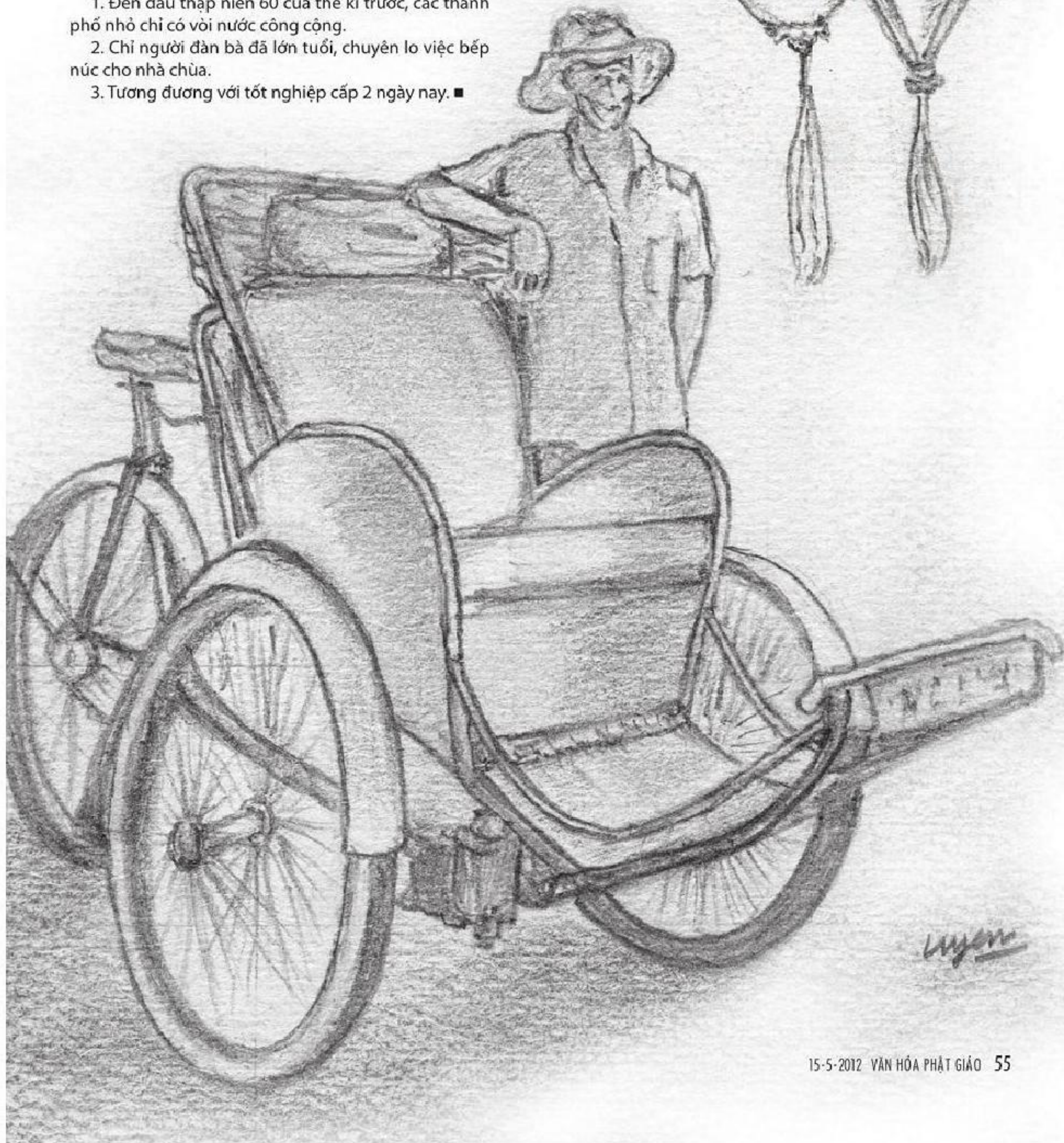
Nhờ vào món tiền từ thiện đó, lão đã vượt qua cơn khốn khó. Sức khỏe bình phục, lão lại tiếp tục nghề cũ. Thời gian tĩnh dưỡng, lão thấy tâm hồn mình được thư thả nhiều hơn. Nhìn lại những tháng ngày sống bê tha vất vưởng, lão vô cùng ăn năn hối hận. Điều khiến lão suy nghĩ nhiều nhất là nhờ đâu mà lão lại nhận được sự giúp đỡ bất ngờ như thế; nếu không có lòng tốt của những kẻ biết tu tập và hành thiện. Về sau, trong những lần chở khách đi lại lễ chùa, nhân lúc nhàn rỗi, nhờ dì vài và mấy đạo hữu nhiệt tâm, nhiệt tình thuyết phục, lão đã quyết định sẽ quy-y Tam bảo. Giờ này lão đã nhận thức được con đường duy nhất để từ bỏ ác nghiệp, sám hối những lỗi lầm và hướng đến một cuộc sống an vui.

Mùa Phật đản năm đó, lão được hoàn thành tâm nguyện, được cùng với mấy mươi Phật tử quy dưới đài sen. Thân trang nghiêm, tâm thành kính, lão cúi đầu thọ giới quy-y Tam bảo. Lễ tất, từ trong chánh điện bước ra, tay cầm tấm phái Quy-y còn thơm mùi giấy mới, lão đọc đi, đọc lại pháp danh của mình mấy lượt. Rồi tự giải thích: "Tâm Thiện là 'lòng hiền'", lão càng thấy

tự hào về cái tên Đạo mà từ đây gắn liền với cuộc đời của lão. Sức nhớ đến pháp danh của đứa bé cháu nội bà khách ân nhân. Lão mỉm cười và tự nhủ: "Như thế thì từ nay Tâm Thiện và Tâm Phúc là bạn đồng môn rồi". Cả hai đều cùng là đệ tử của một ngôi chùa, mà như có duyên nghiệp đã đẩy đưa lão đến một cuộc hạnh ngộ bất ngờ.

Chú thích:

1. Đến đầu thập niên 60 của thế kỉ trước, các thành phố nhỏ chỉ có vôi nước công cộng.
2. Chỉ người đàn bà đã lớn tuổi, chuyên lo việc bếp núc cho nhà chùa.
3. Tương đương với tốt nghiệp cấp 2 ngày nay. ■



Phi châu

một mảnh đất mới cho việc hoằng pháp

HOANG PHONG

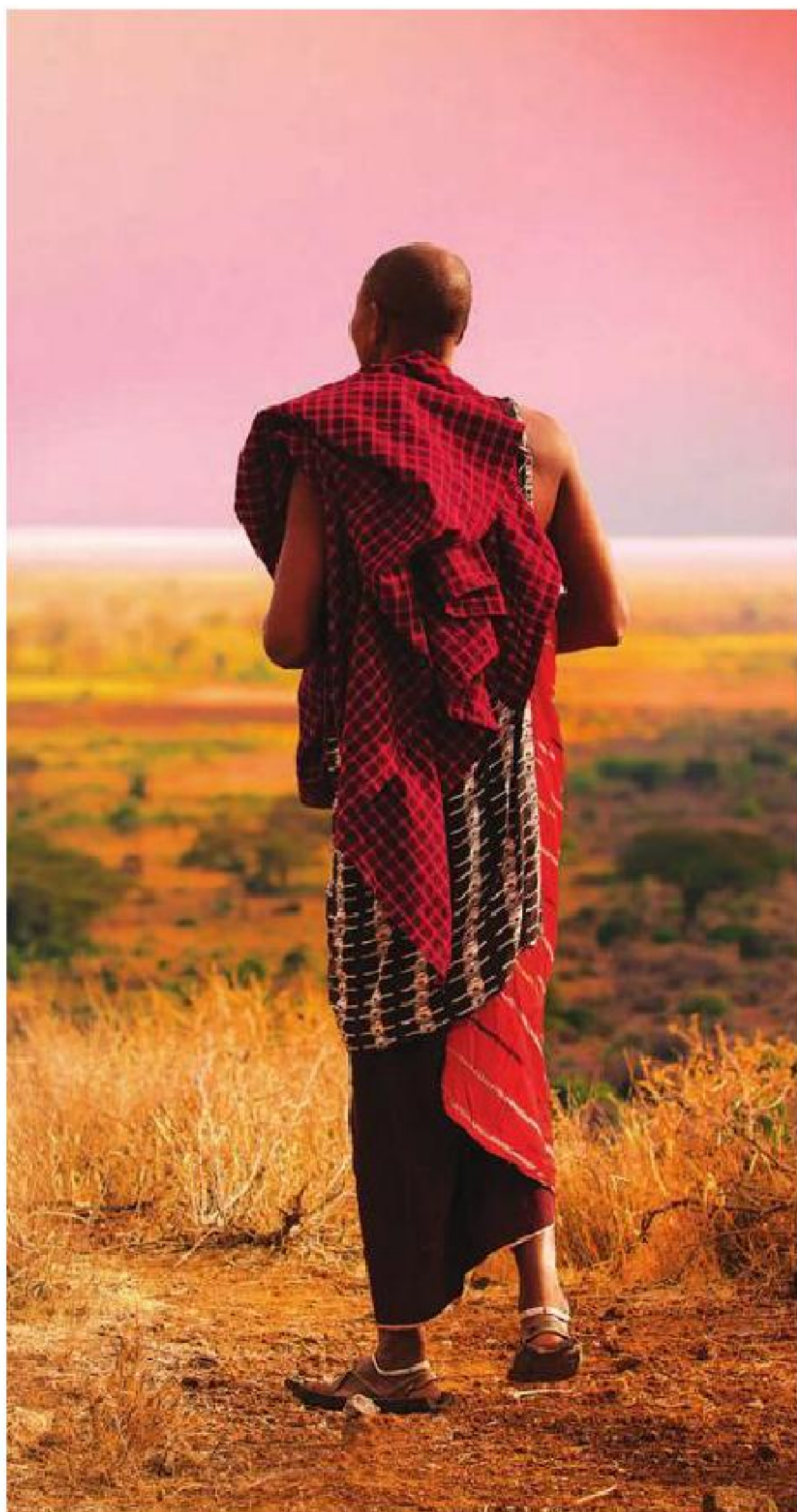
Từ nhiều thế kỷ nay, châu Phi, lục địa mệnh mông và phong phú, luôn là một trong những nguồn cung ứng tài nguyên thiên nhiên và cả sức người cho các quốc gia thuộc Bắc bán cầu; ngược lại, châu Phi cũng là mảnh đất tiêu thụ khí giới đồng thời đã đón nhận các tín ngưỡng được hình thành từ Bắc bán cầu.

Thế nhưng cái hố sâu chia cách Bắc - Nam ngày càng trở nên trầm trọng hơn, đã trở thành một vấn đề nan giải cho nhân loại và là một vết thương cho lương tâm con người. Ngoại trừ một vài quốc gia thuộc Bắc Phi, hầu hết các nước khác trên phần còn lại của lục địa này gần như lúc nào cũng lâm vào các cuộc xung đột vũ trang vì các nguyên nhân chủng tộc và cả tôn giáo; trong lúc tài nguyên thiên nhiên bị khai thác triệt để và môi trường bị tàn phá trầm trọng...

Trong bối cảnh đó, Phật giáo chỉ mới chập chững đặt chân lên mảnh đất này như một tín ngưỡng "sinh sau đẻ muộn", dù rằng Phật giáo vẫn là một trong các tôn giáo lớn và lâu đời nhất của nhân loại. Hy vọng rằng với lòng từ bi, tính khoan dung, và bằng những bước chân thật nhẹ nhàng, Phật giáo cũng có thể mang lại một chút an vui nào đó cho các xứ sở đầy thống khổ trên vùng đất vẫn bị mệnh danh một cách bất công là Lục địa Đen.

Dựa trên tài liệu tổng kết về sự hiện diện của Phật giáo tại Phi châu được đăng tải trên *Lá thư hàng tháng* của Viện Đại học Phật giáo Âu Châu (tháng 4/2012), chúng tôi xin mạn phép giới thiệu với quý độc giả trong nước những thành tựu trong việc hoằng truyền Phật pháp tại châu lục này.

Khi nói đến việc hoằng truyền Phật pháp trên thế giới, hiếm khi người ta nghĩ đến Phi châu... Thế nhưng, trên



thực tế thì từ vài năm nay Phật giáo cũng đã du nhập vào phần lục địa này, và nhiều dấu hiệu cho thấy là sự hiện diện đó mang tính cách lâu dài. Tại nhiều quốc gia thuộc miền Tây cũng như miền Đông Phi châu - chẳng hạn như Kenya, Cameroun, Mali, Congo... - con số Phật tử đã lên đến hàng trăm hay hàng ngàn người cho mỗi quốc gia.

Thật cũng không phải là một chuyện đáng ngạc nhiên khi nhận thấy quốc gia được "tây phương hóa" đậm nét nhất tại lục địa này là Nam Phi đã bước theo cùng một con đường Phật giáo giống như ở châu Âu và Bắc Mỹ. Riêng tại quốc gia này, đã có tới 32 trung tâm Phật giáo được thiết lập trong tổng số 54 trung tâm được liệt kê cho toàn thể lục địa Phi Châu... Các trung tâm Phật giáo tại Nam Phi thật đa dạng và gồm hầu hết các học phái có mặt tại Âu châu, và trong số này có thể kể ra 9 trung tâm Phật giáo Tây Tạng (trong đó có 3 trung tâm là thuộc New Kadampa, một chi

phái thường gây ra nhiều tranh luận), 6 trung tâm thiền (thuộc một học phái "tân tiến" của Hàn Quốc là Kwan-Um), 6 trung tâm Phật giáo Nguyên thủy Theravada (được đưa vào từ Miến Điện, các trung tâm này hoặc giữ nguyên theo truyền thống tu tập của Phật giáo Theravada, hoặc chịu ảnh hưởng của các nhà sư thuộc dòng truyền thừa do vị đại sư Goenka thành lập), một trung tâm thuộc dòng Tiếp-Hiện của một vị thầy người Việt Nam là Thích Nhất Hạnh, 2 trung tâm thuộc "Tôn giáo mới Nhật Bản" là Soka-Gakai và 1 trung tâm của hội "Thân hữu Phật giáo Tây phương" (Friends of the Western Buddhist Order) của Anh quốc... Đặc biệt nhất là trong số này có một chi phái ít nghe nói đến và hầu như chưa hề có mặt tại Âu châu nhưng đã gặt hái được nhiều thành quả vượt bậc, đó là chi phái Phật Quang Sơn (Fo Guan Shan), một chi phái mới của Phật giáo Trung Quốc và trụ sở "trung ương" thì được đặt tại Đài Loan. Chi phái này được thành lập vào thập niên 1930 cùng lúc với cao trào các "Tôn Giáo Mới Nhật Bản". Chi phái này tự nhận mình thuộc vào thiền phái Lâm Tế thế nhưng chủ đích thì lại nhằm vào việc xây dựng một cõi "Tịnh độ" trong thế gian này.

Một sự kiện khá lạ lùng khác là cũng tương tự như tại Bắc bán cầu, các hình thức Phật giáo được đưa vào Phi châu đều mang tính cách "tân tiến" và tự nguyện... Ngoài chi phái Soka Gakai (gắn với Tịnh độ) - phát triển ở Ghana, Mali và Côte d'Ivoire - người ta còn nhận thấy một chi phái khác thuộc các "Tôn giáo mới Nhật Bản" cũng vừa mới đặt chân đến Kenya. Ngày 4 tháng Ba vừa qua, con gái của vị sáng lập ra chi phái Shinnyo-En (gắn với Chân Ngôn tông) đã đứng ra chủ trì một buổi lễ theo đúng nghi thức tan-tra Nhật Bản gọi là nghi lễ "nước và lửa", mà trong truyền thống của Chân Ngôn tông thì tượng trưng cho sự hợp nhất của từ bi và trí tuệ. Buổi lễ được tổ chức dành cho một số bộ tộc trong vùng. Chủ đích của buổi lễ "cầu an" này là để hàn gắn và xóa bỏ hận thù giữa các sắc tộc trong vùng, sau nhiều cuộc xung đột chủng tộc đã xảy ra từ nhiều năm nay.

Hội đoàn Phật giáo Quốc tế Linh Sơn của Việt Nam mang nhiều nét truyền thống hơn cũng đã đặt chân vào Zaïre, Congo và Côte d'Ivoire. Một sự kiện bất ngờ khác là Hội Thiền học Quốc tế (Association Zen Internationale) do một vị thầy người Nhật là Deshimaru thành lập tại Pháp cũng đã có mặt tại nhiều quốc gia nói tiếng Pháp như: Maroc, Cameroun, Côte d'Ivoire và Burkina-Faso, và kể cả một quốc gia nói tiếng Anh là Kenya...

Thế nhưng đáng ngạc nhiên hơn hết là Phật giáo Nguyên thủy Theravada đã thiết lập được tất cả 12 trung tâm tại Phi châu và là học phái đoạt giải quán quân trên toàn lục địa này! Thật thế các "phái bộ" Theravada của Tích Lan và Miến Điện rất tích cực và đã từng gặt hái được nhiều thành quả tại những nơi như Ấn Độ, Népal và Indonesia... Riêng tại Phi châu thì ngoài 6 trung tâm đã được thành lập ở Nam Phi, Phật giáo Theravada còn có mặt tại Botswana, Ghana, Tanzanie, Ouganda, Kenya, và riêng tại Kenya thì có đến 2 trung tâm. ■



Chùa Thiếu Lâm và Văn hóa Trung Hoa

MY VŨ

1. Thánh tích Tung sơn và cổ tự Thiếu Lâm

Rặng Tung sơn có tên gọi xưa là Trung Nhạc, một trong Ngũ Nhạc gồm Hằng sơn ở phía Bắc thuộc tỉnh Sơn Tây, Hành sơn ở phía Nam nằm trong tỉnh Hồ Nam, Thái sơn ở phía Đông thuộc tỉnh Sơn Đông, Hoa sơn ở phía Tây nằm trong tỉnh Thiểm Tây, và Tung sơn ở trung tâm, thuộc khu vực Đảng Phong, thành phố Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Vốn được coi là rặng núi nổi tiếng khắp hai vùng kinh đô Biện Lương và Lạc Dương của đất Trung nguyên (Biện Lạc lưỡng kinh, kì nội danh sơn), rặng núi này đã được người đời thần tiên hóa và xem đây là nơi quần tụ của các bậc tiên nhân. Kinh Thi đã ca ngợi vẻ hùng vĩ của rặng núi này bằng hai câu: “Tung cao duy nhạc, Tuấn Cực vu thiên” nghĩa là núi Tung sơn cao nhất trong Ngũ Nhạc, đỉnh Tuấn Cực vươn đến tận trời cao. Khi đề cập đến rặng Tung sơn, người ta không thể không nhắc đến Thiếu Lâm tự.

Về lai lịch tên gọi, các học giả cho rằng *Thiếu* là để chỉ ngọn núi Thiếu Thất nằm ở phía Đông rặng Tung sơn; còn *Lâm* nghĩa là rừng, có dụng ý chỉ cảnh sắc thâm u, huyền bí của vùng rừng núi Thiếu Thất. Thiếu Lâm là ngôi chùa nổi tiếng với sự kết hợp tuyệt mỹ giữa võ thuật với Phật giáo Thiền tông, là một trong những ngôi tự viện lớn của Phật giáo Trung Quốc, nơi được coi là khởi nguồn của nền võ thuật Trung Hoa khiến người Trung Quốc thường nhắc đến câu thành ngữ *thiên hạ công phu xuất Thiếu Lâm* ý nói mọi công phu võ thuật trong thiên hạ đều khởi phát từ chùa Thiếu Lâm.

2. Những thăng trầm của Thiếu Lâm tự trong lịch sử Trung Hoa

Do sự kính ngưỡng đối với vị thiền sư Ấn Độ là cao tăng Bạt-đà-la tôn giả, vua Hiếu Văn Đế nhà Bắc Ngụy (386-534) đã cho xây dựng ngôi chùa này vào niên hiệu



Thái Hòa thứ 19 (năm 495) ở phía Bắc ngọn núi Thiếu Thất. Đây vốn là nơi thờ Phật và là chốn tu hành của nhiều thế hệ Phật tử, thế nhưng trong suốt lịch sử gần 2.000 năm của mình, ngôi chùa này đã trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm và biến động.

Một trong những nhân vật nổi tiếng có tên tuổi gắn liền với chùa Thiếu Lâm là ngài Bồ-đề Đạt-ma, sơ tổ Thiền tông Trung Hoa. Truyền thuyết nói rằng dưới thời Lương Vũ Đế (464-549), sau khi truyền đạo cho nhà vua không thành, tổ Bồ-đề Đạt-ma đã đến chùa Thiếu Lâm ngồi nhìn vào vách suốt 9 năm trời. Dưới niên hiệu Khai Hoàng trong đời Tùy Văn Đế (581-604), chùa Thiếu Lâm đã phát triển thành một đại tự viện. Đến cuối triều đại nhà Tùy (581-619), khắp nơi thiên hạ đại loạn, chùa Thiếu Lâm luôn bị các thế lực quân phiệt dòm ngó. Vào năm 619 thuộc niên hiệu Vũ Đức thứ 2 triều nhà Đường, một bộ tướng cũ của nhà Tùy là Vương Thế Sung xưng đế tại Lạc Dương, đặt quốc hiệu là Trịnh, sai cháu là Vương Nhân Trắc chiếm Bách Cốc Ổ, một vùng đất của chùa Thiếu Lâm để xây dựng một căn cứ lấy tên là thành Viên Châu. Năm Vũ Đức thứ 4 (621), nhà sư Đàm Tông cùng mười ba tăng nhân của chùa Thiếu Lâm bắt giữ Vương Nhân Tắc, đoạt lại thành Viên Châu và quy thuận Tần vương Lý Thế Dân. Ba năm sau, Lý Thế Dân phái sứ giả đến chùa Thiếu Lâm khen thưởng và phong tặng cho các tăng nhân đã từng tham gia cuộc chiến; đặc biệt, Đàm Tông được phong chức Đại tướng quân. Lý Thế Dân cũng tặng thêm cho chùa Thiếu Lâm 40 khoảnh

đất. Từ đó, chùa Thiếu Lâm khẳng định vị thế thái sơn bắc đẩu trong giới võ học Trung Hoa.

Dưới thời nhà Đường (618-907), chùa Thiếu Lâm đã thực sự trở thành một trung tâm truyền bá Phật học. Vào năm 683 thuộc niên hiệu Hoảng Đạo dưới thời Đường Cao Tông (650-683), Pháp Như thiền sư chính thức truyền nhập hệ thống thiền pháp của Đạt-ma vào Thiếu Lâm, sáu năm sau ông viên tịch tại đó. Truyền thống *diện bích* (ngồi nhìn vào tường) là một trong những minh chứng rõ ràng nhất cho công lao khai sáng của tổ Bồ-đề Đạt-ma đối với Thiền tông Trung Hoa. Đến đời Nguyên (1271-1368), chùa Thiếu Lâm đã thực sự trở thành tổ đình của Phật giáo Trung Hoa, với chi phái Thiền tông chính là tông Tào Động do Thiền sư Phúc Dụ lãnh đạo. Ở thời kỳ này, Thiền sư Phúc Dụ đã hình thành nên một hệ thống quy chế pháp tông nghiêm ngặt, góp phần hình thành nên những cơ sở căn bản cho quá trình rèn luyện công phu một cách có hệ thống ở đời Minh (1368-1644). Trong giai đoạn Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương kiến quốc, phong khí luyện tập võ nghệ trong dân gian dần thịnh hành. Gần 300 năm tồn tại của triều đại nhà Minh cũng chính là giai đoạn phát triển toàn diện của trình độ công phu Thiếu Lâm. Từ đó, công việc luyện võ, tu đức trong các tự viện càng được phát triển, nhất là ở Thiếu Lâm. Đến đời Thanh (1644-1911) đạo Phật được giới quý tộc Bát Kỳ rất sùng bái, hoàng đế Ung Chính đã đích thân ngự lâm bản đồ quy hoạch xây dựng tự viện, quyết định phương án xây dựng, cho trùng tu Thiên Phật điện của Thiếu Lâm. Đặc biệt, ở thời kỳ này, võ thuật và Thiền tông nhờ có sự ủng hộ của tầng lớp quý tộc mà ngày càng được phổ biến rộng rãi.

Tuy nhiên, vào thời kỳ Dân quốc (1911 – 1949), chùa Thiếu Lâm đã chịu những tổn thất nặng nề. Năm 1928, các thế lực quân phiệt hỗn chiến với nhau làm liên lụy đến Thiếu Lâm. Các di tích như *Đại hùng bảo điện*, *Tàng kinh lâu* và một số kiến trúc khác đều bị hư hại nặng.

Từ khi Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập (10/1949) cho đến nay, chùa Thiếu Lâm vẫn tiếp tục duy trì và phát triển những truyền thống tốt đẹp của mình, đồng thời mở rộng sự giao lưu hoạt động, nhằm mục đích tuyên truyền cho một nền *văn hóa Thiếu Lâm* - một phần không thể thiếu của văn hóa cổ truyền Trung Hoa.

3. Tinh thần võ thuật Thiếu Lâm trong văn hóa Trung Hoa

Với hơn 5.000 năm phát triển, nền văn hóa Trung Quốc được đánh giá là một nền văn hóa vĩ đại và phức tạp. Nói đến văn hóa Trung Hoa, chúng ta không thể không nói đến võ thuật Trung Hoa. Ở góc độ từ nguyên, *vũ* (còn đọc là *võ*) là được xem là hình tượng người dùng vũ khí để chiến đấu. Vậy tại sao võ thuật lại được thịnh hành và phát triển cực thịnh ở những nơi con người tìm



sự bình an, xa lánh thế tục ô trọc, gắng vút bỏ thất tình lục dục? Theo dòng thời gian, chữ võ dần được cải biến. Các học giả ngày trước cho rằng: “*Vũ giả, vũ dã, chỉ qua dã, nãi chấn vũ họa loạn, bình định họa loạn chi hậu, khôi phục nhân đạo chi căn bản, ái vũ thống nhất địch nhân, thực vi võ chí bản nghĩa* 武者撫也, 止戈也, 乃振武禍亂, 平定禍亂之後, 恢復人道之根本, 寔為武之本義” (Võ là võ vể, ngừng chiến tranh, sau khi loạn lạc được bình định rồi quay về với những điều căn bản của con người, yêu thương thân ái với ngay kẻ địch chính là nghĩa gốc của võ vậy). Chữ Võ 武 gồm chữ chỉ 止 (dừng lại) và chữ qua 戈 (giáo, mác), ám chỉ việc hạ đao binh, ngừng chiến đấu. Hứa Thận trong *Thuyết văn giải tự* đã chú rằng: “*Chỉ qua vi vũ* 止戈為武” (dừng binh đao là vũ). Võ thuật Thiếu Lâm cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Nguyên ủy của võ thuật là con người sử dụng sức lực và vũ khí để tự vệ chống lại kẻ thù nhằm duy trì sự tồn tại của bản thân mình. Và dần theo dòng thời gian, những phụ gia lịch sử đã tạo cho võ không chỉ có tính chiến đấu mà còn mang tính nghệ thuật. Võ thuật Trung Hoa là sự kết hợp hài hòa của công phu Đạo gia và Thiền gia; đồng thời là một chi lưu của văn hóa và gắn chặt với các thuyết Âm dương, Ngũ hành, Tam tài, Bát quái trong thế giới quan, nhân sinh quan truyền thống của người Trung Quốc, phối hợp thêm kỹ thuật rèn luyện cân cốt, huyết đạo trong Trung y. Do đó, để có thể đạt được một trình độ thượng thừa, các võ sinh lại phải biết ít nhiều về kinh mạch, huyết vị để nắm vững biến chuyển của con người. Một công phu đã huyết được gọi là Nham Thần, được dùng để tính toán cả thời khắc để quyết định mục tiêu tấn công vì trong mười hai giờ thì khí lực ở mười hai kinh mạch khác nhau.

Trung Hoa là một quốc gia có diện tích rất rộng nhưng người ta thường lấy hai con sông lớn Dương Tử

và Hoàng Hà làm ranh giới thiên nhiên phân chia hai vùng văn hóa Bắc và Nam. Do có nhiều yếu tố sai biệt ở nhiều phương diện nên võ thuật giữa hai miền Nam và Bắc cũng có sự khu biệt. Võ thuật phương Bắc thiên về cước (dùng chân), trong khi đó miền Nam giỏi về quyền (dùng tay); đúng như giới võ lâm vẫn truyền tụng là *Nam quyền Bắc cước*. Miền Nam chú trọng đến các bộ tấn thấp và kỹ việc đá cao để mất thăng bằng nên luôn cố giữ cho thân hình không xa rời mặt đất (túc bất ly địa 足不離地). Miền Bắc thiên về tấn công từ xa trong khi miền Nam chú trọng đến cận chiến với đòn tấn công bằng khuỷu tay (cùi chỏ) và cẳng nã thủ (bắt, nắm, bẻ, bóp). Chùa Thiếu Lâm ở Hà Nam nằm giữa hai con sông thành thủ bao gồm nhiều thủ pháp kiêm bị hai đặc tính Bắc và Nam dung hòa sở trường của cả hai miền.

Võ thuật Trung Hoa luôn coi trọng nhu, lấy nhu thắng cương và luôn xem trọng sự khổ luyện. Vị trụ trì đầu tiên của chùa Thiếu Lâm là Bạt-đà-la tôn giả cũng có hai người đệ tử là Tuệ Quang và Tăng Trù đều giỏi võ. Tuệ Quang có thể đứng trên miệng giếng đá cầu liên tục 500 lần mà quả cầu không rời khỏi chân, còn Tăng Trù thì có thể đi trên tường, nhảy phóc lên mái nhà. Đến với chùa Thiếu Lâm, muốn học võ trước hết phải học đạo. Cho nên, qua các thời kỳ lịch sử, tuy có nhiều biến cố nhưng Thiếu Lâm Tự vẫn giữ được chân đạo và đó chính là cái gốc tạo thành môn phái Thiếu Lâm ngày nay.

Giờ đây, Thiếu Lâm tự không chỉ được cả thế giới biết đến như là ngôi chùa thần tiên, là tổ đình của Thiền tông Trung Hoa nằm trong chốn rừng sâu núi cao đẹp như tranh vẽ có không khí trong lành, mà còn luôn nhắc đến bằng sự nể trọng với tư cách là cái nôi võ thuật của cả một khu vực Hoa lục và những vùng văn hóa lân cận rộng lớn. ■

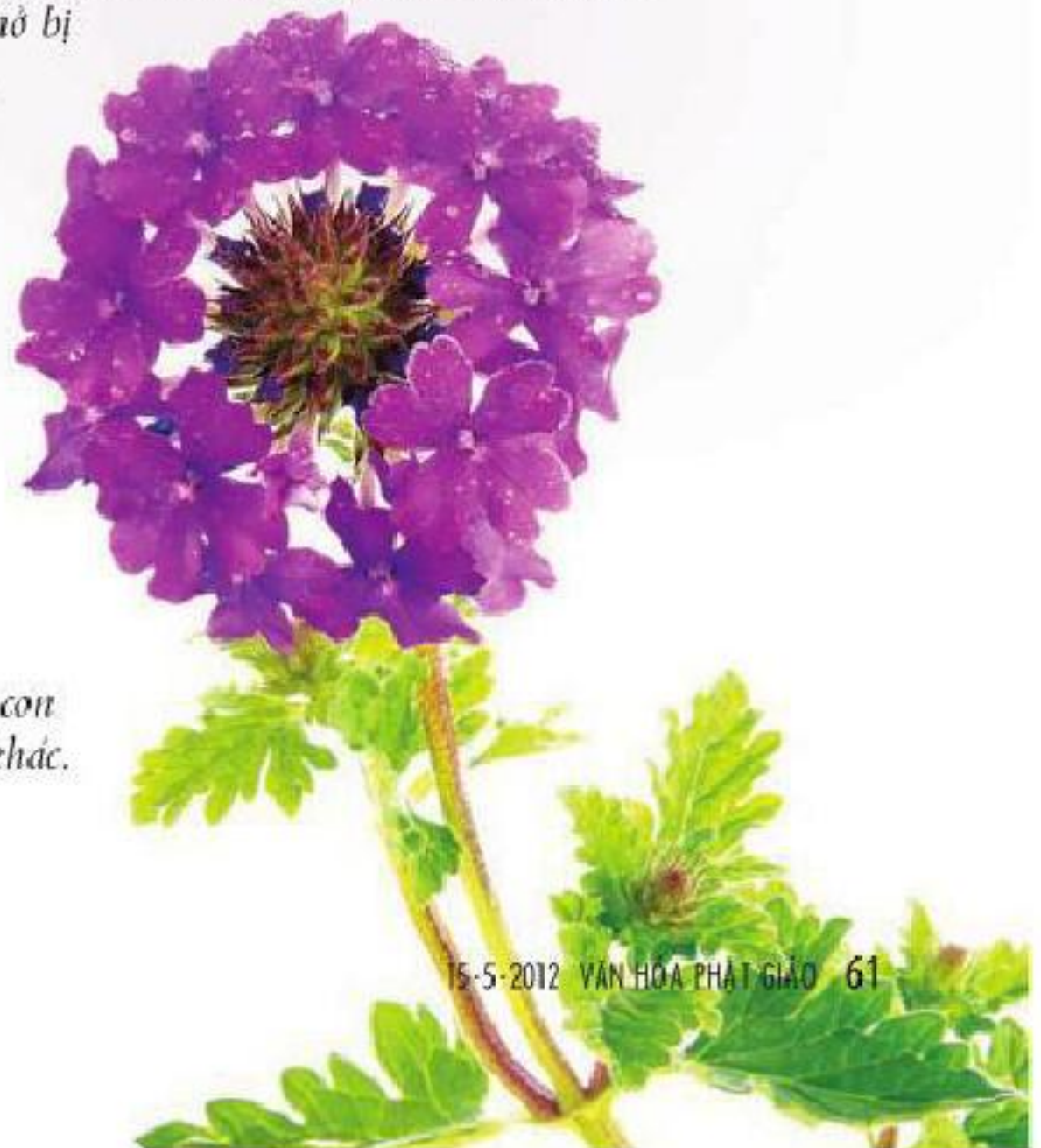
Lời cảm ơn cuộc sống

Ngày 30-4-2012 tôi đưa vợ con về thăm bố mẹ vợ ở Sài Gòn, định chiều hôm sau về. Không may, tối hôm ấy mẹ vợ tôi phải vào bệnh viện để được cấp cứu, vợ tôi đành ở lại theo dõi, tôi đưa con về một mình. Gần năm giờ chiều ngày 1-5, tôi chở đứa con năm tuổi ngồi sau xe gắn máy về nhà. Xa lộ Hà Nội hôm ấy vắng xe, gió hiu hiu làm thằng bé ngủ gật. Tôi một tay lái xe chậm chậm, một tay đỡ thằng bé oặt oẹo phía sau. Qua khỏi ngã tư Tây Hòa, có hai ông bà đã lớn tuổi chở một đứa bé trạc con tôi vượt lên đi song song. Người phụ nữ ngồi sau hỏi sao tôi không dùng đai dù cháu bé lại, vì thế này nguy hiểm quá. Tôi trả lời, “Cháu quên mang theo đai vì lúc đi thì đi cả hai vợ chồng, lúc về vợ cháu bận không đi cùng được”. Bà ấy hỏi tôi về đâu; khi nghe nói tôi về Tam Hà, bà ấy kêu lên, “Ôi, xa quá, thế thì không được đâu”. Rồi bà ấy bảo, “Cháu dừng xe, để bác sửa thế ngồi cho cháu bé rồi hãy đi tiếp”. Tôi nghe lời tắt xe vào lề, hai người đứng xe bên cạnh; bà ấy xuống xe lấy trong giỏ xách ra một cái đai, nịt vào người con tôi rồi đưa hai đầu dây nịt vào người đỡ cho tôi, nói, “Cháu đừng nghĩ ngợi về cái đai này, nó không đáng gì so với nỗi nguy hiểm mà cháu và cháu bé có thể gặp phải. Hai bác đã về gần đến nhà, hai người giữ một đứa bé thế này an toàn lắm rồi. Thôi, chào cháu”. Nói xong, bà ấy lên xe rồi hai ông bà chở đứa cháu đi thẳng; chừng hơn trăm thước thì họ quẹo phải vào một con đường nhỏ. Bỗng khuâng một lúc, tôi nói chiếc đai còn mới cho vừa với vòng bụng, kéo đứa con vào sát sau lưng và nổ máy xe đi tiếp. Đến lúc này tôi mới có thể chú ý vào việc lái xe. Cha con tôi về đến nhà an toàn lúc gần bảy giờ. Tôi rất cảm kích về sự giúp đỡ của hai ông bà nọ, hơn nữa, tôi còn học được một nguyên tắc là nếu cho con nhỏ đi xa, phải chuẩn bị tất cả những gì cần thiết đối với đứa trẻ, mặc dù có thể không phải dùng tới. Xin gửi đến hai ông bà hôm ấy lời biết ơn sâu sắc của tôi, cả về sự giúp đỡ lẫn về bài học âm thị của quý vị.

Trương Ngọc Long, Tam Hà, Đồng Nai

Vì mưu sinh, hàng ngày tôi rong ruổi trên chiếc xe gắn máy cà tàng đi khắp mọi hang cùng ngõ hẻm của thành phố. Tất nhiên, tôi chẳng thể nào tránh được những phiền muộn trước nhiều chuyện rắc rối vẫn thường gặp; tuy vậy, tôi vẫn thấy rõ tình người qua những việc nhỏ nhặt làm tôi ấm lòng. Tôi không thể nhớ bao lần có người nhắc tôi, coi chừng cái chân chống, vậy mà tôi vẫn cứ quên! Vào ban ngày, nhiều người nhắc tôi tắt đèn pha; còn khi chạng vạng, nhiều lần có người bảo tôi mở đèn pha lên kéo bị phạt! Khi chờ hàng công kênh mà dây ràng bị lỏng, tôi liền được lưu ý. Đang chờ hàng mà xe bị bể bánh hay tắt máy bất chợt, cũng có người sẵn lòng giúp tôi giữ hàng trong lúc tôi dẫn xe đến chỗ sửa chữa. Thấy cái ví tiền và giấy tờ ở túi sau của tôi trồi lên, liền có người nhắc nhở cảnh giác tôi. Thường chạy xe trong những con hẻm ngoằn ngoèo hai bên là nhà phố, nhiều lúc kẹt xe vì vô số nguyên nhân, tôi vẫn thường được nhường đường. Có hôm hàng hóa tôi chở bị rơi khỏi xe, liền có người giúp tôi gom lại hoặc đặt trở lại yên sau. Tôi nhớ mãi một lần, đang đi trên một con đường nhỏ ở Khu công nghiệp Sóng Thần thì sợi dây xích xe bị đứt, nó đồn cục lại làm cho xe tôi dừng phắt giữa đường. Có hai người công nhân chở nhau trên một chiếc xe cũ kỹ, họ mãi nói chuyện nên chỉ kịp lạng ra bên ngoài để tránh, tuy không đụng phải tôi nhưng họ đã ngã ra đường. Lồm cồm ngồi dậy, thay vì cần nhân cầu có thì họ đã nhận ra đúng bệnh của xe tôi, tận tình hướng dẫn tôi đến một cửa hàng sửa xe gần đó, tuy đồ sộ và đông khách, nhưng với kẻ vãng lai như tôi thì tìm ra được cũng “mệt nghỉ”; nơi đó giá cả phụ tùng và dịch vụ tương xứng với phẩm chất. Tôi xin cảm ơn chung tất cả những tấm lòng vị tha mà tôi đã gặp. Tôi cũng cảm ơn cuộc sống này, luôn có những con người sẵn lòng thông cảm với khó khăn, khiếm khuyết của người khác.

Nguyễn Hữu Chung, quận 12, TP.HCM



THÔNG BÁO

CUỘC THI VIẾT VĂN CHỦ ĐỀ “NÓI LỜI TRI ÂN” LẦN I

○ Trên tinh thần tri ân, báo ân nhân mùa Vu lan, PL.2556 - DL.2012, Diễn đàn trao đổi Phật học Vườn Tâm do ĐĐ. Thích Giác Nhưong làm chủ nhiệm, đã tổ chức cuộc thi viết văn chủ đề “NÓI LỜI TRI ÂN” từ nay đến ngày 10-7-2012.

○ Nhằm mục đích tôn vinh, nhắc nhở và đánh thức những tấm lòng hiếu nghĩa, biết ơn đối với những bậc tôn kính, để chào đón ngày lễ đầy ân nghĩa trong lòng người con đất Việt. Theo đó, bạn đọc có thể viết những chia sẻ, những câu chuyện, những kỷ niệm của chính mình về ông bà, cha mẹ, người thân, thầy cô, bè bạn... Tác phẩm dự thi dung lượng không quá 1.200 từ.

○ Cuộc thi có 12 giải gồm 1 giải nhất (5 triệu đồng/giải), 2 giải nhì (3 triệu đồng/giải), 4 giải ba (1 triệu đồng/giải) và 5 giải khuyến khích (500.000 đồng/giải).

○ Bài dự thi gửi về: **Cuộc thi “Nói lời tri ân”, Hộp thư Vườn Tâm, Bưu điện Trung tâm thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông.**

○ Hoặc gửi thư điện tử về hộp mail: noiloitrian@gmail.com

○ Để biết chi tiết cuộc thi, bạn đọc xem trên website Vườn Tâm (www.vuontam.net).

Đang phát hành

VĂN HÓA
P HẬT G I Á O

đang bộ **Tập 2** năm 2011,

từ số 132 đến số 143

giá **210.000đ/cuốn**



Mới

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ 2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ 2011 (2 tập): 420.000VNĐ

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ : Tòa soạn tạp chí
VĂN HÓA PHẬT GIÁO
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Khu ẩm thực chay sân vườn
Thiên Ý

- ❑ Phục vụ các món ăn thuần chay ngon lạ, hấp dẫn
- ❑ Thứ Bảy & Chủ nhật hàng tuần có món bánh xèo rau rừng, bánh canh Tráng Bàng
- ❑ Buffet ngày Rằm và Mừng Một hàng tháng từ 10 giờ sáng đến 22 giờ

Đặc biệt có chương trình hòa tấu nhạc cụ dân tộc (từ 18h – 21h)

Nhận đặt tiệc

- Liên hoan – Sinh nhật – Hội nghị và phục vụ đón tận nơi theo yêu cầu
- Sân vườn thoáng mát, phong cảnh đẹp, không khí thiên nhiên trong lành, thanh tịnh

Diện tích lớn, bãi đậu xe ô tô thuận tiện tổ chức các buổi hội nghị lớn



PHÒNG PHÁT HÀNH VHP PHẬT GIÁO HƯƠNG SEN

- ❖ Phục vụ các ấn phẩm Phật giáo: Kinh sách, băng đĩa, pháp phục, vật dụng thờ cúng, tranh tượng Phật, v.v.
- ❖ Đặc biệt: **TRANG SỨC TÂM LINH** (trang sức vàng bạc có khắc câu thần chú của Bồ-tát Quán Thế Âm Om Mani Padme Hum)

36 Trần Quý Cáp, P.11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 08.3516.7475 - 0913916036



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

60/116 Lý Chính Thắng – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Mặt tiền bờ kênh Nhiêu Lộc). Tel: 08.38482028

Bộ Sớ Giải KINH HOA NGHIÊM Đồ Sộ Nhất Lần Đầu Tiên Được Xuất Bản



Hoa Nghiê Kinh Thám Huyền Ký là tác phẩm lớn nhất trong sự nghiệp hoằng hóa của Đại sư **Pháp Tạng** (643 – 712). (1) **Tổ thứ 3** của **Tông Hoa Nghiê**, là một số các nhà Hoa Nghiê Học nổi tiếng của Phật Giáo Trung Quốc, Đời Đường (618 – 906), người đã Biện giải để xác lập Giáo Nghĩa cho **Tông Hoa Nghiê**, người được D. T. Suzuki (1870 – 1966) đánh giá là một trong số các Học giả xuất sắc nhất của Phật Giáo Trung Quốc. Nội dung của Sách **Hoa Nghiê Kinh Thám Huyền Ký** là giải thích Luận giảng, Quảng diễn về **Kinh Hoa Nghiê** Bản do Đại sư **Phật Đà Bạt Đà La** (Phạn: Buddhahadra 359 – 429) Hán dịch gồm 7 Xứ (Nơi chốn thuyết giảng) 8 Hội (Lần Thuyết giảng) **34** phẩm, **60** quyển...

Qua hơn **2150** trang sách, người đọc sẽ gặp rất nhiều lần sự vận dụng linh hoạt của tác giả về luận điểm của các Học thuyết Phật giáo Nam Bắc, Tiểu Đại, từ **A Tỳ Đàm**, **Câu Xá**, **Thành Thật**, đến **Bát Nhã**, **Trung Quán**, **Pháp Hoa**, **Niết Bàn**, **Duy Thức**... tất cả là để góp phần soi sáng biện lý của Kinh. Toàn bộ đã cho thấy một sức làm việc phi thường của một Trí Tuệ phi thường của tác giả...

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.



DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

5 Trần Bình Trọng, Phường 5, Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quà lưu niệm, pháp phục tăng ni cư sĩ...

ấn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ấn tổng

y phục: nhận may pháp phục và đồng phục

VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

Chuyên cung cấp: đĩa, kinh sách, chuỗi hạt, tranh, tượng Phật, pháp khí, pháp phục Phật giáo.

❖ Đặc biệt có đầy đủ sách, đĩa thuyết giảng các khóa tu do chùa Hoàng Pháp phát hành.

- ❑ Địa chỉ: 128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.
- ❑ Điện thoại: 0710 - 3810 826

❖ Nhân dịp Mừng Phật đản và kỷ niệm 5 năm ngày thành lập phòng phát hành, có chương trình giảm giá 10% áp dụng trong 3 ngày 28, 29 và 30/4 (nhằm ngày mùng 8, 9, và 10 tháng 4 âm lịch).

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH HƯƠNG TỬ THIÊN

- ❖ Phnom Penh - Bangkok - Siem Reap. Giá 3.700.000VND (7 ngày 6 đêm)
- ❖ Campuchia - Lào - Thái Lan - Myanmar. Giá 7.500.000VND (10 ngày 9 đêm)
- ❖ Campuchia - Thái Lan - Ấn Độ - Nepal. Giá 1.300USD (20 ngày 20 đêm)

Liên hệ: Su Tạng Minh: 01647826121 - ĐT: 08. 62750789

Địa chỉ: 95 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, TP.HCM

Website: chuongtrinhthutien.mov.vn

Quý khách đi tham quan và ăn uống ngoài chương trình của Ban Tổ chức, vui lòng chi trả tự túc.



Ngọc Bích-Nephrite

Website: www.ngochich-nephrite.com

Quý khách có nhu cầu thỉnh tượng Phật và Bồ tát bằng ngọc bích và ngọc trắng Miến Điện (cửa hàng sẽ có giá ưu đãi)

Nơi chuyên cung cấp nhiều loại mẫu mã, kiểu dáng đẹp về trang sức bằng ngọc bích và các tôn tượng ngọc trắng Miến Điện

- ❑ Cửa hàng: 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3 - ĐT: (08) 5404.3752

Đang giảm giá 50%
đến ngày 30-6-2012

TAM BẢO

537 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận

❖ CHUYÊN KINH DOANH:

- ❑ Các loại tôn tượng mặt tông, kim cang thừa, các pháp khí hành lễ mặt tông, các amulet do các vị thánh tăng gia trì.
- ❑ Các loại tượng Phật Thái Lan và tượng của các vị thánh tăng, các amulet do các ngài gia trì.
- ❑ Các loại hương liệu cúng dường, các loại đá cúng mandala, đá phong thủy và các linh vật may mắn cát tường theo phong thủy...

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ: 0907 844 640 (gặp Hoàng)



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.

NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm

Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐT: 0989 183 398

❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

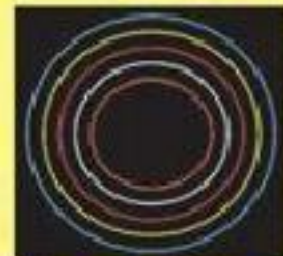
Neosign ĐẠI CAO THẾ

HÀO QUANG "PHẬT"

Chuyên Sản Xuất & Thi Công

ĐÈN HÀO QUANG PHẬT

Không Ngại Làm Xa



ĐC: 543 TÔ NGỌC VÂN - P. TAM PHỦ - Q. THỦ ĐỨC - TP. HCM

ĐT: 08 2240 2812 - ĐD: 090 88 77 912

❑ Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO

❑ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**

❑ ĐTDD: **0918 032 040**

❑ Email: thusuong69@gmail.com



Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.